ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và Quyết định số 3902/QĐ-NHNN ngày 15/12/2025 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt)

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 668 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 11 năm 2026)

Bản Cáo Bạch này và các phụ lục của Bản Cáo Bạch sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

- Địa chỉ: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 62 679 679 Fax: (028) 6263 8668

TỔ CHỨC TƯ VẤN

ACBS

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751

từ ngày . . . /. . . /2026

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Nguyễn Thanh Tú Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (028) 62 679 679

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2026

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023
Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và Quyết định số 3902/QĐ-NHNN ngày 15/12/2025 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt)

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên trái phiếu:	Trái phiếu BVBank phát hành ra công chúng năm 2026
Loại trái phiếu:	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo quy định của pháp luật hiện hành
Mệnh giá:	100.000 đồng/trái phiếu
Tổng số lượng trái phiếu chào bán:	13.000.000 (mười ba triệu) trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá:	1.300.000.000.000 đồng *(Một nghìn ba trăm tỷ đồng)*
Kỳ hạn trái phiếu :	07 (bảy) năm kể từ ngày phát hành
Nguyên tắc xác định Lãi suất trái phiếu :	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ 3,6%/năm (ba phẩy sáu phần trăm một năm) Lãi Suất Tham Chiếu được định nghĩa tại Điều 7.1, Mục VI của Bản Cáo Bạch này.
Lãi suất năm đầu tiên:	9,5%/năm

TỔ CHỨC TƯ VẤN & ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

ACBS

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751
- Website: www.acbs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

EY
Building a better working world

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

- Địa chỉ: Trung tâm Tài chính Bitexco, tầng 20, số 2 Hải Triều, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 4
1. Tổ Chức Phát Hành 4
2. Tổ chức tư vấn 4
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 4
1. Rủi ro về kinh tế 4
2. Rủi ro về Luật pháp 10
3. Rủi ro đặc thù 12
4. Rủi ro về đợt chào bán, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán 20
5. Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán 20
6. Rủi ro quản trị ngân hàng 22
7. Rủi ro khác 22
III. CÁC KHÁI NIỆM 23
1. Các khái niệm 23
2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt 24
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 25
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành 25
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành 28
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành 35
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành 37
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 41
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành 43
7. Thông tin chứng khoán đang lưu hành 48
8. Hoạt động kinh doanh 49
9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên 93
10. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng 95
11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức 131

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liền tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại 131

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành..... 134

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán..... 137

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 137

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH: 137

1. Kết quả kinh doanh..... 137

2. Tình hình tài chính..... 141

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành..... 146

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm..... 148

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận..... 148

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo..... 152

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 153

1. Căn cứ pháp lý 153

2. Tên trái phiếu..... 154

3. Loại trái phiếu 154

4. Mệnh giá..... 154

5. Tổng số lượng trái phiếu phát hành và tổng giá trị Trái Phiếu phát hành theo mệnh giá dự kiến 155

6. Kỳ hạn trái phiếu 155

7. Lãi suất và nguyên tắc xác định Lãi suất 155

8. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu 157

9. Giá chào bán:..... 158

10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động..... 158

11. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu 158

12. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu 160

13. Mua lại Trái Phiếu trước hạn 162
14. Hoàn trả và hủy bỏ Trái Phiếu 164
15. Quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu 164
16. Phương thức phân phối 166
17. Đăng ký mua trái phiếu 166
18. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu 168

Thời gian chào bán và phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực. Trường hợp tổ chức phát hành không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày. 168

19. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu ("Tài Khoản Phong Tỏa") 168
20. Các loại thuế có liên quan 169
21. Thông tin về các cam kết 170

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 171

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 171

1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu 171
2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu 172

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN: 173

1. Tổ chức kiểm toán 173
2. Tổ chức tư vấn và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu 174

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 174

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN 175

XII. PHỤ LỤC 176

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Phát Hành

Tổ Chức Phát Hành: Ngân hàng TMCP Bản Việt.

- Ông Lê Anh Tài — Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông Lý Hoài Văn — Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Bà Trần Thị Kim Thu — Chức vụ: Kế toán trưởng.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Tổ chức tư vấn: Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

- Ông Nguyễn Đức Hoàn — Chức vụ: Tổng Giám đốc.

(Theo giấy ủy quyền số 34/GUQ-ACBS.26 ngày 12/10/2026 của Chủ tịch HĐTV)

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng số 2209/HDDV.26 ngày 22/09/2026 giữa Công ty TNHH Chứng khoán ACB với Ngân hàng TMCP Bản Việt (và các phụ lục đính kèm) ("Bản Cáo Bạch"). Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá, lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Bản Việt cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Ngoài những thông tin có tại các phần khác của Bản Cáo Bạch này, nhà đầu tư cần xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro dưới đây trước khi mua trái phiếu. Việc xảy ra một hoặc nhiều sự kiện được trình bày dưới đây có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành – BVBank. Ngoài ra, có thể có những rủi ro khác có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư Trái phiếu nhưng BVBank chưa biết đến hoặc được coi là không trọng yếu tại thời điểm hiện tại.

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động kinh doanh của Ngân hàng chịu ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách điều hành của Chính phủ cũng như chính sách phát triển ngành dịch vụ tài chính.

Toàn bộ doanh thu và hoạt động kinh doanh của BVBank đều phát sinh và diễn ra trong phạm vi

lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, hoạt động kinh doanh của BVBank phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam. Mức độ ảnh hưởng từ các yếu tố vĩ mô tới BVBank tỷ lệ thuận với mức độ can thiệp của Nhà nước, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, quản lý ngoại hối, kiểm soát lương và giá cả và hạn chế đối với hàng hoá nhập khẩu.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2023, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm: lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu… ngày càng gia tăng.

Kinh tế Việt Nam năm 2023 mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, linh hoạt, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương cùng với sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế, nhờ đó kinh tế nước ta vẫn đạt được kết quả khả quan cho thấy nền kinh tế tiếp tục có xu hướng phục hồi mỗi mức tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước.

Năm 2023, tăng trưởng kinh tế đạt 5,05%; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83% đóng góp 0,46 điểm phần trăm; công nghiệp, xây dựng tăng 3,74% đóng góp 1,51 điểm phần trăm (riêng công nghiệp tăng 3,02%) và dịch vụ tăng cao nhất với 6,82% đóng góp 3,25 điểm phần trăm và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,33%.

Tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, quý sau cao hơn quý trước. Cụ thể, GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2012 - 2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

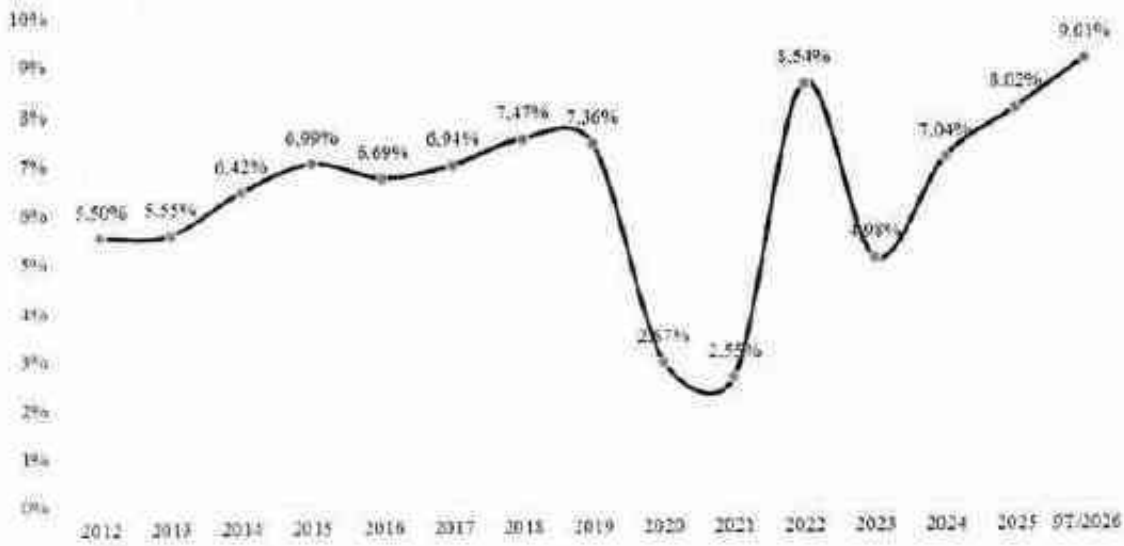
Trong năm 2025, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều biến động và thách thức phức tạp, tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu nói chung, đến tốc độ tăng trưởng của các ngành và lĩnh vực kinh tế nói riêng. Rủi ro từ chính sách thuế quan gia tăng khi nhiều quốc gia áp dụng biện pháp bảo hộ, khiến thương mại quốc tế chậm lại. Đồng thời, xung đột địa chính trị như chiến tranh Nga – Ukraine và Israel – Iran tiếp tục làm gia tăng bất ổn kinh tế toàn cầu. Cụ thể, trong Quý I/2025, Hoa Kỳ áp dụng mức thuế nhập khẩu toàn diện – 10% cho tất cả hàng hóa, riêng Trung Quốc bị áp thêm 34%, trong khi khối liên minh Châu Âu (EU), Nhật Bản và Hàn Quốc chịu mức thuế từ 25% trở lên. Điều này khiến kinh tế toàn cầu biến động, với dự báo của Ngân hàng Thế giới (World Bank) về tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu giảm còn 2,3% trong tháng 4/2025. Tuy nhiên, kinh tế toàn cầu đã có dấu hiệu phục hồi nhẹ từ Quý III/2025, nhờ chuyển biến tích cực trong đàm phán thương mại và gia tăng giao thương giữa các quốc gia.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều bất ổn, kinh tế Việt Nam đã thể hiện sức chống chịu bền bỉ và duy trì đà tăng trưởng cao. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, GDP năm 2025 tăng trưởng ấn tượng ở mức 8,02% so với cùng kỳ 2024 - vượt mục tiêu đề ra và cao hơn đáng kể so với mức bình quân toàn cầu. Sự tăng trưởng này được dẫn dắt bởi tất cả các khu vực kinh tế cốt lõi:

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78% (đóng góp 5,3% vào mức tăng GDP);
- Công nghiệp và xây dựng tăng 8,95% (đóng góp 43,62%);
- Khu vực dịch vụ tăng 8,62% (đóng góp 51,08%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 cũng duy trì đà tăng trưởng tích cực đạt 7.008 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm trước, phản ánh nhu cầu tiêu dùng nội địa phục hồi.

Trong 09 tháng đầu năm 2026, GDP Việt Nam tăng 9,01% so với cùng kỳ năm trước (cao hơn 1,16 điểm phần trăm so với mức tăng 7,85% cùng kỳ năm 2025). Đây là kết quả tăng trưởng khả ấn tượng trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục bất ổn và nhiều rủi ro gia tăng. Trong đó, tăng trưởng Quý III và 9 tháng của các khu vực kinh tế lần lượt là: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,21% và 4,02%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,5% và 11,21%; khu vực dịch vụ tăng 9,54% và 8,69%. Kết quả này cho thấy nền kinh tế tiếp tục phục hồi, duy trì được nhịp tăng trưởng tương đối ổn định, phản ánh những nỗ lực lớn trong điều hành và tinh thần vượt khó của cả nền kinh tế.

Hình 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn từ năm 2012 – 09 tháng đầu năm 2026



Nguồn: Tổng cục thống kê

Nền kinh tế khi đi vào quỹ đạo tăng trưởng ổn định sẽ mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước nói chung cũng như cho BVBank nói riêng. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị xã hội thế giới còn nhiều vấn đề bất ổn, kinh tế Việt Nam vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn khi xảy ra sẽ nhanh chóng tác động tiêu cực đến tốc độ phát triển và dòng tiền của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVBank.

Trước những biến động của môi trường kinh tế vĩ mô, BVBank luôn chủ động nhận diện, theo dõi và quản trị các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Ngân hàng. Đồng thời, BVBank tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm củng cố nền tảng phát triển bền vững trong ngành tài chính ngân hàng.

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và BVBank nói riêng. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các biện pháp kiểm chế lạm phát và ổn định vĩ mô, mục tiêu kiểm soát lạm phát thực hiện trong giai đoạn 2020 – 2024 đã thành công ở mức dưới 4% (3,23% năm 2020, 1,84% trong năm 2021, sau đó tăng lên 3,15% năm 2022, 3,25% trong năm 2023 và 3,63% trong năm 2024).

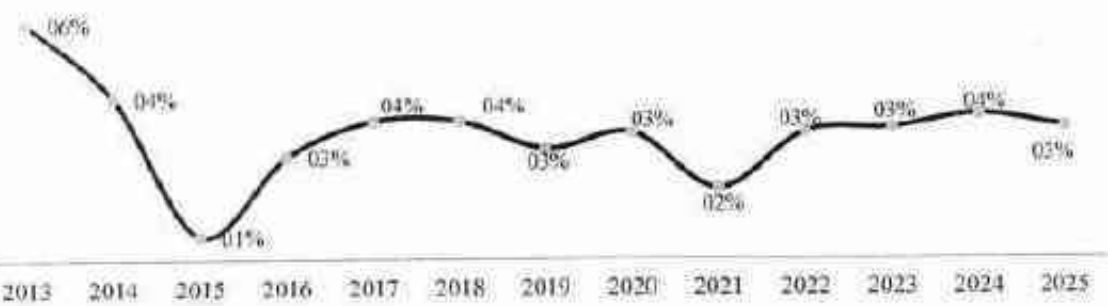
Dựa vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả nước trong năm 2025 tăng 3,31%, đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4,5% theo Nghị quyết số 226/NQ-QP ngày 05/08/2025 của Chính phủ. Việc duy trì mức lạm phát hợp lý trong khi kinh tế vẫn tăng trưởng cho thấy hiệu quả của các chính sách điều hành vĩ mô bởi Chính phủ, cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương trong việc triển khai kịp thời các giải pháp nhằm giảm áp lực lạm phát. Một trong những điểm sáng chính sách là Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/05/2025 của Bộ Chính trị, với định hướng tạo lập môi trường thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ. Theo đó, Nhà nước đã ban hành hàng loạt chính sách hỗ trợ như: Gói hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tiên phong; Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm đầu đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập; Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân tiếp cận các nguồn lực quan trọng như đất đai, vốn và nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, Luật Thuế Giá trị gia tăng có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 đã góp phần trực tiếp vào việc giảm áp lực giá cả. Theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP của Chính phủ, mức thuế VAT giảm từ 10% xuống còn 8% đối với phần lớn hàng hóa và dịch vụ, ngoại trừ một số lĩnh vực đặc thù như viễn thông, tài chính – ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và kinh doanh bất động sản. Những chính sách đồng bộ này không chỉ thúc đẩy tiêu dùng nội địa mà còn góp phần kiểm soát lạm phát.

Bước sang năm 2026, trong 9 tháng đầu năm 2026, kinh tế thế giới duy trì khả năng chống chịu khá trong bối cảnh rủi ro gia tăng. Đầu tư vào công nghệ cao, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), trung tâm dữ liệu và năng lượng trở thành động lực tăng trưởng mới của nhiều nền kinh tế, song xung đột tại Trung Đông kéo dài đẩy giá năng lượng, chi phí logistics, lương thực và nhiều mặt hàng tăng mạnh, khiến lạm phát toàn cầu tăng (dù đang chậm lại), lãi suất tăng, rủi ro nợ công và nợ tư tăng theo; cùng với đó, thời tiết diễn biến cực đoan (gồm cả siêu El Nino có thể kéo dài đến tháng 2/2027), khiến GDP của các quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều có thể giảm 1-2% (theo AFDP) và tăng áp lực đối với an ninh lương thực, nguồn nước, chuỗi cung ứng, hạ tầng và sản xuất nông nghiệp.

Trong nước, trước bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động và áp lực lạm phát gia tăng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Công tác điều hành được thực hiện linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa và tiền tệ; thị trường xăng dầu được điều hành bám sát diễn biến giá thế giới và cung cầu trong nước nhằm hạn chế biến động giá. Các địa phương tích cực triển khai giải pháp hỗ trợ sản xuất, ổn định thị trường, bảo đảm nguồn cung hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Tuy nhiên, áp lực từ chi phí đầu vào, biến động giá năng lượng và rủi ro lạm phát vẫn hiện hữu, đặt ra thách thức đối với công tác điều hành trong thời gian tới. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 09 tháng đầu năm 2026 tăng 4,52% so với cùng kỳ năm 2025.

Có thể thấy, việc kiểm soát lạm phát năm 2026 vẫn đang hiện hữu nhiều thách thức trong bối cảnh có nhiều yếu tố gây áp lực lên mặt bằng giá. Cụ thể như: (i) Giá nguyên vật liệu đầu vào thế giới đang ở mức cao do bị ảnh hưởng bởi căng thẳng địa chính trị, bảo hộ thương mại. Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên; (ii) thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý theo hướng tính đúng, tính đủ các yếu tố, các chi phí thực hiện vào giá dịch vụ y tế và học phí giáo dục sẽ tác động làm tăng CPI; (iii) mục tiêu tăng trưởng GDP 10% trong năm 2026 sẽ tạo thêm sức ép lên giá cả, do tăng trưởng kinh tế cao đồng nghĩa với tổng cầu, bao gồm đầu tư và tiêu dùng, đều phải tăng mạnh; (iv) tỷ giá được dự báo sẽ tiếp tục tác động lên CPI trong năm 2026 đến từ việc đẩy mạnh đầu tư và tiêu dùng, kéo theo nhập khẩu tăng trong khi tăng trưởng xuất khẩu năm 2026 có thể gặp thách thức do kinh tế thế giới tăng trưởng chậm và (v) Các chương trình hỗ trợ phục hồi, giải ngân đầu tư công của Chính phủ, dịch vụ du lịch… dự kiến sẽ gây áp lực lên mặt bằng giá trong năm 2026.

Hình 2. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2013 – 2025



Nguồn: Tổng cục thống kê

Đối với một ngân hàng định hướng tăng trưởng tín dụng trong lĩnh vực cho vay tiêu dùng nhỏ lẻ, doanh nghiệp nhỏ và vừa như BVBank, trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Ngân hàng thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí huy động vốn, nhân sự, đầu tư hạ tầng máy móc, văn phòng, v.v...

1.3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng và rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh. Rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (BVBank) do sự biến động bất lợi của lãi suất. Trong khi đó, rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh là khả năng xảy ra tổn thất đối với danh mục kinh doanh của BVBank do sự biến động bất lợi của lãi suất, ảnh hưởng đến giá trị danh mục.

- Đối với rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng: rủi ro có thể xảy ra do sự chênh lệch về giá trị giữa Tài sản Có nhạy cảm lãi suất và Tài sản Nợ nhạy cảm lãi suất theo từng thời điểm định lại lãi suất. Khi lãi suất thị trường biến động, thu nhập từ lãi có thể giảm trong khi lãi phải trả cho các khoản tiền tài trợ cho khoản vay chưa giảm tương ứng do chênh lệch kỳ định lại lãi suất, dẫn đến thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVBank có thể sẽ bị ảnh hưởng.
- Đối với rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị mua vào của danh mục kinh doanh. Khi lãi suất thị trường biến động bất lợi, tùy thuộc vào tính chất của danh mục, chênh lệch này có thể sẽ biến động và gây tổn thất cho BVBank.

Ngân hàng thực hiện quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc xây dựng và ban hành đầy đủ các quy định, quy trình quản lý, bao gồm các nội dung về nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro. Việc nhận diện rủi ro được thực hiện trên cơ sở phân tích đặc tính của từng sản phẩm trong danh mục và mức độ nhạy cảm của từng sản phẩm đối với biến động lãi suất thị trường.

Trên cơ sở đó, BVBank triển khai các phương pháp đo lường rủi ro phù hợp và thiết lập hệ thống hạn mức nhằm kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động lãi suất. Các hạn mức rủi ro lãi suất được xây dựng dựa trên các phân tích, đánh giá về xu hướng và diễn biến của thị trường lãi suất, phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng và đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN.

Công tác giám sát và báo cáo rủi ro lãi suất được thực hiện định kỳ, nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho Ban điều hành, phục vụ công tác quản trị, điều hành và ra quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

Bên cạnh đó, Ngân hàng thực hiện phân tích kịch bản và kiểm tra sức chịu đựng đối với các biến động lãi suất để đánh giá tác động đến thu nhập và giá trị danh mục. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn được điều chỉnh linh hoạt theo định hướng của Hội đồng ALCO trong quản lý rủi ro lãi suất, bao gồm việc điều chỉnh cơ cấu kỳ hạn và cơ cấu lãi suất phù hợp với diễn biến thị trường và định hướng hoạt động của Ngân hàng.

1.4. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là khả năng xảy ra tổn thất đối với trạng thái ngoại tệ của BVBank do sự biến động bất lợi của tỷ giá. Rủi ro ngoại hối của BVBank hiện nay phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, phục vụ khách hàng và hoạt động đầu tư của Sổ ngân hàng. Trạng thái ngoại tệ được quản lý tập trung tại Trụ sở chính.

Để hạn chế rủi ro này, BVBank đã thiết lập hệ thống hạn mức dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của BVBank và các quy định của NHNN, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Hạn mức

trạng thái, Hạn mức giao dịch cấp cho một khách hàng, Hạn mức cắt lỗ, Hạn mức rủi ro tập trung trong giao dịch tự doanh, và thiết lập các mức cảnh báo sớm ... Trạng thái ngoại tệ được quản lý hằng ngày, bao gồm việc đánh giá lại theo giá thị trường danh mục ngoại hối, đo lường rủi ro có thể phát sinh cho danh mục và báo cáo việc tuân thủ các hạn mức cho Ban điều hành và các đơn vị có liên quan nhằm đưa ra các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

Đồng thời, chiến lược phòng ngừa rủi ro tỷ giá được BVBank sử dụng linh hoạt thông qua các công cụ phái sinh như giao dịch hoán đổi, giao dịch kỳ hạn... và các công cụ khác nhằm hạn chế tối đa rủi ro ngoại hối, đảm bảo duy trì hạn mức đã thiết lập, phù hợp với khẩu vị rủi ro của BVBank trong từng thời kỳ.

2. Rủi ro về Luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, BVBank chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật chuyên ngành như Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán.... và các Nghị định, Thông tư quy định, hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bên cạnh các quy định pháp luật chung (Luật Doanh nghiệp, Luật thương mại, các Luật quản lý về thuế... và các văn bản hướng dẫn thi hành).

Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và "kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam", hệ thống pháp luật Việt Nam đang liên tục được hoàn thiện nhằm luật hóa các cam kết tại các điều ước quốc tế và yêu cầu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Trong thời gian vừa qua, Quốc hội đã thông qua một số đạo luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2024, đã thiết lập một khung pháp lý mới chặt chẽ và an toàn hơn, giải quyết các vướng mắc tồn đọng của giai đoạn trước, đồng thời hướng tới xử lý các vấn đề trọng yếu mà dư luận quan tâm trong hoạt động ngân hàng; qua đó, hướng tới hoàn thiện hơn nữa các quy định đối với các TCTD trong hoạt động ngân hàng.

Triển khai thực hiện các Luật đã được Quốc hội ban hành, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Cơ quan có thẩm quyền khác đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn luật nhằm chi tiết hóa các luật liên quan tới các tổ chức tín dụng, từ đó, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý và giúp cơ quan có thẩm quyền quản lý đầy đủ và toàn diện hoạt động của các tổ chức tín dụng, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật với số lượng lớn trong thời gian ngắn đã đặt ra thách thức không nhỏ cho các TCTD nói chung và BVBank nói riêng trong việc thực hiện quy định của Luật, tổ chức triển khai thực tế để đáp ứng yêu cầu tuân thủ trong hoạt động ngân hàng. Ngoài ra, tình hình tội phạm trong xu hướng số hóa hiện nay ngày càng gia tăng với thủ đoạn tinh vi, thường xuyên thay đổi, sử dụng công cụ, ứng dụng công nghệ cao để thực hiện hành vi phạm tội, đặc biệt trong giao dịch, thanh toán qua ngân hàng ngày càng phức tạp, nhưng một số văn bản pháp luật chưa kịp thời rà soát, ban hành các quy định, hướng dẫn, điều chỉnh để làm căn cứ áp dụng cho các TCTD, có thể dẫn đến rủi ro về mặt pháp lý đối với hoạt động ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro luật pháp, BVBank luôn chủ động cập nhật các văn bản pháp luật và phổ biến, thực hiện điểm tin và đánh giá tác động các văn bản pháp luật khi có thay đổi, ban hành mới. BVBank cũng đã xây dựng các quy trình, quy định nội bộ để đảm bảo bộ phận phụ trách về Pháp chế của Ngân hàng tham gia và kiểm soát quá trình xây dựng và ban hành các quy trình, quy định, các chính sách, sản phẩm mới nhằm đảm bảo hoạt động của BVBank tuân thủ với các quy định hiện hành và cập nhật các quy định dự kiến sẽ ban hành của pháp luật.

Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro này, BVBank đã chủ động nhận diện, kiểm soát và phòng ngừa tối đa rủi ro pháp lý, cụ thể như sau:

- Thiết lập và duy trì khung quản lý rủi ro (bao gồm rủi ro pháp lý) theo mô hình ba tuyến bảo vệ độc lập như sau:
  - Tuyến bảo vệ thứ nhất là các bộ phận tạo ra rủi ro gồm bộ phận tạo ra doanh thu, thực hiện các quyết định có rủi ro, thực hiện phân bổ hạn mức rủi ro theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động nghiệp vụ cụ thể; và bộ phận tạo ra rủi ro khác. Tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, thực hiện các biện pháp kiểm soát, theo dõi, giảm thiểu rủi ro;
  - Tuyến bảo vệ thứ hai gồm Bộ phận tuân thủ, pháp chế và Bộ phận quản lý rủi ro. Tuyến bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản lý rủi ro; đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro toàn ngân hàng và tuân thủ quy định của pháp luật;
  - Tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định pháp luật và quy định BVBank về kiểm toán nội bộ do Ban Kiểm soát ban hành.
- Xây dựng cơ chế nhận diện và quản lý khi có thay đổi, ban hành mới quy định pháp luật: BVBank chủ động theo dõi văn bản dự kiến ban hành, văn bản mới ban hành, dự thảo chính sách, chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước và thông lệ thị trường; từ đó đánh giá tác động của việc thay đổi quy định pháp luật đến hoạt động quản trị, điều hành, kinh doanh và vận hành của BVBank, thực hiện phân công các đơn vị chịu trách nhiệm triển khai rà soát, trình ban hành các quy định, quy trình và sản phẩm, xác định thời hạn hoàn thành và kiểm tra sau triển khai.
- Đối với các văn bản có ảnh hưởng lớn như quy định về cấp tín dụng, giới hạn an toàn trong hoạt động ngân hàng, phân loại nợ, bảo đảm tiền vay, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống rửa tiền, BVBank lập kế hoạch triển khai chi tiết, đào tạo và triển khai áp dụng trên toàn hệ thống, báo cáo tiến độ cho cấp có thẩm quyền.
- Kiểm soát pháp lý đối với quy định, quy trình và sản phẩm, dịch vụ: Trước khi ban quy định, quy trình và sản phẩm, dịch vụ, tất cả các văn bản ban hành phải được Phòng pháp chế của BVBank đánh giá và thẩm định pháp lý. Bên cạnh đó, BVBank còn xây dựng và triển khai số hóa thư viện về văn bản nội bộ, các hợp đồng, mẫu biểu và điều khoản giao dịch, đồng thời quy định rõ trường hợp nào được phép sửa đổi mẫu chuẩn, thẩm quyền phê duyệt ngoại lệ và

các quy định có liên quan.

- Tăng cường công tác phòng chống rửa tiền, bảo mật thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu khách hàng: BVBank tiếp tục duy trì hệ thống nhận biết khách hàng, cập nhật thông tin khách hàng, sàng lọc danh sách cảnh báo, giám sát giao dịch bất thường và báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định của NHNN. Đồng thời, kiểm soát việc thu thập, sử dụng, lưu trữ, chia sẻ và hủy bỏ dữ liệu khách hàng, bảo đảm tuân thủ quy định về bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin. Các hoạt động ngân hàng số, eKYC, hợp tác với đối tác công nghệ, đại lý, nhà cung cấp dịch vụ và bên thứ ba đều được rà soát hợp đồng, phân quyền truy cập dữ liệu, điều khoản bảo mật, trách nhiệm bồi thường và cơ chế xử lý sự cố theo quy định pháp luật và quy định BVBank.
- Đào tạo, giám sát và xử lý vi phạm: Định kỳ tối thiểu hằng năm người lao động của BVBank được tham gia lớp đào tạo về pháp lý, tuân thủ, quản lý rủi ro theo hệ thống chức danh, đặc biệt đối với nhân viên quan hệ khách hàng, giao dịch viên, ngân quỹ..., ngoài ra BVBank còn phối hợp với các Cơ quan Nhà nước, Hiệp hội Ngân hàng và tổ chức khác để tạo điều kiện cho Người lao động tham gia hội thảo chuyên đề, hội nghị phổ biến, tập huấn văn bản pháp luật và chương trình đào tạo trong hoạt động ngân hàng.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro cơ bản đối với hầu hết các ngân hàng thương mại (NHTM) nói chung và BVBank nói riêng do hoạt động cấp tín dụng vẫn là hoạt động chính tại các NHTM. Rủi ro này xảy ra khi Bên được cấp tín dụng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ theo cam kết đã ký trong hợp đồng. Rủi ro tín dụng phát sinh từ các nguyên nhân chính như:

- Từ bản thân các ngân hàng: Do chính sách và quy trình tín dụng chưa chặt chẽ, công tác quản trị rủi ro chưa hữu hiệu, việc thẩm định khách hàng chưa chặt chẽ, chưa tuân thủ đúng và đầy đủ quy trình, quy định của BVBank, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số cán bộ tín dụng còn chưa đáp ứng yêu cầu...
- Từ khách hàng: Do năng lực quản trị điều hành của bộ máy lãnh đạo đơn vị còn hạn chế, công nghệ sản xuất của khách hàng lỗi thời và không đủ khả năng tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao, khách hàng không có đủ tiềm lực về vốn để thực hiện phương án kinh doanh theo kế hoạch, khách hàng cố tình lừa đảo...
- Từ phía môi trường kinh doanh: Do nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, dịch họa, dịch bệnh...), thay đổi từ chính sách kinh tế vĩ mô và môi trường pháp lý, suy giảm đối với ngành mà khách hàng hoạt động hoặc của nền kinh tế nói chung, nguyên nhân do thông tin không cân xứng.

Trong điều kiện kinh doanh có nhiều thay đổi như hiện nay và các chủ thể kinh tế có mối quan

hệ qua lại lẫn nhau, việc quản lý rủi ro tín dụng trở nên phức tạp, ngoài ra hoạt động tín dụng đóng góp nguồn thu quan trọng trong hoạt động của BVBank, từ thực tế đó yêu cầu Ngân hàng không ngừng tăng cường khả năng quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro này, BVBank định hướng tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro tín dụng theo thông lệ quốc tế và quy định của NHNN, tập trung vào việc thiết lập môi trường quản trị rủi ro phù hợp, hệ thống đo lường - giám sát hiệu quả và cơ chế kiểm soát độc lập trong toàn bộ vòng đời khoản cấp tín dụng, cụ thể:

- Hoàn thiện môi trường quản trị rủi ro tín dụng: BVBank xác định rõ vai trò, trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các ủy ban chuyên trách, đơn vị kinh doanh, thẩm định tín dụng, quản lý rủi ro, pháp chế, tuân thủ, quản lý tín dụng, kiểm tra sau vay và kiểm toán nội bộ. Hội đồng quản trị phê duyệt chiến lược tín dụng, khẩu vị rủi ro, chính sách tín dụng và các giới hạn trọng yếu; Ban điều hành tổ chức triển khai và giám sát thực hiện; Khối Quản lý rủi ro thực hiện đánh giá độc lập, giám sát danh mục và cảnh báo sớm; Kiểm toán nội bộ kiểm tra độc lập tính tuân thủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát. Mô hình ba tuyến bảo vệ được vận hành thực chất nhằm bảo đảm tăng trưởng tín dụng đi đôi với chất lượng tài sản và an toàn vốn.
- Cụ thể hóa khẩu vị rủi ro tín dụng: BVBank chuyển hóa khẩu vị rủi ro thành các chỉ tiêu đo lường được như: xây dựng các chỉ tiêu về tỷ lệ tăng trưởng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu, nợ nhóm 2 mục tiêu, tỷ lệ dư nợ không có tài sản bảo đảm, giới hạn tín dụng theo đối tượng khách hàng, ngành kinh tế, sản phẩm.
- Tăng cường chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ: BVBank đã xây dựng và tiếp tục hoàn thiện các hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ riêng cho từng phân khúc khách hàng và sử dụng xuyên suốt trong quá trình phê duyệt cấp tín dụng. Đối với khách hàng cá nhân, mô hình kết hợp thông tin nhân thân, nghề nghiệp, thu nhập, lịch sử tín dụng, hành vi giao dịch và nghĩa vụ nợ hiện hữu... còn đối với khách hàng doanh nghiệp mô hình kết hợp chỉ tiêu tài chính, dòng tiền, năng lực quản trị, triển vọng ngành, lịch sử tín dụng của khách hàng...
- Cảnh báo nợ sớm và chuẩn hóa công tác xử lý và thu hồi nợ: BVBank đã triển khai và từng bước đưa vào áp dụng hệ thống cảnh báo nợ sớm để kịp thời nhận diện các khách hàng có dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng như trả nợ chậm, dòng tiền qua tài khoản giảm, phát sinh nợ nhóm 2 tại tổ chức tín dụng khác, nợ thuế, thay đổi bất thường chủ sở hữu hoặc tài sản bảo đảm giảm giá trị... Trên cơ sở cấp độ cảnh báo, BVBank áp dụng biện pháp phù hợp như tăng tần suất kiểm tra, hạn chế giải ngân, giảm hạn mức tín dụng, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền hoặc chuyển sang quản lý nợ chuyên trách. Đối với hoạt động xử lý và thu hồi nợ, BVBank tiếp tục chiến lược phân luồng khoản vay theo khả năng phục hồi, áp dụng nhắc nợ sớm, cơ cấu nợ có điều kiện, thu hồi từng phần, xử lý tài sản bảo đảm, khởi kiện hoặc bán nợ khi cần thiết.

Quản lý rủi ro danh mục: Gắn liền với công tác cảnh báo nợ sớm, BVBank giám sát danh mục tín dụng theo ngành, sản phẩm, phân khúc khách hàng, địa bàn cấp tín dụng, kỳ hạn vay, loại tài sản bảo đảm,... đồng thời thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về rủi ro tín dụng tối thiểu 1 lần trong năm, trong đó xây dựng các kịch bản bất lợi như tăng trưởng kinh tế suy giảm, lãi suất tăng, lạm phát tăng, tỷ giá biến động... kết quả kiểm tra sức chịu đựng là công cụ để BVBank có các chiến lược quản lý rủi ro tín dụng phù hợp như điều chỉnh hạn mức, chính sách sản phẩm, điều kiện cấp tín dụng với khách hàng... Thông qua các biện pháp trên, BVBank chủ động kiểm soát rủi ro tín dụng trên cả cấp khoản vay và cấp danh mục, thực thi chiến lược cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng tín dụng, hiệu quả kinh doanh và an toàn hoạt động, đồng thời nâng cao năng lực chống chịu trước các biến động bất lợi từ môi trường kinh tế và thị trường.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hoá trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm:

- Rủi ro về lãi suất

  Rủi ro về lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Ngân hàng dẫn đến khả năng BVBank phải đối mặt với sự suy giảm lợi nhuận hoặc các tổn thất liên quan đến tài sản do sự biến động của lãi suất.

  Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu BVBank phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay kịp thì dẫn đến giảm thu nhập lãi.

- Rủi ro về ngoại hối

  Rủi ro về ngoại hối (rủi ro tỷ giá) là rủi ro gây ra tổn thất cho Ngân Hàng do duy trì các trạng thái ngoại tệ khi tỷ giá biến động bất lợi. Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục tài sản Nợ và tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân Hàng, dẫn đến khả năng BVBank phải đối mặt với sự suy giảm lợi nhuận khi thực hiện đánh giá lại các các khoản mục đó sang VND.

- Rủi ro giá cổ phiếu

  Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng. Khi có biến động bất lợi như vậy phát sinh sẽ làm tăng chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh và/hoặc chứng khoán đầu tư, theo đó làm suy giảm lợi nhuận của Ngân hàng. Hiện nay BVBank không đầu tư cổ phiếu do đó không phát sinh rủi ro giá cổ phiếu.

- Rủi ro giá hàng hoá

  Rủi ro giá hàng hoá là rủi ro biến động bất lợi của giá hàng hoá trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hoá, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hoá của Ngân hàng. Hiện nay BVBank không kinh doanh hàng hóa do đó không phát sinh rủi ro giá hàng hóa.

Ngân hàng thực hiện quản lý rủi ro thị trường thông qua biện pháp nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo. BVBank đã xây dựng và ban hành đầy đủ các chính sách, hệ thống, quy định và quy trình để triển khai đồng bộ các biện pháp quản trị đối với các yếu tố rủi ro thị trường. Cụ thể:

- Đối với rủi ro lãi suất, Ngân hàng theo dõi và kiểm soát các khoản mục bao gồm nhưng không giới hạn: chênh lệch kỳ tái định lãi suất giữa tài sản và nguồn vốn; danh mục đầu tư giấy tờ có giá, công cụ tài chính nhạy cảm với lãi suất thị trường. Việc đo lường rủi ro được tiến hành thông qua các công cụ, mô hình nội bộ nhằm đánh giá mức độ tác động của biến động lãi suất đối với toàn bộ danh mục của Ngân hàng. Đồng thời dựa trên danh mục hiện tại, BVBank thực hiện kiểm tra sức chịu đựng theo các kịch bản căng thẳng của thị trường nhằm đánh giá sức chịu đựng của Ngân hàng đối với những biến động mạnh của thị trường
- Đối với rủi ro ngoại hối, Ngân hàng quản lý thông qua việc xây dựng và áp dụng hệ thống các hạn mức trạng thái ngoại tệ theo quy định nội bộ và tuân thủ quy định của NHNN. Đồng thời, BVBank thường xuyên theo dõi diễn biến tỷ giá trên thị trường và thực hiện đánh giá lại các khoản mục ngoại tệ hằng ngày, bao gồm đánh giá lại theo giá thị trường, đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR), qua đó kịp thời nhận diện các tác động bất lợi đến kết quả kinh doanh.

  BVBank áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp, bao gồm việc điều chỉnh cơ cấu danh mục hoặc sử dụng công cụ phái sinh như giao dịch hoán đổi, giao dịch kỳ hạn, nhằm hạn chế tối đa tổn thất có thể xảy ra khi lãi suất và tỷ giá biến động bất lợi.
- Đối với rủi ro giá cổ phiếu và rủi ro giá hàng hóa, hiện tại BVBank không phát sinh hoạt động kinh doanh liên quan; trong trường hợp phát sinh trong tương lai, Ngân hàng sẽ xây dựng khung quản lý, thiết lập hạn mức và triển khai các biện pháp giám sát, kiểm soát phù hợp.

Tổng thể, các hoạt động quản lý rủi ro thị trường được thực hiện trên cơ sở hệ thống hạn mức, các ngưỡng cảnh báo sớm, công cụ đo lường, giám sát và báo cáo định kỳ, đảm bảo phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng và tuân thủ quy định của NHNN.

3.3. Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là các tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch về giá trị giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất theo từng kỳ hạn và do sự chênh lệch giữa thời lượng bình quân của tổng tài sản có và tổng tài sản nợ. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất và khe hở thời lượng, thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVBank có thể sẽ bị ảnh hưởng.

Đối với rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, BVBank thực hiện quản lý thông qua việc nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát mức độ nhạy cảm của tài sản, nguồn vốn và các công cụ tài chính đối với biến động lãi suất thị trường. Cụ thể, Ngân hàng theo dõi chênh lệch kỳ hạn tái định giá giữa tài sản Có và tài sản Nợ theo từng thang kỳ hạn nhằm đánh giá mức độ mất cân đối về thời điểm điều chỉnh lãi suất, từ đó kịp thời nhận diện tác động bất lợi đến thu nhập lãi (NII) và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (EVE). Trên cơ sở kết quả đo lường và đánh giá rủi ro, Ngân hàng thiết lập các hạn mức kiểm soát rủi ro lãi suất, bao gồm hạn mức chênh lệch kỳ hạn, hạn mức về NII, EVE và các ngưỡng cảnh báo phù hợp với khẩu vị rủi ro, năng lực tài chính và định hướng kinh doanh của Ngân hàng. Bên cạnh đó, BVBank thực hiện phân tích kịch bản và kiểm tra sức chịu đựng đối với các biến động lãi suất khác nhau nhằm đánh giá tác động tiềm tàng đến thu nhập lãi, giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu. Căn cứ diễn biến thị trường và định hướng của Hội đồng ALCO, BVBank chủ động điều chỉnh cơ cấu tài sản – nguồn vốn, bao gồm cơ cấu kỳ hạn và danh mục công cụ tài chính nắm giữ, nhằm hạn chế rủi ro phát sinh và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn. Công tác giám sát, đo lường và báo cáo rủi ro lãi suất được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất, bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Ban điều hành và các cấp có thẩm quyền trong công tác quản trị, điều hành và ra quyết định phù hợp với quy định nội bộ cũng như quy định của NHNN.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro phát sinh do các quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, lỗi hoặc sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài gây tổn thất tài chính và/hoặc tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng. Đây là loại hình rủi ro trọng yếu, có phạm vi phát sinh rộng, không chỉ trong hoạt động nội bộ mà còn từ các yếu tố bên ngoài nằm ngoài sự kiểm soát của Ngân hàng nhưng vẫn có thể ảnh hưởng đến hoạt động.

Trong bối cảnh BVBank mở rộng quy mô hoạt động và gia tăng mức độ phức tạp của sản phẩm, dịch vụ (đặc biệt là phát triển ngân hàng bán lẻ và các kênh giao dịch trực tuyến), mức độ rủi ro hoạt động có xu hướng gia tăng.

Các nhóm rủi ro hoạt động trọng yếu bao gồm:

- Rủi ro công nghệ thông tin và an ninh mạng: phát sinh từ việc gia tăng phụ thuộc vào hệ thống CNTT và các kênh giao dịch số; nguy cơ mất an toàn thông tin, gián đoạn dịch vụ, tấn công mạng.
- Rủi ro gian lận và rủi ro tác nghiệp: phát sinh trong quá trình mở rộng quy mô hoạt động, gia tăng số lượng khách hàng và tần suất giao dịch; bao gồm sai sót nghiệp vụ, gian lận nội bộ hoặc bên ngoài.
- Rủi ro từ quy trình và kiểm soát nội bộ: liên quan đến việc thiết kế quy trình chưa đầy đủ hoặc thực thi chưa hiệu quả.
- Rủi ro từ yếu tố bên ngoài: bao gồm các sự kiện bất khả kháng hoặc tác động từ đối tác, môi trường kinh doanh.

Những rủi ro này nếu không được quản lý hiệu quả có thể ảnh hưởng đến tính an toàn, hiệu quả và uy tín của Ngân hàng.

Để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro hoạt động, BVBank triển khai các chiến lược và biện pháp sau:

- Hoàn thiện khung quản trị rủi ro hoạt động: Xây dựng và duy trì khung quản trị rủi ro hoạt động theo mô hình ba tuyến bảo vệ:
  - Tuyến 1: Các đơn vị kinh doanh và vận hành;
  - Tuyến 2: Khối Quản lý rủi ro;
  - Tuyến 3: Kiểm toán nội bộ.
- Triển khai các công cụ quản trị rủi ro
  - Thực hiện RCSA (tự đánh giá rủi ro và kiểm soát) định kỳ;
  - Quản lý sự kiện và tổn thất hoạt động;
  - Giám sát và báo cáo rủi ro định kỳ tới Ban điều hành và Hội đồng quản trị.
- Tăng cường quản trị rủi ro công nghệ thông tin và an ninh mạng
  - Triển khai đánh giá rủi ro an toàn thông tin;
  - Giám sát hệ thống, quản lý nhật ký;
  - Tăng cường phòng ngừa, phát hiện và xử lý sự cố an ninh mạng;
  - Áp dụng các biện pháp đảm bảo bảo mật – toàn vẹn – sẵn sàng của hệ thống;
  - Triển khai quản trị theo quy định nội bộ, tham chiếu tiêu chuẩn ISO 27001 và tuân thủ quy định NHNN.
- Kiểm soát rủi ro gian lận và tác nghiệp
  - Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ;
  - Phân tách chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ phận;
  - Tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ;
  - Đào tạo và nâng cao nhận thức rủi ro cho CBNV.
- Định hướng nâng cao trong thời gian tới
  - Tiếp tục hoàn thiện khung QLRR hoạt động;
  - Tăng cường ứng dụng công nghệ trong giám sát rủi ro;
  - Nâng cao năng lực quản trị an toàn thông tin;
  - Củng cố văn hóa quản lý rủi ro trên toàn hệ thống.

3.5. Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể bắt nguồn từ việc BVB không thể lường trước và dự phòng đầy đủ những giảm sút về nguồn vốn, từ đó có thể dẫn tới những ảnh hưởng bất lợi đến khả năng đáp ứng của BVBank đối với các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.

Thời gian qua, bên cạnh việc tiếp tục tạo dựng uy tín với các khách hàng tiền gửi lớn/truyền thống, BVBank đã tích cực chủ trọng gia tăng huy động vốn từ các khách hàng mới, theo đó, số dư huy động vốn tăng trưởng đều qua các năm. Đồng thời BVBank tiếp tục duy trì khối lượng tài sản có tính lỏng cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường, tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.

Bên cạnh đó, BVBank đã xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro thanh khoản phù hợp với thông lệ, xây dựng văn bản quy định về hoạt động quản lý thanh khoản, trong đó xác định rõ các công cụ quản lý thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra.

BVBank luôn đảm bảo duy trì tiền gửi tại NHNN theo quy định hiện hành về dự trữ bắt buộc, đồng thời đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi và các giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động khác theo quy định của NHNN.

3.6. Rủi ro tập trung

Cũng như đa số các ngân hàng thương mại khác tại Việt Nam, BVBank chủ trọng tài trợ cho các ngành, khu vực kinh tế có tiềm năng phát triển trong từng thời kỳ và việc này dẫn đến khả năng phát sinh rủi ro tập trung vào một số nhóm ngành. Mặc dù BVBank luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của NHNN về giới hạn cho vay theo ngành, sự suy thoái của một số ngành kinh tế vẫn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của BVBank.

BVB giảm thiểu rủi ro này bằng cách lựa chọn thận trọng các ngành và khu vực kinh tế có tiềm năng ổn định và lâu dài. Đối với từng khách hàng trong ngành, BVBank cũng luôn đánh giá cẩn trọng khách hàng vay để lựa chọn chỉ cho vay các khách hàng có khả năng trả nợ tốt và có lịch sử giao dịch nhiều năm với Ngân hàng. BVBank luôn đảm bảo được việc tuân thủ các hạn mức của NHNN quy định đối với việc cho vay tập trung theo ngành trong các năm gần đây.

Đối với rủi ro tập trung trong danh mục tự doanh, BVBank thực hiện quản lý thông qua việc thiết lập và giám sát các hạn mức rủi ro tập trung theo từng đối tác, từng loại sản phẩm và từng loại tiền tệ, nhằm hạn chế mức độ phụ thuộc hoặc giao dịch tập trung quá mức vào một đối tác, công cụ tài chính hoặc đồng tiền nhất định. Cụ thể, hạn mức rủi ro tập trung theo đối tác được áp dụng để kiểm soát tổng giá trị giao dịch phát sinh đối với từng tổ chức hoặc đối tác giao dịch, bảo đảm không quá phụ thuộc vào một hoặc một nhóm đối tác. Hạn mức theo sản phẩm được thiết lập nhằm kiểm soát tỷ trọng đầu tư hoặc trạng thái giao dịch đối với từng loại công cụ trong danh mục tự doanh như giấy tờ có giá, giao dịch ngoại tệ, các công cụ tài chính khác, qua đó kiểm soát danh mục được phân bổ phù hợp, tránh tập trung quá mức vào một nhóm sản phẩm có cùng đặc tính rủi ro. Đối với hạn mức theo loại tiền tệ, BVBank theo dõi trạng thái danh mục đầu tư theo

từng loại ngoại tệ, tránh tập trung quá nhiều vào một đồng tiền nhằm hạn chế rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá và khả năng thanh khoản của loại ngoại tệ đó.

Việc tuân thủ các hạn mức rủi ro tập trung được giám sát hàng ngày và báo cáo kịp thời đến Ban điều hành để xem xét, quyết định biện pháp xử lý cũng như điều chỉnh cơ cấu danh mục phù hợp. Công tác quản lý rủi ro tập trung trong giao dịch tự doanh được thực hiện phù hợp với khẩu vị rủi ro, định hướng kinh doanh của Ngân hàng và tuân thủ các quy định nội bộ cũng như quy định của NHNN.

Đối với rủi ro tập trung tín dụng, BVBank thực hiện quản lý rủi ro bằng các giải pháp:

- Thiết lập hạn mức tập trung: BVBank xây dựng và duy trì hạn mức tập trung ở cả cấp khách hàng, nhóm khách hàng liên quan, ngành kinh tế, phân khúc khách hàng, địa bàn, sản phẩm tín dụng, loại tài sản bảo đảm. Các hạn mức này cần được xây dựng phù hợp với khẩu vị rủi ro, năng lực vốn, chất lượng tài sản và định hướng kinh doanh của BVBank trong từng thời kỳ.
- Tăng cường giám sát danh mục và cảnh báo sớm.
- Kiểm soát rủi ro khách hàng và nhóm khách hàng liên quan: Ngoài việc kiểm soát giới hạn tín dụng với khách hàng, khách hàng và người có liên quan, BVBank còn nhận diện mở rộng các trường hợp các khách hàng có cùng nguồn trả nợ, cùng chuỗi cung ứng, cùng chủ đầu tư... việc đánh giá theo nhóm rủi ro giúp hạn chế tình trạng nhiều khoản vay độc lập về hồ sơ nhưng thực chất chịu tác động bởi cùng một yếu tố bất lợi.
- Thực hiện kiểm tra sức chịu đựng định kỳ và phân bổ vốn phù hợp.

Thông qua các biện pháp này, BVBank có thể kiểm soát rủi ro tập trung một cách chủ động, bảo đảm danh mục tín dụng phát triển cân bằng, giảm thiểu tổn thất lớn khi một khách hàng, ngành nghề hoặc khu vực gặp khó khăn, đồng thời phù hợp với nguyên tắc quản trị rủi ro thận trọng theo thông lệ quốc tế.

3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục "Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán" của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro này, BVBank đã ban hành quy định cụ thể đối với các nghiệp vụ như bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, thư tín dụng..., trong đó:

- Đối với nghiệp vụ bảo lãnh: BVBank đã ban hành Quy chế bảo lãnh đối với khách hàng, trong đó: Quy định rõ các điều kiện cấp bảo lãnh, quản lý, thẩm định, xét duyệt cấp bảo lãnh, thẩm quyền ký hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, biện pháp bảo đảm; Đồng thời, quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt cấp bảo lãnh được thực hiện chặt chẽ như

một khoản vay (áp dụng quy trình như phê duyệt cho vay).

- Đối với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng: Quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng cũng được thực hiện tương tự như đối với khoản vay. Tuy nhiên, ngoài các nội dung yêu cầu thẩm định, đánh giá bắt buộc trong quy trình cấp tín dụng, đối với nghiệp vụ mở L/C, Bộ phận quan hệ khách hàng sẽ chuyển hồ sơ mở L/C cho Bộ phận Thanh toán quốc tế xem xét đánh giá sự phù hợp/không phù hợp về mặt thông lệ quốc tế. Trên cơ sở ý kiến của Bộ phận Thanh toán quốc tế, Bộ phận Quan hệ khách hàng lập đề xuất đảm bảo nguồn vốn thanh toán mở L/C. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất của Bộ phận Quan hệ khách hàng sẽ tiếp tục được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Ngoài ra, một phần hoặc toàn bộ các khoản mục ngoại bảng này đều có tài sản cầm cố, thế chấp (bất động sản, máy móc thiết bị, hàng hóa...) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ với tỷ lệ tùy thuộc vào kết quả định hạng tín dụng và chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng nhằm giảm thiểu các tổn thất do rủi ro gây ra.

4. **Rủi ro về đợt chào bán, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán**

Trong đợt chào bán Trái phiếu ra công chúng lần này, BVBank không có đơn vị bảo lãnh phát hành trái phiếu nên sẽ có rủi ro về khả năng thành công của đợt chào bán trong trường hợp bán không hết số lượng trái phiếu dự kiến phát hành. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng Trái phiếu đã đăng ký, BVBank sẽ thực hiện huy động vốn từ các nguồn khác để đảm bảo thực hiện kế hoạch sử dụng vốn .

Nguồn vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và để bổ sung vốn cho vay. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, lãi suất ...

5. Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán

Trái Phiếu là Nợ Thứ Cấp, không phải là khoản nợ có bảo đảm

Nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu có thể sẽ được đáp ứng một phần từ lãi thu được từ các hoạt động kinh doanh, nguồn tiền huy động vốn từ nền kinh tế của Tổ Chức Phát Hành, cổ tức và các khoản phân chia khác mà Tổ Chức Phát Hành nhận được từ các công ty con. Tuy nhiên, nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành không được bảo đảm bằng tài sản của các công ty con cũng như bằng bất kỳ tài sản nào của Tổ Chức Phát Hành. Do đó, người sở hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền đòi thanh toán trực tiếp bằng các tài sản của các công ty con cũng như các tài sản của Tổ Chức Phát Hành, đồng thời cũng không có quyền ưu tiên hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành.

Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ nợ có tính thứ cấp của BVBank. Theo đó, trong trường hợp xảy ra

các sự kiện phải thực hiện thanh lý tài sản, thanh toán các khoản nợ ... theo quy định của pháp luật, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán Trái Phiếu sau khi BVBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của BVBank. Với điều kiện này, khi xảy ra sự kiện thanh lý tài sản BVbank, đặc biệt trong bối cảnh phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được thanh toán sau chủ nợ của các khoản nợ không phải là nợ thứ cấp của BVBank và có thể sẽ không bảo toàn được vốn đầu tư vào Trái Phiếu.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu trái phiếu, cụ thể:

- Trái phiếu chỉ được BVBank mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN để giám sát;
- BVBank được ngừng trả lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của BVBank bị lỗ.

Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng Trái Phiếu sẽ được giao dịch sôi động như kỳ vọng của Tổ Chức Phát Hành. Ngoài ra, Trái Phiếu có thể được giao dịch trên thị trường với giá cao hoặc thấp hơn giá phát hành tuỳ thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và thị trường đối với những chứng khoán tương tự.

Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm BVBank có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm các chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự với Các Trái Phiếu đang phát hành) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì đảm bảo rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

Bảo hiểm tiền gửi

Nhà Đầu Tư cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

Lãi Trái Phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân

Nhà Đầu Tư cần biết rằng các khoản thanh toán của Tổ Chức Phát Hành cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải chịu thuế và Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ đóng thuế đánh trên các khoản thanh toán đó. Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ khoản thuế phải nộp trước khi thanh toán cho người sở hữu Trái Phiếu và nộp các khoản thuế đó cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Xem thêm phần có tiêu đề "Các loại thuế có liên quan".

Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu có thể bị giới hạn theo quy định của NHNN

Hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do Tổ chức tín dụng và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, trong tương lai, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp dụng đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành và/hoặc trái phiếu do các Tổ chức tín dụng đầu tư và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng hồi tố đối với các Trái Phiếu.

6. Rủi ro quản trị ngân hàng

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt, chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị.

BVB hiện đang được đăng ký niêm yết tại HOSE. Cơ quan quản trị và điều hành của BVBank được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, bộ máy quản trị của BVBank còn được hỗ trợ và kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát chuyên nghiệp và uy tín do ĐHĐCĐ bầu ra, đảm bảo các hoạt động điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc là minh bạch và được giám sát chặt chẽ.

Ngoài ra, các thành viên trong đội ngũ lãnh đạo của BVBank có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính và Ngân hàng cũng như kinh nghiệm quản trị, có khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro có thể xảy ra sớm, đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách hiệu quả.

7. Rủi ro khác

Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, pháp lý ở Việt Nam sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVBank

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2025 ước đạt 8,02% so với năm trước, là một trong những mức tăng cao nhất trong khu vực và trên thế giới, chỉ thấp hơn mức tăng trưởng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Kết quả này cho thấy nền kinh tế Việt Nam duy trì được đà phục hồi mạnh mẽ và khả năng thích ứng tốt trước những biến động phức tạp của kinh tế toàn cầu.

Trong năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, nhanh và khó lường với nhiều rủi ro, bất ổn. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự leo thang ở một số quốc gia tác động đến hòa bình, ổn định trên thế giới, làm suy giảm hệ thống thương mại, đầu tư, sản xuất và tiêu dùng. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia. Chính sách tài chính, tiền tệ nhìn chung vẫn thắt chặt ở nhiều quốc gia, tạo áp lực lên chi phí vay và tăng nguy cơ suy thoái kinh tế. Đồng thời, xu hướng phân mảnh thị trường và công nghệ thế giới ngày càng rõ rệt, thể hiện qua sự mở rộng của khối BRICS và các biện pháp trừng phạt của Mỹ, làm suy yếu hợp tác quốc tế cũng như hiệu quả của chuỗi cung ứng toàn cầu. Những rủi ro, thách thức này còn tác động tiêu cực đến xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng, du lịch quốc tế và thị trường tài chính - tiền tệ của Việt Nam.

Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung, hướng dẫn và có thể bị thay đổi do có những vấn đề này sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của BVBank có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BVBank.

Việc xử lý tài sản liên quan đến các thủ tục phá sản có thể mất nhiều thời gian và tốn kém

Luật phá sản của Việt Nam có thể không được thực thi dễ dàng. Để được tuyên bố phá sản, một doanh nghiệp hoặc các chủ nợ của doanh nghiệp phải có đầy đủ căn cứ chứng minh tình trạng mất khả năng thanh toán và phá sản của doanh nghiệp đó. Các quy định về vấn đề này rất phức tạp và không rõ ràng. Giả sử thẩm phán của vụ việc liên quan cho rằng có đầy đủ căn cứ để tiến hành thủ tục phá sản, thì căn cứ vào các quy định có liên quan, thẩm phán đó có thể ra quyết định về việc phục hồi hoạt động kinh doanh hoặc thanh lý tài sản của doanh nghiệp. Trong trường hợp tòa án ra quyết định phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì chỉ khi trong giai đoạn phục hồi hoạt động kinh doanh xác định không thể tái cấu trúc doanh nghiệp thì thủ tục phá sản mới chuyển sang lựa chọn thứ hai là thanh lý tài sản của doanh nghiệp đó, trong trường hợp này, chủ nợ có thể yêu cầu bán các tài sản của con nợ. Do đó, thủ tục phá sản có thể bị kéo dài trong một thời gian dài trước khi chủ nợ có thể thu hồi nợ từ con nợ ở Việt Nam.

Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hoả hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố ... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BVBank.

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Các khái niệm

Các thuật ngữ và/hoặc các cụm từ viết hoa sử dụng, trình bày trong Bản Cáo Bạch này sẽ có ý nghĩa như sau:

- "Ngân hàng": là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.
- "Nợ quá hạn": là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn.

"Trái Phiếu" có nghĩa là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Bản Việt chào bán ra công chúng năm 2026. Mã Trái Phiếu sẽ được VSDC cấp theo quy định hiện hành sau khi BVBank hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký tập trung tại VSDC.

- "Ngày Phát Hành" có nghĩa là ngày kết thúc việc thu tiền chào bán Trái Phiếu theo công bố của Tổ Chức Phát Hành.
- "Ngày Đáo Hạn" có nghĩa là ngày cuối cùng trong vòng đời của Trái Phiếu, ngày đến hạn thanh toán trái phiếu.
- "Ngày Làm Việc" có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải là thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, tết (kể cả nghỉ bù, nghỉ hoán đổi) theo quy định của pháp luật mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- "Ngày Thanh Toán Lãi" có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu.
- "Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại" có nghĩa là ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với tình hình thực tế.
- "Ngày Chốt Danh Sách" có nghĩa là Ngày Làm Việc theo thông báo của VSDC để thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán do VSDC ban hành.
- "Người Sở Hữu Trái Phiếu" hoặc "Nhà Đầu Tư" là người mua, hoặc nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, đã được đăng ký và có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành quản lý (trước khi Các Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC).
- "Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu" có nghĩa là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc các hình thức theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu trái phiếu
- "Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu" là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.
- "Văn Kiện Trái Phiếu" là các văn bản liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu, bao gồm Bản Cáo Bạch và bất kỳ văn kiện, tài liệu và/hoặc văn bản thoả thuận nào khác được xác lập bởi Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản và thừa nhận đó là một phần của Văn Kiện Trái Phiếu, tuỳ từng thời điểm.
- Ngoài ra, một số từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng (và Luật sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan (nếu có).

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt

• UBCKNN	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

• Ngân hàng, BVBank	Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông.
• HĐQT	Hội đồng Quản trị.
• Ban TGĐ/TGĐ	Ban Tổng giám đốc/Tổng Giám đốc.
• BKS	Ban Kiểm soát.
• HĐKD	Hoạt động kinh doanh.
• Điều lệ	Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Tổ Chức Phát Hành	Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Tổ chức tư vấn, ACBS	Công ty TNHH Chứng khoán ACB.
• NHNN	Ngân hàng Nhà nước.
• PGD	Phòng giao dịch.
• CN	Chi nhánh.
• HS	Hội sở.
• VSDC	Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
• SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán.
• BCTC	Báo cáo tài chính.
• LNTT	Lợi nhuận trước thuế.
• LNST	Lợi nhuận sau thuế.
• HTX	Hợp tác xã.
• DNTN	Doanh nghiệp tư nhân.
• CNTT	Công nghệ thông tin.
• BĐS	Bất động sản.
• DPRR	Dự phòng rủi ro.
• KHDN	Khách hàng doanh nghiệp.
• TCTD	Tổ chức tín dụng.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

▪ Tên đầy đủ:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT
▪ Tên Tiếng Anh:	VIET CAPITAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

- Tên viết tắt Tiếng Anh: BVBank
- Tên viết tắt: NGÂN HÀNG BẢN VIỆT
- Địa chỉ Trụ sở chính: Tòa nhà HM Town số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM, Việt Nam.
- Số điện thoại: (028) 62679679.
- Số fax: (028) 62638668.
- Website: www.bvbank.net.vn
- Giấy chứng nhận ĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 19 tháng 06 năm 2023.
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và Quyết định số 3902/QĐ-NHNN ngày 15/12/2025 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt.
- Vốn điều lệ: 6.408.200.000.000 đồng (Sáu nghìn bốn trăm linh tám tỷ hai trăm triệu đồng).
- Logo: BVBank Ngân hàng Bản Việt
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Hoài Văn – Tổng Giám đốc.
- Mã cổ phiếu: BVB.
- Sàn đăng ký niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
- Ngành nghề kinh doanh:

Tên ngành	Mã ngành
Hoạt động trung gian tiền tệ khác, chi tiết: • Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; • Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; • Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn;	*6419 (Chính)*

Tên ngành	Mã ngành
• Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá; • Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép; • Dịch vụ cầm đồ; • Phát hành thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng; • Mua, bán trái phiếu Chính phủ; mua bán trái phiếu doanh nghiệp với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch và mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN; • Bảo lãnh ngân hàng; • Ủy thác, nhận ủy thác cho vay; • Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; • Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan; • Cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; • Dịch vụ môi giới tiền tệ; • Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; • Hoạt động mua nợ; • Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế, thư tín dụng; • Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; • Cung ứng phương tiện thanh toán; • Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản: ✓ Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ. ✓ Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.	

Tên ngành	Mã ngành
• Mở tài khoản: ✓ Mở tài khoản tại Ngân hàng nhà nước; ✓ Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; • Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; • Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; • Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; • Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; • Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; • Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định; • Hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về lãi suất; Hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; Lưu ký chứng khoán. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán; Nghiệp vụ ngân hàng giám sát; • Giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; • Dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; • Kinh doanh mua, bán vàng miếng; • Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.	

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (dưới đây được gọi là Ngân hàng Bản Việt), tiền thân là Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và giấy phép số 576/GP-UB ngày 08/10/1992 do Ủy Ban Nhân Dân TP HCM cấp.

- **Năm 1994 - 2005: Giai đoạn vượt qua khó khăn, củng cố**

- ✓ BVBank từng bước vượt qua khó khăn, dần ổn định và phát triển trong giai đoạn từ 1994 - 2005.
- ✓ Năng lực tài chính ngày càng được nâng cao với mức vốn điều lệ tăng lên 80 tỷ đồng.
- ✓ Mạng lưới: 05 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch).

- **Năm 2006: Bắt đầu phát triển**
  - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 210 tỷ đồng.
  - ✓ Mạng lưới: 06 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 03 Phòng giao dịch).
  - ✓ Khánh thành trụ sở chính tại 135 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, TP. HCM.
  - ✓ Được xếp hạng 19/29 Ngân hàng thương mại trên cả nước về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin do Hội Tin học Việt Nam bầu chọn.
- **Năm 2007: Tiếp tục phát triển có định hướng.**
  - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 444,623 tỷ đồng.
  - ✓ Mạng lưới: 11 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 05 Chi nhánh, 05 Phòng giao dịch).
  - ✓ Ký kết Thỏa thuận đầu tư và hợp tác chiến lược với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), theo đó Vietcombank luôn duy trì tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần 30% và trở thành cổ đông chiến lược duy nhất của Ngân hàng Bản Việt, cùng những cam kết hỗ trợ toàn diện nhằm đưa Ngân hàng Bản Việt trở thành ngân hàng thương mại có khả năng cạnh tranh cao tại Việt Nam.
  - ✓ Mở rộng mạng lưới hoạt động tại các thành phố lớn của các khu vực Miền Bắc, Miền Nam, Miền Tây và Tây Nguyên.
  - ✓ Được Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh các HTX Việt Nam, Hội Khoa học Đông Nam Á phối hợp với mặt trận tổ quốc Việt Nam trao tặng "Cúp vàng thương hiệu và nhãn hiệu" lần 2 năm 2007.
  - ✓ Được Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tặng giấy khen năm 2007.
  - ✓ Được Viện quản lý tri thức và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu Châu Á Thái Bình Dương, Tòa soạn thông tin QCA Thương mại chứng nhận danh hiệu doanh nghiệp Việt Nam uy tín, chất lượng 2007.
- **Năm 2008 - 2009: Duy trì tăng trưởng ổn định**
  - ✓ Ngày 14/02/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 444,623 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 059036 ngày 14/2/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 218/UBCK-GCN ngày 20/11/2007 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007.

- ✓ Ngày 18/12/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 059036 ngày 30/12/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 352/UBCK-GCN ngày 07/11/2008 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008.
- ✓ Mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng từ 05 điểm giao dịch năm 2005 (01 Trụ sở, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch) lên 28 điểm giao dịch năm 2009 (01 Trụ sở, 07 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch).
- ✓ Các cổ đông lớn của BVBank là các ngân hàng thương mại có uy tín. Ngày 18/09/2007 BVBank ký kết thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, đánh dấu bước ngoặc mới cho sự phát triển có định hướng của BVB. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam trở thành cổ đông chiến lược đã hỗ trợ tích cực về mọi mặt trong hoạt động của BVB: năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin…

- **Năm 2010: Ổn định nhân sự và phát huy các thế mạnh**
  - ✓ Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Chính phủ, BVBank đã hoàn thành mức vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng vào tháng 11/2010 với sự tham gia góp vốn của các cổ đông mới.
  - ✓ Đồng thời, trong năm 2010 Hội đồng quản trị BVBank đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc để ổn định hoạt động, và bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT tiếp tục duy trì, tăng cường năng lực quản trị ngân hàng trong tình hình phát triển mới. Trên cơ sở đó, BVBank cũng đã thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT để thực hiện bước chuyển mình trong thời gian tới.
  - ✓ Nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh với các tổ chức tài chính khác thông qua việc phát triển các sản phẩm tiết kiệm, cho vay, BVBank cũng không ngừng thay đổi diện mạo tại các điểm giao dịch trên toàn quốc. BVBank đã chuyển đổi thành công Trụ sở chính về Trung tâm Quận 1, tiến hành mua bất động sản tại Trung tâm TP. Buôn Ma Thuột để chuyển địa điểm trụ sở Chi nhánh Buôn Ma Thuột, chuyển địa điểm trụ sở chi nhánh Bạch Đằng, chi nhánh Sài Gòn. Đồng thời sửa chữa và đưa vào hoạt động cho các Phòng giao dịch có vị trí thuận lợi. Kết quả thu được là các đơn vị không ngừng gia tăng hoạt động và hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao.

- **Năm 2011: Hoàn thành các bước phát triển cơ bản, nâng cao năng lực cạnh tranh**
  - ✓ Hoàn tất kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng trong Quý III
  - ✓ Từng bước chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, chú trọng đến công tác phòng ngừa và quản lý rủi ro. Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày một tốt hơn các nhu cầu và lợi ích của khách hàng, để trở thành "Ngân hàng tin cậy cho kế hoạch tài chính của khách hàng", và là một điểm đầu tư hấp dẫn cho quý cổ đông, đối tác. Xây dựng một đội ngũ lãnh đạo ngân hàng với đầy đủ

phẩm chất đạo đức và trí tuệ, để chuẩn bị các bước phát triển mới trong tương lai.

- ✓ Nâng cao công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo lại và đào tạo chuyên sâu cho toàn thể cán bộ nhân viên, đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới và yêu cầu phát triển và hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. Xác định rõ mục tiêu chiến lược trong năm 2011, xây dựng các giải pháp, chuẩn bị các bước đi an toàn, vững chắc, để nâng thương hiệu BVBank lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích cho quý cổ đông, đối tác và khách hàng. Đồng thời góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

- **Năm 2012 – 2013:**
  - ✓ Vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng.
  - ✓ Giai đoạn bước ngoặt của Ngân hàng với việc đổi tên gọi từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt – Viet Capital Bank.
  - ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục phát triển mạnh với 39 điểm giao dịch gồm: 01 Trụ sở chính, 17 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch và 01 Quỹ tiết kiệm.
  - ✓ Tổng số nhân viên là 923 nhân sự.
  - ✓ Năm 2013 là năm đánh dấu những bước phát triển mạnh mẽ của BVB. Điển hình như sự vận hành thành công của hệ thống Core Banking mang đến nhiều tính năng ưu việt cho hệ điều hành quản trị và tăng cường năng lực cạnh tranh trong thời đại công nghệ, ngân hàng trực tuyến mở rộng với dự án Mobile Banking; sự gia nhập liên minh Thẻ quốc tế Visa, MasterCard ...
  - ✓ Tiêu biểu: Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 200 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet bình chọn.
- **Năm 2014 – 2015:**
  - ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục được mở rộng và tập trung nâng cấp toàn hệ thống với 09 Chi nhánh, Phòng giao dịch di dời và chuẩn hóa kiến trúc, 02 Chi nhánh, Phòng giao dịch thay đổi tên gọi.
  - ✓ Tổng số nhân viên nâng lên 1.221 nhân sự tính đến thời điểm cuối năm 2015.
  - ✓ Ngân hàng tập trung đẩy mạnh các hoạt động về quản trị hệ thống, tổ chức đội ngũ nhân sự mới. Song song đó, Ngân hàng cũng đầu tư sâu vào Công nghệ Thông tin và đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ.
  - ✓ Tiêu biểu:
    - Ra mắt ứng dụng Viet Capital Mobile Banking.
    - Ký thoả thuận hợp tác phát triển giải pháp Phòng chống rửa tiền cùng Công ty Cổ phần Komtek và FirecoSoft.

- **Năm 2016 – 2018:**
  - ✓ Vốn điều lệ: 3.000 tỷ đồng.
  - ✓ Hợp tác với tổ chức thẻ tín dụng quốc tế Visa, ra mắt thẻ Visa Bản Việt công nghệ 3D.
  - ✓ Hợp tác cùng KPMG thực hiện hệ thống Phê duyệt và Khởi tạo tín dụng (LOS).
  - ✓ Là một trong 10 ngân hàng đầu tiên đạt chứng chỉ quốc tế về bảo mật thẻ PCI - DSS (Payment Card Industry Data Security Standard).
  - ✓ Xây dựng mới Ngân hàng số: Mobile Banking và Internet Banking KHCN và KHDN, Tích hợp Smart OTP, mở tài khoản online.
  - ✓ Mở rộng hệ sinh thái với các đối tác Fintech: Zalo Pay, AirPay, GrabPay by Moca, ...
  - ✓ Hợp tác bảo hiểm phi nhân thọ cùng Bảo hiểm Bảo Long và bảo hiểm nhân thọ cùng AIA Việt Nam.
  - ✓ Phát triển nhanh hệ thống mạng lưới: 70 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 25 chi nhánh, 44 phòng giao dịch (tính đến cuối năm 2018).
- **Năm 2019 – 2020:**
  - ✓ Vốn điều lệ: 3.171 tỷ đồng.
  - ✓ Hợp tác với tổ chức phát hành thẻ quốc tế JCB ra mắt bộ 3 thẻ tín dụng JCB Bản Việt và tiếp tục ra mắt thẻ tín dụng Visa Corporate Bản Việt dành cho khách hàng doanh nghiệp.
  - ✓ Tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác Fintech: Momo, ZaloPay, Moca, QR Pay, AirPay, thu hộ Payoo.
  - ✓ Là ngân hàng tiên phong trong việc triển khai mở tài khoản thanh toán bằng thiết bị di động eKYC.
  - ✓ Trở thành đối tác chiến lược cung cấp nền tảng cho ngân hàng số Timo Plus.
  - ✓ Ngân hàng thứ 12 được triển khai sớm tỷ lệ an toàn vốn Basel II.
  - ✓ Chính thức lên sàn chứng khoán UPCoM (mã chứng khoán: BVB) vào tháng 09/2020.
  - ✓ Chính thức sạch nợ xấu tại VAMC.
  - ✓ Hệ thống mạng lưới: 87 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 30 chi nhánh, 56 phòng giao dịch.
- **Năm 2021:**
  - ✓ Vốn điều lệ: 3.670,9 tỷ đồng.
  - ✓ Ngân hàng đã hoàn thành các dự án trọng điểm phục vụ cho việc quản trị chất lượng và hiệu quả hoạt động như dự án phân tích lợi nhuận đa chiều, lợi nhuận điều chỉnh rủi ro trên vốn RAROC.

- ✓ Ngân hàng cũng bắt đầu triển khai các dự án hiện đại hóa và nâng cao minh bạch theo chuẩn mực quốc tế như dự án Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS9, hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng CRM trên nền điện toán đám mây.
- ✓ Cuối năm 2021, Ngân hàng Bản Việt triển khai thành công dự án "Mô hình phân tích lợi nhuận đa chiều" – đây là một công cụ tài chính để ghi nhận doanh thu và phân bổ chi phí, tổng hợp chuỗi giá trị theo từng chiều phân tích. Kết quả của việc triển khai mô hình này, Ngân hàng Bản Việt sẽ có thêm công cụ để hỗ trợ việc thực hiện các quyết định kinh doanh chiến lược liên quan đến doanh thu, chi phí, thúc đẩy lợi nhuận.
- ✓ Bản Việt là một trong các ngân hàng đưa vào các tính năng giao dịch mới phục vụ khách hàng không cần phải đến ngân hàng như mở thẻ tín dụng online, chuyển và nhận tiền 247 bằng QR hoặc số điện thoại, vay cầm cố sổ tiết kiệm, nhiều hình thức gửi tiết kiệm để chọn lựa trên ngân hàng số Digimi.
- ✓ Hệ thống mạng lưới: 88 điểm giao dịch trên toàn quốc, bao gồm 01 Trụ sở chính, 31 chi nhánh và 56 phòng giao dịch.

- **Năm 2022 – 2023:**
  - ✓ Ngày 26/05/2023, Ngân hàng Nhà nước có quyết định số 1001/QĐ-NHNN ngày 26/05/2023 về việc chấp thuận việc sửa đổi tên viết tắt bằng tiếng Anh quy định tại giấy phép hoạt động số 0025/NH-CP ngày 22/08/1992 của thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là: BVBank.
  - ✓ Ngày 30/05/2023, Ngân hàng TMCP Bản Việt được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bổ sung một số nội dung hoạt động tại giấy phép hoạt động hợi quyết định số 1012/QĐ-NHNN như sau:
    - Hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về lãi suất.
    - Hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
    - Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ.
    - Lưu ký chứng khoán.
    - Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.
    - Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.

    Và Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM đã cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.
  - ✓ Ngày 31/05/2023, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 3.670,9 tỷ đồng lên 4.221,5 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 29 ngày 31/05/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.
  - ✓ Ngày 19/06/2023, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 4.221,5 tỷ đồng 5.016,8 tỷ đồng theo

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 30 ngày 19/06/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

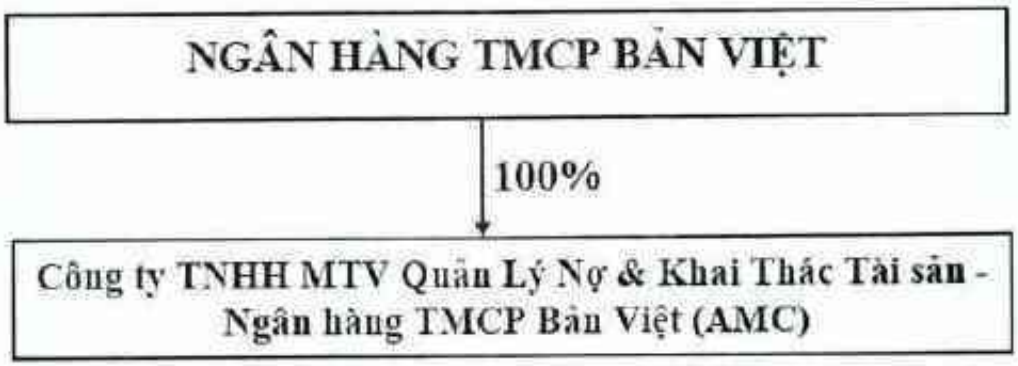
- ✓ Hệ thống mạng lưới tại thời điểm hiện tại gồm 116 điểm giao dịch trên toàn quốc, trong đó gồm 01 trụ sở chính, 38 chi nhánh, 77 phòng giao dịch.
- ✓ Từ ngày 01/12/2023, Ngân hàng Bản Việt (BVBank) chính thức ra mắt logo mới với hình ảnh, nhận diện thương hiệu mới đồng nhất với tên viết tắt tiếng Anh là BVBank đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quyết định số 1001/QĐ-NHNN ngày 26/05/2023. Đây là một một dấu mốc quan trọng trong lộ trình bám sát mục tiêu trở thành "Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại, hướng đến khách hàng đặc biệt là khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ" của BVBank.

- **2024:**
  - ✓ Vốn điều lệ: 5.518 tỷ đồng.
  - ✓ Trong 6 tháng đầu năm, thương hiệu BVBank đã hiện diện tại 10 điểm giao dịch mới, nâng tổng số điểm kinh doanh trên toàn hệ thống lên 126 đơn vị và có mặt tại 33 tỉnh thành trên cả nước. Song song với kênh truyền thống, BVBank tiếp tục gia tăng trải nghiệm khách hàng qua nhiều tiện ích mới trên ngân hàng số Digimi và Digibiz, bám sát mục tiêu phát triển mô hình bán lẻ đã đề ra.
  - ✓ Ngày 29/08/2024, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 5.016,8 tỷ đồng lên 5.518 tỷ đồng sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- **2025 - 2026**
  - ✓ Tháng 06-07/2025, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 5.518 tỷ đồng lên 6.408,2 tỷ đồng sau 02 đợt chào bán/phát hành: chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.
  - ✓ Hợp tác với Bộ Công an triển khai triển khai dịch vụ định danh & xác thực điện tử qua VNeID.
  - ✓ Là một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai hệ thống quản lý bán hàng đa tiện ích, tích hợp hóa đơn điện tử - Digistore.
  - ✓ Tiếp tục gia tăng trải nghiệm trên kênh số thông qua các tiện ích mới trên kênh Digimi: mở thẻ tín dụng online, thông báo số dư bằng giọng nói, vay tín chấp online,...
  - ✓ Là một trong những ngân hàng tích cực đồng hành cùng các tổ chức trong việc khuyến khích người dân thanh toán không tiền mặt như Ngày hội không tiền mặt, Ngày thẻ Việt Nam...
  - ✓ Triển khai chiến dịch truyền thông "Vì một thế hệ vươn tầm", được bình chọn là chiến dịch truyền cảm hứng cho giới trẻ.

- ✓ Ngày 04/06/2026: BVBank chính thức khởi động dự án nâng cấp hệ thống Core Banking Oracle FLEXCUBE lên phiên bản 14.8 – phiên bản mới nhất, đánh dấu bước tiến quan trọng trong chiến lược chuyển đổi số và hiện đại hóa nền tảng công nghệ.
- ✓ Ngày 21/07/2026: Chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán BVB.
- ✓ BVBank được Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm B+, với triển vọng "Ổn định", khẳng định năng lực tài chính và triển vọng phát triển bền vững.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

3.1. Sơ đồ tổ chức, bộ máy hoạt động



Nguồn: BVBank

3.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của BVBank

Ngân hàng TMCP Bản Việt hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó BVBank là Công ty mẹ và có một (01) Công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.

- **Công ty mẹ: Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt**

  Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

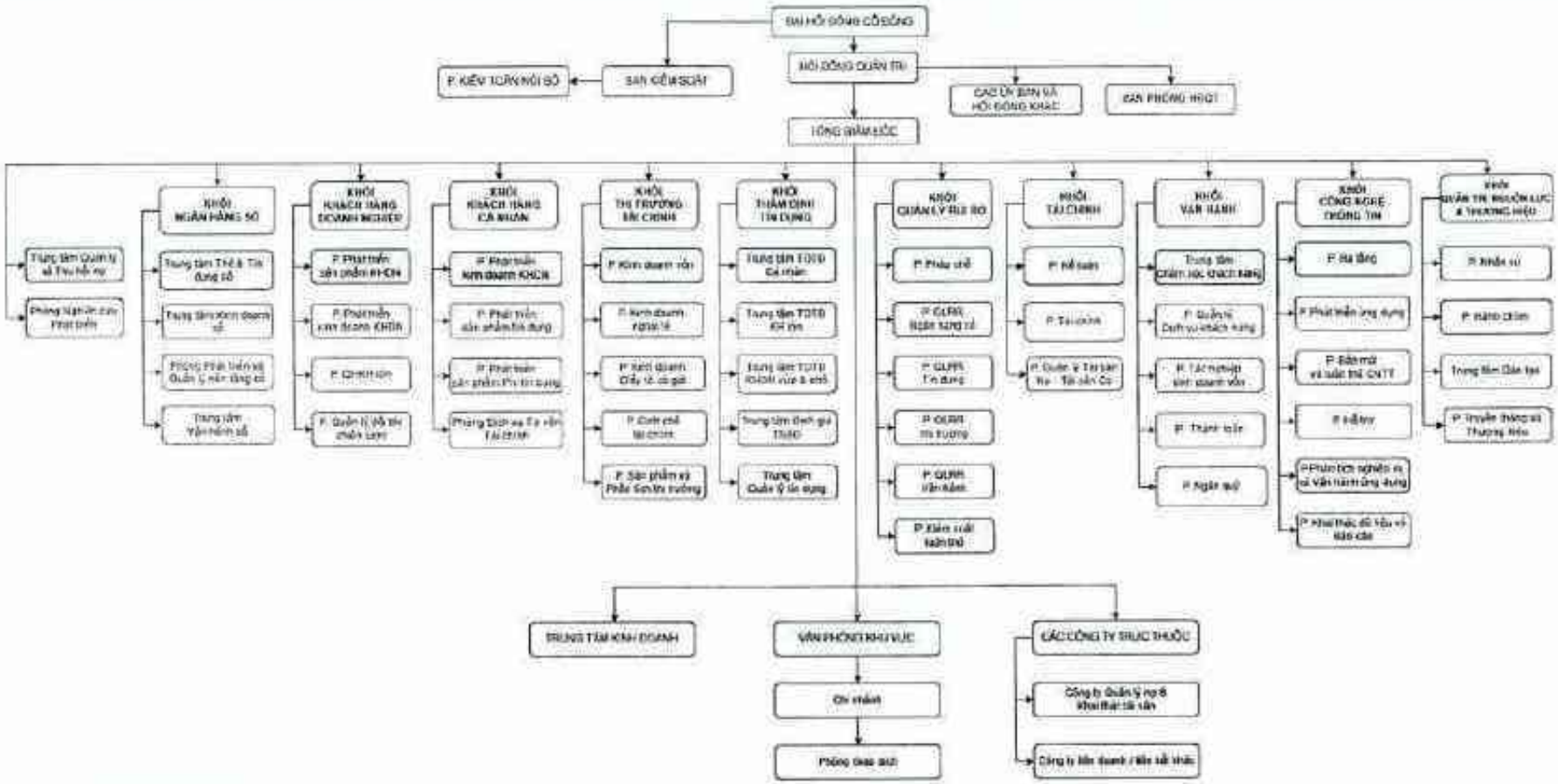
- **Công ty con: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt**

Tên công ty	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	0311401011	Quản lý tài sản	100

Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Nợ và Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng Thương mại Cổ

phần Bản Việt được thành lập từ ngày 08/12/2011. Công ty hoạt động trong lĩnh vực Quản lý tài sản. Công ty tiếp nhận, quản lý các tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nhanh nhất; bán các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng thương mại theo giá thị trường theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật; xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp; các hoạt động quản lý tài sản đảm bảo khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành



Nguồn: BVBank

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của BVBank. Đại hội đồng cổ đông họp định kỳ mỗi năm 01 lần, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ BVBank...

4.2. Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị hoạt động của BVBank. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên HĐQT có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu HĐQT là Chủ tịch HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ BVBank và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT trong từng thời kỳ. HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Ngân hàng, xây dựng các kế hoạch kinh doanh trình ĐHĐCĐ phê duyệt, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hiện tại HĐQT của BVBank có 07 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập HĐQT.

4.3. Văn phòng HĐQT

Là bộ phận giúp việc cho HĐQT, được HĐQT quyết định thành lập. Văn phòng HĐQT có nhiệm tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện hoạt động quản trị BVBank, là cầu nối truyền tải thông tin giữa HĐQT và Ban điều hành; giữa HĐQT và cổ đông và ngược lại. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng HĐQT được HĐQT quy định trong quy chế hoạt động.

4.4. Ban Kiểm soát

Là cơ quan kiểm soát mọi hoạt động của BVBank. Các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên BKS có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu Ban kiểm soát là Trưởng Ban kiểm soát. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát BVBank trong từng thời kỳ. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHĐCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng. Hiện tại, BKS của BVBank có 05 thành viên.

4.5. Phòng kiểm toán nội bộ

Phòng kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban kiểm soát, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động Kiểm toán nội bộ BVBank.

4.6. Hội đồng ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Chiến lược và đổi mới, các Ủy ban và Hội đồng, tiểu ban khác

Các Hội đồng ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Chiến lược và đổi mới,

các Ủy ban và Hội đồng khác do HĐQT thành lập, được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do HĐQT ban hành.

4.7. Ban Điều hành

Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban điều hành, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của BVBank; giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT về thực hiện công việc được giao. Chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Giám đốc tuân thủ theo Điều lệ và quy định của BVBank như: quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng; kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền; v.v…

4.8. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quy định

Có trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Đơn vị nghiệp vụ được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và HĐQT về mọi mặt hoạt động của Đơn vị nghiệp vụ (Khối) được Tổng Giám đốc phân công phụ trách. Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của BVBank gồm có 06 thành viên.

Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nội bộ Ngân hàng.

4.9. Các Đơn vị nghiệp vụ BVBank

Các Đơn vị nghiệp vụ được tổ chức, bố trí theo từng Khối do Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối phụ trách. Một số Đơn vị nghiệp vụ có thể do Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách. Đứng đầu Đơn vị nghiệp vụ thuộc Khối là Giám đốc/Trưởng Phòng.

4.9.1. Cơ cấu tổ chức tại Trụ sở chính

a. Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các Khách hàng pháp nhân, khách hàng cá nhân là chủ DNTN hoặc có liên quan đến Khách hàng pháp nhân theo Quy định của Tổng Giám đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho Ngân hàng.

b. Khối Khách hàng Cá nhân

Là đầu mối quản lý và phát triển sản phẩm dịch vụ khách hàng cá nhân, trừ khách hàng cá nhân là chủ DNTN hoặc có liên quan đến Khách hàng Pháp nhân theo Quy định của Tổng Giám đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho Ngân hàng.

c. Khối Thị trường tài chính

Đảm bảo để BVBank tuân thủ các hạn mức theo luật định về thanh khoản và quy định khác. Thay

mặt ALCO quản lý khả năng thanh toán ngắn hạn và rủi ro lãi suất đối với mọi đồng tiền. Thực hiện kinh doanh nhằm đem lại lợi nhuận trong phạm vi các sản phẩm được giao và những hạn mức rủi ro được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đầu mối quản lý và cung cấp sản phẩm dịch vụ ngoại hối đến các Đơn vị kinh doanh, khách hàng; đồng thời là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các khách hàng định chế nhằm phát triển thị trường và gia tăng lợi nhuận cho Ngân hàng.

Kinh doanh các loại giấy tờ có giá được phê duyệt nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho BVBank.

d. Khối Quản lý Rủi ro

Tham mưu xây dựng hệ thống quản lý rủi ro liên quan đến hoạt động tín dụng, rủi ro vận hành thị trường để hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng với lợi ích cao nhất.

Là đơn vị kiểm soát các Đơn vị trên toàn hệ thống việc tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng trong quá trình hoạt động kinh doanh.

e. Khối Thẩm định Tín dụng

Đầu mối triển khai công tác thẩm định, phê duyệt cấp tín dụng đến khách hàng theo quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ, thực hiện công tác phê duyệt hồ sơ Khách hàng vượt thẩm quyền phê duyệt của đơn vị kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Ngân hàng và chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp đến Khách hàng.

f. Khối Tài chính

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện công tác kế toán cho toàn hệ thống trong quá trình xử lý các giao dịch.

Quản trị tài chính, quản lý tài sản nợ - tài sản có của BVBank, đề xuất cơ cấu tài sản nợ - tài sản có phù hợp với khẩu vị rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản và bám sát kế hoạch, chiến lược nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Cung cấp thông tin tài chính phục vụ công tác quản trị điều hành tại BVBank.

g. Khối Công nghệ Thông tin

Đơn vị chịu trách nhiệm thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin của Ngân hàng.

Chịu trách nhiệm quản lý và giám sát các dự án CNTT, giám sát và làm đầu mối triển khai các biện pháp tăng cường an toàn bảo mật cho hệ thống CNTT; ban hành và giám sát việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình do Khối CNTT soạn thảo và ban hành.

h. Khối Vận hành

Đầu mối quản lý chất lượng dịch vụ và chăm sóc khách hàng, nghiệp vụ kho quỹ, công tác vận hành thẻ và ATM trên toàn hệ thống.

Thực hiện tác nghiệp các giao dịch kinh doanh của Khối Kinh doanh vốn; Tham gia thực hiện

cung cấp dịch vụ chuyển tiền, thanh toán đến khách hàng và quản lý rủi ro vận hành trong quá trình tác nghiệp.

i. Khối Quản trị nguồn lực và thương hiệu

Đầu mối tham vấn cho cấp có thẩm quyền về công tác nhân sự và phát triển nguồn nhân lực trên toàn hệ thống.

Thực hiện, cung cấp các dịch vụ hành chính bao gồm văn thư, lưu trữ, hành chính, lễ tân, khánh tiết. Mua sắm, quản lý tài sản cố định, công cụ lao động, văn phòng phẩm và các vật liệu tiêu hao khác tới các phòng ban Hội Sở, Chi Nhánh, PGD trong hệ thống BVBank theo quy định của Ngân hàng. Xây dựng cơ bản, mua sắm, thuê, cho thuê BĐS, thực hiện các thủ tục pháp lý về xây dựng cơ bản, mua sắm bất động sản; Thực hiện các thủ tục pháp lý và báo cáo liên quan đến công tác phát triển mạng lưới của Ngân hàng.

j. Khối Ngân hàng số.

Là đầu mối xây dựng chiến lược, lộ trình phát triển và triển khai kinh doanh các sản phẩm Thẻ, cho vay online và các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số.

k. Các Đơn vị độc lập không trực thuộc Khối

Là những đơn vị không nằm trong cơ cấu tổ chức của bất kỳ Khối nào nhưng có chức năng, nhiệm vụ được xác lập độc lập và chịu trách nhiệm trong phạm vi công việc được giao, đồng thời phối hợp với các Khối và đơn vị khác trong hệ thống theo quy định của Ngân hàng.

4.9.2. Chi nhánh, Trung tâm Kinh doanh, Phòng Giao dịch (gọi tắt là các Đơn vị kinh doanh)

4.9.3. Các công ty trực thuộc/Liên doanh liên kết

a. Công ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản - Ngân hàng TMCP Bản Việt;

b. Các Công ty trực thuộc/Liên doanh Liên kết khác: không có.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Danh sách công ty mẹ

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Công ty không có công ty mẹ.

5.2. Danh sách công ty con trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành

Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng TMCP Bản Việt

Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng TMCP Bản Việt

Địa chỉ: 504 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0311401011 đăng ký lần đầu ngày 08/12/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng

Công ty hoạt động trong lĩnh vực:

- ✓ Tiếp nhận, quản lý các tài sản đảm bảo nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao ngân hàng theo các quyết định, bản án) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nhanh nhất.
- ✓ Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của ngân hàng thương mại theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.
- ✓ Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ.
- ✓ Các hoạt động quản lý tài sản bảo đảm khác theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP Bản Việt hiện đang nắm giữ 100% vốn cổ phần tại Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng TMCP Bản Việt (AMC BVBank) trong năm 2024, 2025 như sau:

Đvt: đồng

Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	703.690.004	761.649.141
2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	622.861.092	680.705.700
3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	80.828.912	80.943.441
4. Doanh thu hoạt động tài chính	2.790.591.260	3.041.361.430
5. Chi phí bán hàng	7.600.000	5.100.000
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.642.257.352	1.814.077.398
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.221.562.820	1.303.127.473
8. Lợi nhuận khác	342	-
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.221.563.162	1.303.127.473

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 của AMC BVBank

Danh sách công ty con gián tiếp của Tổ Chức Phát Hành

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Công ty không có công ty con sở hữu gián tiếp.

Danh sách những công ty mà Tổ Chức Phát Hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Công ty không có công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.

Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, không có công ty nào nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Năm 1992, Ngân hàng bắt đầu hoạt động với mức vốn điều lệ là 05 tỷ đồng. Trải qua 14 đợt tăng vốn và không có đợt giảm vốn điều lệ nào, vốn điều lệ hiện nay của BVBank là 6.408.200.000.000 đồng. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của BVBank như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Ngân hàng Bản Việt

Đvt: triệu đồng

Thời gian thực hiện	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
Tháng 08/1992		5.000	Vốn ban đầu	Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 của NHNN
Tháng 12/1993	5.000	20.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 2, ngày 28/12/1993 của Sở KHĐT TP. HCM Văn bản số 246/QĐ-NH5 ngày 23/12/1993 của NHNN
Tháng 08/2005	20.000	80.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 5, ngày 30/08/2005 của Sở KHĐT TP. HCM Văn bản số 1738/NHNN-HCM02 ngày 11/08/2005 của NHNN

Thời gian thực hiện	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
Tháng 07/2006	80.000	166.040	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Văn bản số 885/NHNN-HCM02 ngày 06/07/2006 của NHNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 7, ngày 12/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2006	166.040	210.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Văn bản số 1803/NHNN-HCM02 ngày 26/12/2006 của NHNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 8, ngày 27/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 07/2007	210.000	322.618	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Người lao động	Văn bản số 599/NHNN-HCM02 ngày 25/04/2007 của NHNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 9, ngày 24/07/2007 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2007	322.618	500.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược; Phát hành cổ phiếu ra công chúng theo phương thức đấu giá công khai và Phát hành cổ phiếu theo phương thức chào bán riêng lẻ	Văn bản số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007 của NHNN Giấy chứng nhận số 218/GCN-UBCK ngày 20/11/2007 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 11, ngày 14/02/2008 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 11 - 12/2008	500.000	1.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Văn bản số 1668/NHNN-HCM.02 ngày 23/09/2008 và 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008 của NHNN

Thời gian thực hiện	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
			và phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	Giấy chứng nhận số 352/GCN-UBCK ngày 07/11/2008 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 15, ngày 30/12/2008 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 09 -10/2010	1.000.000	2.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN Giấy chứng nhận số 660/GCN-UBCK ngày 06/09/2010 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 17, ngày 11/11/2010 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 07 -08/2011	2.000.000	3.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 20/07/2011 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 19, ngày 25/08/2011 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 11/2018 - 02/2019	3.000.000	3.171.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Văn bản số 7449/NHNN-TTGSNH ngày 03/10/2018 của NHNN Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 14/11/2018 Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 27, ngày 25/04/2019 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 01/2021 - 03/2021	3.171.000	3.520.930 (sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu cho	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tháng 01 - 03/2021) và	Văn bản số 7706/NHNN-TTGSNH ngày 22/10/2020 của NHNN Giấy chứng nhận số 306/GCN-UBCK ngày 17/12/2020 (đối với đợt chào

Thời gian thực hiện	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
		cổ đông hiện hữu) 3.670.900 (sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động)	phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (tháng 03/2021)	bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) Văn bản số 354/UBCK-QLCB ngày 01/02/2021 của UBCKNN (đối với đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động) Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 28, ngày 12/05/2021 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 03 - 05/2023	3.670.900	4.221.529 (sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) 5.016.800 (sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tháng 03/2023) và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tháng 04 – 05/2023)	Văn bản số 3614/NHNN-TTGSNH ngày 30/05/2022 của NHNN Giấy chứng nhận số 42/GCN-UBCK ngày 14/03/2023 Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 29, ngày 31/05/2023 của Sở KHĐT TP. HCM (đối với đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023 của Sở KHĐT TP. HCM (đối với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)
Tháng 08/2024	5.016.800	5.518.462	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn	Văn bản số 5624/NHNN ngày 08/07/2024 của NHNN Văn bản số 4762/UBCK-QLCB ngày

Thời gian thực hiện	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
			chủ sở hữu	30/07/2024 của UBCKNN Quyết định số 2222/QĐ-NHNN ngày 02/10/2024 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt (*)
Tháng 06 -07/2025	5.518.462	6.208.200 (sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) 6.408.200 (sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động)	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tháng 04 - 06/2025) và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (tháng 05 - 07/2025)	Văn bản số 5624/NHNN ngày 08/07/2024 của NHNN Giấy chứng nhận số 66/GCN-UBCK ngày 25/03/2025 (đối với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) Văn bản số 1875/UBCK-QLCB ngày 23/05/2025 của UBCKNN (đối với đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động) Quyết định số 3902/QĐ-NHNN ngày 15/12/2025 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt (*)
Tháng 09 -10/2026	6.408.200	9.612.300 (sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) 9.912.300	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (**)	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 430/GCN-UBCK ngày 11/09/2026 (đối với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

Thời gian thực hiện	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
		(sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động)		Văn bản số 9947/UBCK-QLCB ngày 07/10/2026 của UBCKNN về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP của BVBank (đối với đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động)

(*) Lưu ý: Căn cứ quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 27 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, kể từ ngày 01/07/2024 (thời điểm Luật các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực thi hành), Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng cũng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Ngân hàng Nhà nước sẽ thông báo thông tin về cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã.

(**) Các đợt chào bán trên đang triển khai và chưa hoàn thành.

7. Thông tin chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC cung cấp tại thời điểm ngày 30/09/2026 như sau:

Bảng 2: Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC cung cấp tại thời điểm ngày 30/09/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Trong nước**	**17.120**	**640.406.566**	**99,93548%**
1.1	Tổ chức	40	53.331.053	8,32231%
1.2	Cá nhân	17.080	587.075.513	91,61317%
2	**Nước ngoài**	**46**	**413.434**	**0,06452%**
2.1	Tổ chức	1	29.700	0,00464%
2.2	Cá nhân	45	383.734	0,05988%

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
2.3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0,0000%
	Tổng cộng	**17.166**	**640.820.000**	**100%**

Nguồn: BVBank

7.2 Cổ phiếu ưu đãi

Ngân Hàng không có cổ phiếu ưu đãi.

7.3 Các loại chứng khoán khác

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, BVBank còn có các loại chứng khoán khác đang lưu hành là Trái phiếu. Các Trái phiếu này đều là Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm, không kèm chứng quyền, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của BVBank.

Chứng khoán khác đang lưu hành của Ngân hàng Bản Việt tính đến thời điểm hiện tại:

Bảng 3: Số lượng chứng khoán khác đang lưu hành

Đvt: tỷ đồng

Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá (tỷ đồng)	Lãi suất /năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Ngày dự kiến thực hiện quyền mua lại
BVB125003	1.254,38	Cố định kết hợp thả nổi (*)	6 năm	06/01/2025	06/01/2031	06/01/2027

Nguồn: BVBank

(*) Lưu ý: Trái phiếu BVB125003 có lãi suất năm đầu tiên là 8,2%/năm. Lãi suất từ năm thứ 02 trở đi là lãi suất thả nổi được xác định bằng Lãi suất tham chiếu + Biên độ lãi suất 2,5%/năm.

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Cũng như các ngân hàng thương mại khác, BVBank thực hiện đầy đủ chức năng của ngân hàng thương mại, bao gồm cung cấp các sản phẩm huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; sản phẩm cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; sản phẩm đầu tư và cung cấp các dịch vụ tài chính ngân hàng theo quy định của pháp luật và chịu sự giám sát chặt chẽ của NHNN.

Hoạt động của Ngân hàng được phân thành 06 lĩnh vực chính sau: (i) Hoạt động vốn và kinh

doanh vốn; (ii) Hoạt động cấp tín dụng; (iii) Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế; (iv) Hoạt động ngân hàng đại lý; (v) Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước; và (vi) Hoạt động đầu tư tài chính.

8.1.1. Loại sản phẩm và dịch vụ

8.1.1.1. Sản phẩm tiền gửi

- Tiền gửi thanh toán cá nhân và doanh nghiệp: là loại tài khoản tiền gửi không kỳ hạn được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng, bao gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi được sử dụng với mục đích hưởng lãi căn cứ vào kỳ hạn gửi, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiết kiệm không kỳ hạn: là loại tài khoản được sử dụng với mục đích là gửi hoặc rút tiền mặt bất kỳ lúc nào, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiền gửi có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi có kỳ hạn áp dụng cho cá nhân, tổ chức, gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiết kiệm tích lũy: là hình thức tiết kiệm có kỳ hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân, loại tiền VND, cho phép khách hàng gửi góp định kỳ hàng tháng hoặc nộp tiền tiết kiệm tích lũy trong suốt kỳ hạn gửi.
- Tiền gửi linh hoạt: Là hình thức tiền gửi có kỳ hạn, cho phép khách hàng linh hoạt chọn ngày đến hạn mong muốn, linh hoạt rút vốn theo yêu cầu.
- Chứng chỉ tiền gửi: là hình thức huy động giấy tờ có giá có kỳ hạn của Ngân hàng, loại tiền VND, khách hàng tham gia cam kết không tất toán trước hạn khi chưa đến hạn thanh toán, được phát hành theo từng đợt tùy tình hình kinh doanh thực tế trong từng thời kỳ.

8.1.1.2. Sản phẩm cho vay

Cung cấp tín dụng cho các khách hàng là cá nhân hoặc doanh nghiệp nhằm phục vụ cho các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống:

- Cho vay sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.
- Cho vay sản xuất kinh doanh nông nghiệp.
- Cho vay ứng vốn linh hoạt.
- Cho vay sản xuất, thương mại và dịch vụ (ngắn hạn, trung dài hạn).
- Cho vay mua nền nhà, mua nhà.
- Cho vay mua căn hộ của các Dự án bất động sản.
- Cho vay sửa chữa, xây dựng nhà.
- Cho vay mua xe ôtô (kinh doanh, đi lại ...).

- Cho vay tín chấp đối với cán bộ công nhân viên.
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá (sổ tiết kiệm, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi ...).
- Bổ sung vốn lưu động dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và siêu nhỏ (Micro SME).
- Cấp tín dụng đầu tư tài sản cố định, đầu tư văn phòng nhà xưởng – máy móc thiết bị dành cho khách hàng doanh nghiệp.
- Sản phẩm cho vay sản xuất kinh doanh cà phê hợp tác INTIMEX.
- Thấu chi tài khoản thanh toán dành cho khách hàng doanh nghiệp.
- Cho vay đầu tư dự án.
- Cho vay bổ sung vốn lưu động - Sản phẩm tài trợ trọn gói dành cho khách hàng SME.
- Cấp tín dụng công trình có vốn đầu tư công.
- Bao thanh toán.

8.1.1.3. Các sản phẩm dịch vụ khác

- Dịch vụ chuyển tiền trong nước.
- Dịch vụ bảo lãnh, thu đổi ngoại tệ, chuyển tiền Western Union, thanh toán quốc tế ...
- Dịch vụ Ngân hàng điện tử: Internet Banking, Mobile Banking ...
- Kinh doanh ngoại tệ, mua bán nhà qua Ngân hàng ...
- Dịch vụ chi hộ lương, Thu thuế hải quan 24/7...
- Dịch vụ Thu chi hộ tiền mặt tận nơi, thanh toán hóa đơn ...
- Dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ nội địa, quốc tế.

8.1.1.4. Tỷ lệ từng loại sản phẩm dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục 2024 – 2025 và đến thời điểm hiện tại

Các sản phẩm dịch vụ cốt lõi và truyền thống của Ngân hàng như: cho vay khách hàng, hoạt động dịch vụ (bao gồm dịch vụ thanh toán, đại lý, ngân quỹ, bảo hiểm và khác); kinh doanh ngoại hối; mua bán chứng khoán đầu tư... là các sản phẩm dịch vụ đóng góp chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập thuần của BVBank.

Chi tiết tỷ lệ từng loại sản phẩm dịch vụ (SPDV) trong tổng doanh thu và tổng thu nhập thuần của BVBank trong 02 năm 2024 – 2025 và 9 tháng đầu năm 2026, cụ thể như sau:

Bảng 4: Tỷ lệ các SPDV trong Tổng Doanh Thu (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	% tăng trưởng	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.485,72	91,78%	8.192,17	92,63%	26,31%	5.576,97	91,85%	8.698,58	92,86%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	275,68	3,90%	346,28	3,92%	25,61%	191,85	3,16%	281,76	3,01%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	210,80	2,98%	146,18	1,65%	-30,65%	124,59	2,05%	166,97	1,78%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	30,24	0,43%	0,51	0,01%	-98,31%	3,98	0,07%	6,67	0,07%
Thu nhập từ hoạt động khác	64,46	0,91%	158,49	1,79%	143,87%	174,19	2,87%	213,81	2,28%
Tổng	**7.066,90**	**100%**	**8.843,63**	**100%**	**25,14%**	**6.071,58**	**100,00%**	**9.367,79**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

Bảng 5: Tỷ lệ các SPDV trong Tổng Doanh Thu (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	% tăng trưởng	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.485,72	91,77%	8.192,17	92,63%	26,31%	5.576,52	91,86%	8.697,73	92,86%

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	% tăng trưởng	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	275,68	3,90%	346,28	3,92%	25,61%	191,85	3,16%	281,76	3,01%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	210,80	2,98%	146,18	1,65%	-30,65%	124,59	2,05%	166,97	1,78%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	30,24	0,43%	0,51	0,01%	-98,31%	3,98	0,07%	6,67	0,07%
Thu nhập từ hoạt động khác	63,76	0,90%	157,73	1,78%	145,34%	173,79	2,86%	213,21	2,28%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0,83	0,01%	0,84	0,01%	1,20%	-	0,00%	-	-
Tổng	**7.067,56**	**100%**	**8.843,71**	**100%**	**25,13%**	**6.070,73**	**100,00%**	**9.366,34**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (riêng lẻ) của BVBbank

Bảng 6: Tỷ lệ các SPDV trong Thu Nhập thuần (Hợp Nhất)

Đvt: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	% tăng trưởng	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi thuần	2.306,25	93,08%	2.680,19	92,11%	16,21%	1.680,22	91,29%	2.613,72	91,99%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	37,55	1,52%	1,67	0,05%	-95,55%	(28,35)	-1,54%	(11,33)	-0,40%
Lãi thuần từ	45,94	1,85%	86,28	2,97%	87,81%	72,64	3,95%	90,41	3,18%

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	% tăng trưởng	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)
hoạt động kinh doanh ngoại hối									
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26,75	1,08%	-2,70	-0,09%	-110,11%	2,68	0,15%	5,37	0,19%
Lãi thuần từ hoạt động khác	61,10	2,47%	144,26	4,96%	136,10%	113,37	6,16%	143,09	5,04%
Tổng	**2.477,59**	**100%**	**2.909,70**	**100%**	**17,44%**	**1.840,56**	**100,00%**	**2.841,26**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

Bảng 7: Tỷ lệ các SPDV trong Thu Nhập thuần (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	% tăng trưởng	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi thuần	2.303,46	93,05%	2.677,15	92,08%	16,22%	1.678,03	91,28%	2.610,10	91,98%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	37,55	1,52%	1,67	0,05%	-95,54%	(28,35)	-1,54%	(11,33)	-0,40%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	45,94	1,86%	86,28	2,97%	87,82%	72,64	3,95%	90,41	3,19%
Lãi (Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26,75	1,08%	-2,7	-0,09%	-110,11%	2,68	0,15%	5,37	0,19%
Lãi thuần từ	61,02	2,46%	144,19	4,96%	136,30%	113,30	6,16%	142,99	5,04%

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	% tăng trưởng	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)
hoạt động khác									
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0,83	0,03%	0,84	0,03%	1,20%	-	0,00%	-	-
Tổng	**2.475,55**	**100%**	**2.907,43**	**100%**	**17,45%**	**1.838,30**	**100,00%**	**2.837,54**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (riêng lẻ) của BVBank

8.1.2. Huy động vốn

- Nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động cấp tín dụng, bảo đảm các tỷ lệ an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN và kiểm soát chi phí vốn ở mức tối ưu để duy trì lãi suất cho vay cạnh tranh, BVBank đã triển khai các sản phẩm huy động đa dạng hướng đến tất cả các nhóm khách hàng: khách hàng cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính và các tổ chức tín dụng, đồng thời tận dụng nguồn vốn từ nghiệp vụ thị trường mở của NHNN. BVBank chủ trọng tăng tỷ trọng nguồn vốn từ tệp khách hàng nhỏ lẻ nhằm bảo đảm cấu trúc vốn ổn định, ít biến động theo lãi suất; tỷ trọng huy động từ nhóm khách hàng đại chúng (số dư huy động dưới 1 tỷ đồng) chiếm hơn 20% tổng huy động.
- Tổng huy động vốn năm 2025 đạt 123.253,09 tỷ đồng, tăng 29,17% so với năm 2024, trong đó tiền gửi của khách hàng cá nhân và tổ chức chiếm 57,94%, là cấu phần đóng góp chính vào nguồn vốn huy động. Đến hết 30/09/2026, tổng huy động vốn đạt 133.975,74 tỷ đồng, tăng khoảng 8,70% so với cuối năm 2025 trong điều kiện cạnh tranh huy động vốn diễn ra gay gắt, trong đó tiền gửi của khách hàng tăng gần 24%. Với nền tảng cơ sở khách hàng và hệ thống mạng lưới đã xây dựng, BVBank duy trì năng lực huy động vốn ổn định, đáp ứng nhu cầu cho vay trong từng thời kỳ.
- Cơ cấu nguồn huy động như sau:

Bảng 8: Nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	% tăng trưởng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay	1.557,82	1,63%	7.340,62	5,79%	358,37%	7.797,28	5,95%	6.747,10	5,04%

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	% tăng trưởng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
chính phủ và NHNNVN									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18.721,97	19,62%	17.939,63	14,56%	-4,18%	17.504,01	13,35%	18.660,07	13,93%
Tiền gửi của khách hàng	67.389,45	70,63%	71.413,69	57,94%	5,97%	81.338,06	62,03%	88.465,69	66,03%
Phát hành giấy tờ có giá	7.525,57	7,89%	26.693,54	21,66%	254,70%	24.427,88	18,63%	20.070,42	14,98%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	222,36	0,23%	65,61	0,05%	-70,49%	65,74	0,05%	32,46	0,02%
Tổng cộng	**95.417,17**	**100%**	**123.253,09**	**100%**	**29,17%**	**131.132,96**	**100%**	**133.975,74**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

Bảng 9: Nguồn vốn huy động (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	% tăng trưởng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay chính phủ và NHNNVN	1.557,82	1,63%	7.140,62	5,79%	358,37%	7.797,28	5,94%	6.747,10	5,03%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18.721,97	19,59%	17.939,63	14,54%	-4,18%	17.504,01	13,34%	18.660,07	13,91%
Tiền gửi của khách hàng	67.524,33	70,67%	71.548,88	57,99%	5,96%	81.453,01	62,06%	88.601,81	66,07%
Phát hành giấy tờ có	7.525,57	7,88%	26.693,54	21,63%	254,70%	24.427,88	18,61%	20.070,42	14,97%

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	% tăng trưởng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
giá									
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	222,36	0,23%	65,61	0,05%	-70,49%	65,74	0,05%	32,46	0,02%
Tổng cộng	**95.552,05**	**100%**	**123.388,28**	**100%**	**29,13%**	**131.247,91**	**100%**	**134.111,86**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (riêng lẻ) của BVBank

- Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước

Bảng 10: Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Trong nước	95.194,81	99,77%	123.187,48	99,95%	131.067,22	99,95%	133.943,28	99,98%
Ngoài nước	222,36	0,23%	65,61	0,05%	65,74	0,05%	32,46	0,02%
Tổng cộng	**95.417,17**	**100%**	**123.253,09**	**100%**	**131.132,96**	**100%**	133.975,74	100%

Nguồn: BVBank

Tiền gửi và vay Chính phủ và NHNN VN

Trong năm 2025, số dư tiền gửi và vay Chính phủ và NHNN đạt 7.140,62 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2024, đến từ việc BVBank chủ động sử dụng danh mục trái phiếu Chính phủ để vay NHNN thông qua nghiệp vụ thị trường mở nhằm tăng cường thanh khoản tạm thời trong điều kiện lãi suất biến động, hỗ trợ hoạt động tín dụng. Đến hết 30/09/2026, số dư khoản mục này đạt 6.747,10 tỷ đồng, giảm 5,51% so với cuối năm 2025.

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác năm 2025 đạt 17.939,63 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2024 và duy trì tỷ trọng ổn định khoảng 14% tổng nguồn vốn huy động trong năm 2026. Nguồn vốn này chủ yếu phản ánh hoạt động kinh doanh vốn giữa các ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản tạm thời. Tỷ trọng duy trì ổn định trong cấu trúc vốn thể hiện quan hệ hợp tác bền vững giữa BVBank và các tổ chức tín dụng khác trong hệ thống, góp phần tạo kênh huy động

vốn ngắn hạn hiệu quả.

Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi khách hàng tiếp tục đóng vai trò nguồn vốn cốt lõi của Ngân hàng đạt 71.413,69 tỷ đồng (chiếm 57,94% tổng vốn huy động) vào cuối năm 2025, tăng 5,97% so với năm 2024. Đến ngày 30/09/2026, số dư tiếp tục tăng lên 88.465,69 tỷ đồng, cho thấy hoạt động huy động vốn duy trì đà tăng trưởng tích cực. Về cơ cấu tiền gửi từ khách hàng cá nhân tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo (86,38% năm 2025 và 84,75% trong 9 tháng đầu năm 2026), phù hợp với định hướng phát triển ngân hàng bán lẻ của BVBank. Trong khi đó, tiền gửi từ khách hàng tổ chức tăng 38,75% trong 9 tháng đầu năm, cao hơn tốc độ tăng chung, giúp tỷ trọng tăng từ 12,75% năm 2024 lên 13,62% năm 2025 và đạt 15,25% trong 9 tháng đầu năm 2026.

Theo kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn (hơn 90%), bảo đảm nguồn vốn ổn định cho hoạt động kinh doanh. Đáng chú ý, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) tăng mạnh 29%, phản ánh hiệu quả của các sản phẩm ngân hàng số và dịch vụ thanh toán. Trong 9 tháng đầu năm 2026, xu hướng khách hàng tiếp tục ưu tiên tiền gửi có kỳ hạn nhằm tối ưu hóa lợi suất, đồng thời nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng số và thanh toán không dùng tiền mặt được kỳ vọng sẽ hỗ trợ tăng trưởng nguồn vốn huy động và CASA trong thời gian tới.

Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá tăng mạnh từ 7.525,57 tỷ đồng cuối năm 2024 lên 26.693,54 tỷ đồng cuối năm 2025 (tăng khoảng 3,5 lần), tính đến 30/09/2026, số dư đạt 20.070,42 tỷ đồng và chiếm 14,98% tổng nguồn vốn. Ngân hàng triển khai các sản phẩm chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn ngắn và trung – dài hạn, chủ động cân đối cơ cấu kỳ hạn theo hướng tăng tỷ trọng nguồn vốn trung – dài hạn nhằm hỗ trợ tăng trưởng tín dụng trung – dài hạn và cải thiện các tỷ lệ an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.

Hoạt động kinh doanh vốn của BVBank giai đoạn 2024 – 09 tháng đầu năm 2026 cho thấy xu hướng chủ động và linh hoạt hơn trong quản trị bảng cân đối kế toán. Ngân hàng không chỉ tập trung tăng trưởng quy mô huy động mà còn chú trọng tái cơ cấu kỳ hạn và cơ cấu nguồn vốn nhằm bảo đảm thanh khoản, tối ưu chi phí vốn, hỗ trợ tăng trưởng tín dụng và đáp ứng các chuẩn mực an toàn vốn ngày càng chặt chẽ.

8.1.3. Hoạt động tín dụng

❖ **Tổng dư nợ cho vay, tỷ lệ an toàn vốn**

Thương hiệu và hình ảnh của BVBank đang dần trở nên phổ biến hơn với việc mở rộng thị phần cho vay thông qua các mạng lưới hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, các điểm giao dịch đặt tại các địa bàn trọng yếu, tận dụng các thế mạnh về lãi suất và thời gian hoàn tất hồ sơ vay cho khách hàng để tăng doanh thu và mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, BVBank cũng thường xuyên rà soát, quan tâm và chăm sóc các khách hàng có uy tín để duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và qua đó đạt được mức tăng trưởng về dư nợ tín dụng trên cơ sở đảm bảo an toàn chất lượng của khoản vay. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên nên đã kịp thời bổ sung, chấn

chính các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

Trong giai đoạn vừa qua, BVBank tập trung mở rộng mạng lưới hoạt động, triển khai công tác tiếp thị và quảng bá thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, chú trọng đến chất lượng phục vụ, thời gian xử lý hồ sơ cho vay đảm bảo nhanh chóng nên đã góp phần đẩy nhanh dư nợ cho vay của ngân hàng. Trên cơ sở đó, dư nợ cho vay tăng trưởng mạnh giai đoạn 2023-2025 với mức tăng trưởng kép hàng năm đạt xấp xỉ 16%/năm. Tính đến 30/09/2026, cho vay khách hàng tăng 9,33% so với cuối năm 2025, bám sát theo định hướng tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng nhà nước.

Với mục tiêu phát triển bền vững, BVBank tiếp tục xác định chiến lược tăng trưởng tín dụng trung dài hạn ở mức 16%-18%/năm, bám sát định hướng điều hành của NHNN, trên cơ sở cho vay có chọn lọc đảm bảo kiểm soát chất lượng tín dụng và tuân thủ quy định của NHNN. Đồng thời, đối với mục tiêu về vốn (CAR), BVBank luôn duy trì trên mức 11% nhằm đáp ứng chuẩn các tiêu chuẩn quốc tế Basel II/III.

Bảng 11: Dư nợ cho vay qua các năm và tỷ lệ an toàn hoạt động

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026	Quy định NHNN
Tổng dư nợ cho vay (tỷ đồng)	68.142,07	78.240,47	84.721,44	85.539,88	
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	11,90%	13,27%	12,08%	10,03%	≥ 8%
Tỷ lệ nợ quá hạn (theo TT31)	3,69%	2,86%	3,13%	3,00%	
Tỷ lệ nợ xấu (theo TT31)	2,69%	2,13%	2,27%	2,04%	≤ 3%
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR)	76,78%	67,64%	68,68%	67,28%	≤ 85%

Nguồn: BVBank

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất của BVBank tại thời điểm 31/12/2025 là 13,27% và tại thời điểm 30/09/2026 đạt 10,03%, đều vượt mức quy định tối thiểu 8% của NHNN và cao hơn ngưỡng khẩu vị rủi ro nội bộ mà BVBank tự đặt ra là ≥ 8,3%. Các tỷ lệ này được duy trì nhờ việc BVBank triển khai đồng bộ khung quản lý rủi ro theo các nguyên tắc Basel II và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Về quản lý rủi ro tín dụng: BVBank triển khai các hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chặt chẽ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Tỷ lệ nợ xấu được xác định theo quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN, tại ngày 30/09/2026 ở mức 2,04%, giảm 0,09 điểm phần trăm so với mức

2,13% tại ngày 31/12/2025, nhưng vẫn nằm trong ngưỡng kiểm soát và thấp hơn giới hạn 3% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Mức tăng chủ yếu đến từ sự suy giảm khả năng trả nợ của một số khoản vay khách hàng cá nhân, do dòng tiền trả nợ bị ảnh hưởng trong ngắn hạn, làm phát sinh chuyển nhóm nợ tại một số khoản vay nhỏ lẻ. Trong khi đó, danh mục khách hàng doanh nghiệp nhìn chung duy trì ổn định, năng lực trả nợ và chất lượng tín dụng không có biến động đáng kể.

Trong năm 2026, BVBank tiếp tục ưu tiên kiểm soát chất lượng tín dụng, tập trung rà soát các khoản vay có dấu hiệu suy giảm, tăng cường quản lý, thu hồi nợ đến hạn, tăng nguồn lực cho hoạt động xử lý và thu hồi nợ với mục tiêu đẩy mạnh và nhanh hoạt động thu hồi nợ. Đối với các khoản nợ kéo dài, BVBank đẩy mạnh xử lý tài sản bảo đảm và các biện pháp thu hồi theo quy định. Đồng thời, BVBank tiếp tục duy trì chính sách trích lập dự phòng phù hợp với quy định hiện hành và định hướng quản trị rủi ro, thường xuyên đánh giá rủi ro ở cấp độ từng khoản vay nhằm nâng cao chất lượng tài sản. Với các biện pháp trên, tỷ lệ nợ xấu dự kiến tiếp tục được kiểm soát trong giới hạn an toàn, tạo nền tảng cho hoạt động kinh doanh ổn định trong năm 2026.

BVBank duy trì tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi ở mức 76,8% năm 2024 và giảm dần xuống 67,28% tính đến 30/09/2026, thấp hơn đáng kể so với mức trần 85% theo quy định của NHNN. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR) giảm xuống 67,6% trong năm 2025 cho thấy BVBank duy trì chính sách quản trị thanh khoản theo hướng thận trọng. Xu hướng này tiếp tục duy trì trong 09 tháng đầu năm 2026 khi Ngân hàng tiếp tục củng cố nền tảng huy động và thanh khoản. Mức tỷ lệ LDR hiện tại phản ánh khả năng đáp ứng nhu cầu chi trả và thanh khoản ngắn hạn ở mức tốt, dư địa cho tăng trưởng tín dụng trong các kỳ tiếp theo vẫn còn tương đối lớn. So với giới hạn của NHNN, khoảng cách an toàn tương đối rộng giúp Ngân hàng giảm áp lực thanh khoản trong bối cảnh thị trường vốn và lãi suất còn biến động.

BVBank luôn xác định đảm bảo an toàn thanh khoản là một trong những ưu tiên trọng yếu trong quản trị điều hành. BVBank duy trì chính sách quản lý thanh khoản thận trọng bao gồm:

- Duy trì Tài sản có tính thanh khoản cao (HQLA) đủ tiêu chuẩn theo quy định của NHNN, dễ dàng chuyển đổi sang tiền mặt để đáp ứng nhu cầu thanh khoản nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường của thị trường. BVBank luôn duy trì tỷ lệ về tài sản thanh khoản cao trên mức yêu cầu của NHNN
- Đa dạng hóa nguồn vốn huy động từ khách hàng và đối tác trên Thị trường 1: BVBank thường xuyên đánh giá năng lực huy động vốn, đồng thời duy trì và củng cố mối quan hệ với các đối tác, khách hàng. Ngân hàng chủ động phát triển và cung cấp đa dạng các sản phẩm huy động nhằm gia tăng quy mô vốn từ khách hàng cá nhân và tổ chức, qua đó nâng cao tỷ trọng nguồn vốn Thị trường 1 trong cơ cấu nguồn vốn. Về dài hạn, định hướng này góp phần cải thiện tính ổn định của nguồn vốn và đảm bảo tuân thủ các quy định ngày càng chặt chẽ về an toàn thanh khoản của NHNN bao gồm các chỉ tiêu tỷ lệ tín dụng trên huy động (CDR), tỷ lệ đảm bảo khả năng chi trả thanh khoản (LCR), tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) và tỷ lệ đòn bẩy (LR).

- BVBank theo dõi và quản lý chặt chẽ chênh lệch kỳ hạn giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra trong ngày và theo các thang kỳ hạn khác nhau, nhằm kịp thời nhận diện các khoảng thiếu hụt thanh khoản tiềm ẩn và có biện pháp xử lý phù hợp.
- BVBank đã xây dựng hệ thống các văn bản quy định, quy trình về hoạt động quản lý thanh khoản, trong đó xác định rõ các công cụ quản lý thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra.
- BVBank thực hiện theo dõi và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN hàng ngày và định kỳ như tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi và các giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động khác.
- Đo lường và kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản: Định kỳ, BVBank thực hiện đo lường và kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản theo các kịch bản bất lợi của thị trường, nhằm đánh giá khả năng chống chịu của Ngân hàng trong các giai đoạn thị trường căng thẳng. Trên cơ sở kết quả đánh giá, BVBank xem xét và triển khai các chính sách điều chỉnh phù hợp, bảo đảm Ngân hàng duy trì đầy đủ năng lực thanh khoản để đáp ứng kịp thời và đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán.

❖ **Chất lượng nợ vay**

Bảng 12: Dư nợ cho vay khách hàng theo nhóm nợ (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		2025 so với 2024	30/06/2026		30/09/2026	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	% Tăng trưởng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	65.067,61	95,49%	75.009,72	95,87%	15,28%	80.930,75	95,53%	81.831,70	95,66%
Nợ cần chú ý	889,84	1,31%	816,95	1,04%	-7,93%	1.038,27	1,23%	1.189,91	1,39%
Nợ dưới tiêu chuẩn	269,59	0,39%	283,14	0,36%	4,16%	432,34	0,51%	584,14	0,68%
Nợ nghi ngờ	519,41	0,76%	395,03	0,50%	-23,95%	523,67	0,62%	648,06	0,76%
Nợ có khả năng mất vốn	1.396,62	2,05%	1.735,63	2,22%	24,36%	1.796,41	2,12%	1.286,07	1,50%
Tổng cộng	**68.142,07**	**100%**	**78.240,47(*)**	**100%**	**14,82%**	**84.721,44(*)**	**100%**	**85.539,88(*)**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

(*) Dư nợ cho vay của Ngân hàng bao gồm hoạt động mua nợ từ các tổ chức tín dụng khác

Chính sách trích lập dự phòng của BVBank luôn bảo đảm theo quy định của NHNN và trên cơ sở thận trọng. Dư nợ đủ tiêu chuẩn tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo và duy trì ở mức cao từ 95,49% năm 2024 tăng lên 95,87% năm 2025 và giữ vững quanh 95,66% tại thời điểm 30/09/2026. Đồng thời, quy mô dư nợ đủ tiêu chuẩn tăng mạnh 9.942,11 tỷ đồng (tương đương 15,28%) trong năm 2025, có thể nhận thấy bức tranh chung theo hướng ổn định, thể hiện nỗ lực của BVBank trong công tác quản trị rủi ro và kiểm soát chất lượng tín dụng theo đúng định hướng từ NHNN.

Bên cạnh đó, các nhóm nợ có dấu hiệu rủi ro trung bình có xu hướng được cải thiện trong năm 2025 và tăng trở lại trong 09 tháng đầu năm 2026. Năm 2025 nợ cần chú ý giảm cả về quy mô (-8,19%) và tỷ trọng (từ 1,31% xuống còn 1,04%), và tăng từ 1,04% lên 1,39% tại 30/09/2026 do một số khoản vay xuất hiện dấu hiệu suy giảm khả năng trả nợ.

Đối với nhóm nợ xấu (từ nhóm 3 đến nhóm 5), diễn biến trong kỳ cho thấy xu hướng đan xen giữa cải thiện về chất lượng tín dụng ở một số phân khúc và áp lực gia tăng ở nhóm rủi ro cao, nhưng tổng thể vẫn nằm trong khả năng kiểm soát của BVBank khi duy trì tỷ lệ nợ xấu/tổng nợ theo TT31 (gồm dư nợ thị trường 1 và thị trường 2 ở ngưỡng dưới 3%). Cụ thể, nợ dưới tiêu chuẩn (nhóm 3) tăng nhẹ và gần như tăng không đáng kể từ 269,59 tỷ đồng lên 283,14 tỷ đồng trong năm 2025 (tăng 5,03%), tuy nhiên tỷ trọng lại giảm từ 0,39% xuống 0,36%. Đến 30/09/2026, tỷ trọng nhóm này ở mức 0,68%, tiếp tục nằm trong ngưỡng an toàn.

Nợ nghi ngờ (nhóm 4) ghi nhận sự cải thiện, với dư nợ giảm 23,95% trong năm 2025, kéo tỷ trọng từ 0,76% xuống 0,50%. Tại 30/09/2026, tỷ trọng nợ nhóm 4 đạt 0,76%, tăng so với cuối năm 2025 do một số khoản vay có chất lượng tín dụng suy giảm.

Đáng chú ý, nợ có khả năng mất vốn (nhóm 5) đã ghi nhận xu hướng cải thiện rõ nét. Sau khi tăng trong năm 2025, đến 30/09/2026 dư nợ nhóm 5 giảm còn 1.286 tỷ đồng, kéo tỷ trọng từ 2,22% cuối năm 2025 xuống còn 1,50%, phản ánh hiệu quả của công tác xử lý và kiểm soát các khoản nợ rủi ro cao.

Trong thời gian tới, BVBank tập trung quản lý, nâng cao chất lượng tín dụng, nhận diện nợ quá hạn sớm, tăng cường công tác thu hồi nợ và cải thiện cơ cấu khách hàng sẽ là yếu tố quan trọng giúp Ngân hàng nâng cao chất lượng tài sản và cải thiện hiệu quả sinh lời.

❖ **Rủi ro lãi suất và việc phân loại, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng:**

Rủi ro lãi suất được BVBank thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.

Bảng 13: Số dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BVBank

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Riêng lẻ			
	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Dự phòng chung	500,598	569,644	611,920	506,354	500,598	569,644	611,920	506,354
Dự phòng cụ thể	451,566	517,209	558,568	627,957	451,566	517,209	558,568	627,957
Tổng cộng	**952,164**	**1.086,853**	**1.170,488**	**1.134,311**	**952,164**	**1.086,853**	**1.170,488**	**1.134,311**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất và riêng lẻ) của BVBank

❖ **Phân loại tổng dư nợ tín dụng**

- **Theo thời hạn vay**

Bảng 14: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	43.953,16	64,50%	43.101,02	55,09%	51.959,96	61,33%	53.788,43	62,88%
Nợ trung hạn	5.658,40	8,30%	5.431,07	6,94%	4.690,25	5,54%	4.738,78	5,54%
Nợ dài hạn	18.530,51	27,20%	29.708,38	37,97%	28.071,23	33,13%	27.012,67	31,58%
Tổng cộng	**68.142,07**	**100,0%**	**78.240,47**	**100,0%**	**84.721,44**	**100,00%**	**85.539,88**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024,2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn của BVBank chuyển dịch tích cực theo hướng gia tăng tỷ trọng cho vay trung – dài hạn, phù hợp với nhu cầu vốn đầu tư – sản xuất kinh doanh của khách hàng và định hướng nâng cao chất lượng, tính ổn định của danh mục tài sản sinh lời. Dư nợ dài hạn tăng 11.177,87 tỷ đồng (+60,32%), nâng tỷ trọng từ 27,2% năm 2024 lên 37,97% năm 2025; trong khi dư nợ ngắn hạn được duy trì ổn định ở mức hợp lý (55,09%) nhằm bảo đảm thanh khoản và khả năng quay vòng vốn. Đáng chú ý, việc mở rộng cho vay trung – dài hạn được thực hiện đồng bộ với chiến lược gia tăng nguồn vốn trung – dài hạn (phát hành giấy tờ có giá) đã nêu tại Mục 10.1.3, qua đó bảo đảm cân đối kỳ hạn nguồn – sử dụng vốn và tuân thủ tỷ lệ nguồn vốn ngắn

hạn cho vay trung – dài hạn ở mức 27,48%, thấp hơn giới hạn 30% của NHNN.

Đến hết 30/09/2026, dư nợ ngắn hạn phục hồi lên 62,88% tổng dư nợ, cho thấy Ngân hàng điều hành cơ cấu kỳ hạn một cách linh hoạt, vừa nắm bắt cơ hội tăng trưởng tín dụng trung – dài hạn chất lượng, vừa duy trì dư địa thanh khoản và khả năng tái cơ cấu danh mục kịp thời theo diễn biến thị trường.

- **Theo tiền tệ**

Bảng 15: Dư nợ cho vay theo tiền tệ (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Bằng VND	68.014,92	99,81%	78.043,60	99,75%	84.141,75	99,32%	85.006,68	99,38%
Bằng ngoại tệ	127,15	0,19%	196,87	0,25%	579,69	0,68%	533,20	0,62%
Tổng cộng	**68.142,07**	**100%**	**78.240,47**	**100%**	**84.721,44**	**100,00%**	**85.539,88**	**100%**

Nguồn: BVBank

Dư nợ cho vay của BVBank tập trung gần như tuyệt đối vào đồng Việt Nam (chiếm 99,5% – 99,8% qua các kỳ), phản ánh chính sách quản trị rủi ro thận trọng, giúp hạn chế tối đa rủi ro tỷ giá đối với danh mục tín dụng. Dư nợ cho vay bằng ngoại tệ chiếm tỷ trọng rất nhỏ (dưới 0,5%) nhưng có mức tăng trưởng tích cực (+54,83% trong năm 2025, đạt 196,87 tỷ đồng và tiếp tục tăng lên 533,20 tỷ đồng tại 30/09/2026), chủ yếu phục vụ nhu cầu vốn của nhóm khách hàng doanh nghiệp xuất nhập khẩu, gắn với định hướng phát triển khách hàng SME và mở rộng hoạt động tài trợ thương mại của Ngân hàng. Quy mô cho vay ngoại tệ luôn được kiểm soát trong khẩu vị rủi ro và phù hợp với trạng thái ngoại tệ, các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN.

- **Theo ngành nghề**

Bảng 16: Dư nợ cho vay theo ngành nghề (Hợp nhất)

Đơn: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và	28.575,02	41,93%	25.643,44	32,78%	33.047,02	39,01%	31.464,55	36,78%

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
xe có động cơ khác								
Xây dựng	4.186,73	6,14%	4.789,55	6,12%	3.971,15	4,69%	6.463,27	7,56%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	11.406,60	16,74%	23.616,58	30,18%	25.556,67	30,17%	26.005,69	30,40%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	8.670,90	12,72%	8.511,23	10,88%	7.963,88	9,40%	7.041,56	8,23%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.374,74	3,48%	1.920,77	2,45%	2.100,83	2,48%	2.357,20	2,76%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.821,71	5,61%	4.915,77	6,28%	2.494,84	2,94%	2.482,75	2,90%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	5.308,75	7,79%	5.640,44	7,21%	6.467,01	7,63%	6.170,87	7,21%
Vận tải kho bãi	516,07	0,76%	528,29	0,68%	729,00	0,86%	601,37	0,70%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	373,90	0,55%	295,02	0,38%	254,04	0,30%	240,33	0,28%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.014,97	1,49%	1.171,37	1,50%	969,71	1,14%	947,56	1,11%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	167,93	0,25%	124,55	0,16%	111,96	0,13%	98,97	0,12%
Thông tin và truyền thông	17,14	0,03%	12,78	0,02%	10,44	0,01%	10,55	0,01%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	650,15	0,95%	143,56	0,18%	179,47	0,21%	239,86	0,28%
Giáo dục và đào tạo	16,61	0,02%	31,04	0,04%	30,28	0,04%	45,87	0,05%
Hoạt động chuyên	37,59	0,06%	26,79	0,03%	25,41	0,03%	523,63	0,61%

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
môn, khoa học và công nghệ								
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	50,15	0,071%	42,25	0,0541%	39,80	0,05%	38,96	0,05%
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	23,29	0,03%	19,64	0,0251%	22,83	0,03%	19,14	0,02%
Khai khoáng	39,50	0,06%	82,01	0,10%	84,51	0,10%	77,66	0,09%
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc	0,85	0,001%	0,11	0,001%	0,07	0,00%	0,05	0,00%
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	1,4	0,002%	0,6	0,0007%	0,54	0,00%	0,48	0,00%
Hoạt động dịch vụ khác	888,07	1,30%	724,68	0,93%	661,98	0,78%	709,56	0,83%
Tổng cộng	**68.142,07**	**100%**	**78.240,47**	**100%**	**84.721,44**	**100%**	**85.539,88**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

BVBank kiên định với định hướng tăng trưởng tín dụng có chọn lọc, tập trung vào các phân khúc cốt lõi là doanh nghiệp nhỏ và vừa, khách hàng bán lẻ và các nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh thực chất. Định hướng tín dụng được xây dựng trên nguyên tắc ưu tiên cấp tín dụng cho các lĩnh vực tạo dòng tiền ổn định, phục vụ thương mại, tiêu dùng thiết yếu, sản xuất – lưu thông hàng hóa và các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương điều hành của NHNN.

Cụ thể, các phân khúc/ngành ưu tiên giai đoạn 2025 – 2026 gồm: (i) doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) trong lĩnh vực thương mại, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu — chiếm khoảng 30% danh mục và được đặt mục tiêu tăng trưởng dẫn dắt; (ii) khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh — chiếm khoảng 47% danh mục, tập trung cho vay mua nhà, phương tiện và tiêu dùng có tài sản bảo đảm; (iii) bất động sản thương mại có tính thanh khoản cao và năng lực chủ đầu tư tốt; (iv) các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương NHNN: nông nghiệp nông thôn, doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Ngân hàng kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các ngành rủi

ro cao như bất động sản đầu cơ, chứng khoán và BOT/BT.

Trong giai đoạn 2024 – 09 tháng đầu năm 2026, cơ cấu tín dụng theo ngành nhìn chung duy trì ổn định. Ngành bán buôn, bán lẻ và sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất (dao động 32% – 42%), giữ vai trò chủ lực và ghi nhận sự phục hồi trong 09 tháng đầu năm 2026. Ngành kinh doanh bất động sản tăng từ 16,74% năm 2024 lên trên 30,18% năm 2025 và duy trì ổn định trong 09 tháng đầu năm 2026, trở thành một trong các lĩnh vực trọng yếu của danh mục. Sự gia tăng tỷ trọng trong lĩnh vực này gắn với định hướng tài trợ chọn lọc các dự án khả thi, hiệu quả, kèm giám sát chặt chẽ khách hàng trước – trong – sau khi cho vay, định giá lại tài sản bảo đảm định kỳ và kiểm soát giới hạn dư nợ trong khẩu vị rủi ro đã phê duyệt.

Thị trường bất động sản 2025 – 2026 bước vào giai đoạn phục hồi có chọn lọc sau các chính sách tháo gỡ pháp lý (Luật Đất đai 2024, Luật Kinh doanh bất động sản 2023 có hiệu lực từ tháng 8/2024); phân khúc nhà ở thực và bất động sản khu công nghiệp ghi nhận thanh khoản tích cực; đầu tư công được đẩy mạnh tạo động lực cho bất động sản hạ tầng. Trong bối cảnh đó, BVBank tăng tỷ trọng cho vay bất động sản từ 16,74% (năm 2024) lên khoảng 30,18% (năm 2025) một cách có kiểm soát, ưu tiên các dự án đầy đủ pháp lý, chủ đầu tư uy tín, dòng tiền minh bạch, áp dụng tỷ lệ cho vay trên tài sản đảm bảo (LTV) thận trọng và định giá lại tài sản bảo đảm định kỳ.

Nhóm hoạt động liên quan đến hộ gia đình duy trì tỷ trọng tương đối ổn định quanh mức 10%. Các ngành như xây dựng, dịch vụ lưu trú – ăn uống và nông – lâm – thủy sản chiếm tỷ trọng trung bình (khoảng 5% – 8%), biến động nhẹ theo thị trường. Các ngành còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ và phân bổ ổn định, góp phần duy trì sự cân bằng và đa dạng của danh mục tín dụng.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế

Hoạt động kinh doanh ngoại hối của Ngân hàng chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán ngoại tệ của khách hàng doanh nghiệp, thanh toán hàng hóa xuất nhập khẩu, chuyển tiền quốc tế, phát hành thư tín dụng, bảo lãnh và các dịch vụ tài trợ thương mại.

Ngoài mua bán ngoại tệ giao ngay (spot) phục vụ khách hàng, BVBank thực hiện các giao dịch liên ngân hàng gồm: (i) giao dịch kỳ hạn (Forward) mua/bán USD/VND nhằm phòng ngừa rủi ro tỷ giá cho khách hàng xuất nhập khẩu và quản lý trạng thái ngoại tệ; (ii) giao dịch hoán đổi (Swap USD/VND) để điều tiết thanh khoản ngắn hạn và quản lý chênh lệch lãi suất VND – USD; (iii) cam kết giao dịch hối đoái tại 31/12/2025 đạt 39.408 tỷ đồng (tăng 64,5% so với 31/12/2024), trong đó hoán đổi chiếm 28.118 tỷ đồng.

Bảng 17: Doanh số kinh doanh ngoại tệ

Đvt: triệu USD

Kinh doanh ngoại tệ	31/12/2024	31/12/2025	2025 so với 2024		30/06/2026	30/09/2026
			Tăng/giảm	Tỷ lệ Tăng/giảm		
Mua	26.608	20.773	-5.835	-21,93%	11.019	16.076
Bán	26.663	20.841	-5.822	-21,83%	10.774	15.795

Nguồn: BVBank

Hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2024 – 09 tháng đầu năm 2026 duy trì trạng thái cân bằng giữa doanh số mua và bán, phản ánh định hướng phục vụ nhu cầu khách hàng và quản trị trạng thái ngoại tệ thận trọng. Năm 2025, doanh số mua bán ngoại tệ giảm khoảng 22% so với năm 2024 trong bối cảnh thị trường ngoại hối biến động mạnh do chính sách lãi suất toàn cầu và biến động tỷ giá USD. Mặc dù quy mô giao dịch giảm, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối lại tăng mạnh trong năm 2025.

Bảng 18: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán giai đoạn 2024 – 09 tháng đầu năm 2026 (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Thu nhập hoạt động kinh doanh ngoại hối	210.802	146.175	124.590	166.974
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(164.865)	(59.894)	(51.951)	(76.561)
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**45.937**	**86.281**	**72.639**	**90.413**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

Năm 2024, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 45.937 triệu đồng, năm 2025 tăng mạnh lên 86.281 triệu đồng (tăng 87,8% so với cùng kỳ); 09 tháng đầu năm 2026 đạt 90.413 triệu đồng, vượt 5% so với kết quả thực hiện cả năm 2025. Kết quả này chủ yếu đến từ việc kiểm soát tốt chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối, gia tăng năng lực kinh doanh vốn và quản trị rủi ro tỷ giá hiệu quả.

Trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng và nhu cầu giao dịch xuyên biên giới ngày càng lớn, mảng kinh doanh ngoại tệ được kỳ vọng sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào tăng trưởng thu nhập ngoài lãi của Ngân hàng trong các năm tới.

8.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện nay, BVBank thông qua mạng lưới SWIFT đã thiết lập và duy trì kết nối ngân hàng đại lý

ổn định với các định chế tài chính tại một số quốc gia như: Mỹ, Đức, Anh, Úc, HongKong, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc... để thuận tiện trong việc cung cấp các sản phẩm thanh toán quốc tế (chuyển tiền đi quốc tế, nhận chuyển tiền đến từ nước ngoài, thanh toán biên mậu, thanh toán nhờ thu, thanh toán tín dụng chứng từ...), tài trợ thương mại (thông báo và xác nhận L/C, tái tài trợ tín dụng xuất nhập khẩu...) và bảo lãnh quốc tế. Bên cạnh đó, BVBank cũng thường xuyên cải tiến sản phẩm dịch vụ, tăng cường thiết lập quan hệ đại lý với các định chế tài chính toàn cầu và nhanh chóng vươn mình hội nhập thị trường quốc tế.

8.1.6. Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước

Công tác chuyển tiền trong toàn hệ thống nhanh, chính xác, hoạt động ngân quỹ an toàn, thu đủng, chi đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiền mặt cho khách hàng đã tạo được uy tín và góp phần nâng cao hình ảnh BVBank. Cùng với việc nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng chuyên môn, BVBank cũng đã mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động, nâng cấp hạ tầng công nghệ. Ngoài ra, do là thành viên của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN nên thông qua BVBank, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

Bảng 19: Doanh số chuyển tiền/thanh toán trong nước

Kênh thanh toán	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Doanh số (tỷ đồng)	Số lượng (món)	Doanh số (tỷ đồng)	Số lượng (món)	Doanh số (tỷ đồng)	Số lượng (món)	Doanh số (tỷ đồng)	Số lượng (món)
Chuyển tiền qua kênh CITAD & VCB Money								
Chuyển tiền đi	1.210.291	291.821	2.440.111	516.682	2,749.449	119.627	4.435.606	186.189
Chuyển tiền đến	1.172.573	376.652	2.535.986	459.549	2.735.755	198.865	4.424.073	301.041
Chuyển tiền qua kênh NAPAS (CK bằng TK thanh toán)								
Chuyển tiền đi	232.905	107.947.695	272.003	124.325.794	113.028	24.442.461	169.483	32.250.547
Chuyển tiền đến	255.569	162.596.021	377.980	610.428.845	171.436	277.527.187	264.102	418.321.957
Dịch vụ thanh toán hóa đơn (bằng TK thanh toán)	429	1.132.783	556	1.521.582	314	845.480	494	1.301.512
Dịch vụ chi trả kiều hối	28,08	858,00	24,88	1.232,00	13	613	19	907

Nguồn: BVBank

8.1.7. Hoạt động đầu tư tài chính

Để đa dạng hóa cơ cấu tài sản có, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng nguồn thu và duy trì khả năng thanh khoản, BVBank đã sử dụng một phần nguồn vốn khả dụng đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu tổ chức tín dụng và các loại giấy tờ có giá khác.

Bảng 20: Các khoản đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Đầu tư tài chính	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Trái phiếu chính phủ	8.984,31	9.605,68	9.295,38	9.585,83
Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành	249,45	944	2.506,62	1.905,18
Tổng cộng	**9.233,76**	**10.549,68**	**11.802,00**	**11.491,01**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

Quy mô hoạt động đầu tư tài chính của BVBank được duy trì ổn định giai đoạn từ 2024 đến 09 tháng đầu năm 2026, chiếm tỷ trọng từ 8% - 9% trong tổng tài sản của Ngân hàng. Trong 09 tháng đầu năm 2026, danh mục đầu tư TPCP cơ bản không thay đổi so với cuối năm 2025 do mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng và nguồn cung TPCP gia tăng từ nhu cầu huy động vốn của Kho bạc Nhà nước, làm giảm sức hấp dẫn của kênh đầu tư này. Trong khi đó, danh mục trái phiếu Tổ chức tín dụng tăng khoảng 1.000 tỷ đồng, chủ yếu là giấy tờ có giá do các ngân hàng lớn như MBBank, Techcombank và ACB phát hành. Đây là các tổ chức tín dụng uy tín trong nước có mức xếp hạng Ba2/BB từ các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Hoạt động này của BVBank chủ yếu mở rộng đầu tư trong hạn mức cho phép nhằm tận dụng cơ hội thị trường khi có nhiều ngân hàng đẩy mạnh phát hành với lãi suất phù hợp, góp phần tối ưu hóa lợi nhuận. BVBank chú trọng đầu tư vào các TCTD có xếp hạng tín nhiệm cao, đặc biệt các ngân hàng thương mại có uy tín nhằm giảm rủi ro tín dụng và đảm bảo thanh khoản.

8.2. Tài sản

Bảng 21: Giá trị Tài sản cố định (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**Tài sản hữu hình**	**908**	**565**	**986**	**589**	**995**	**571**	**1.015**	**583**
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	339	302	389	342	389	338	389	335

2	Máy móc và thiết bị	298	132	319	130	319	118	335	136
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	200	91	206	79	210	74	210	70
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	7	3	8	3	13	8	16	10
5	Tài sản cố định khác	64	37	64	35	64	33	65	32
II	**Tài sản vô hình**	**1.195**	**969**	**1.235**	**990**	**1.240**	**985**	**1.291**	**1.031**
1	Quyền sử dụng đất	810	773	831	791	831	789	831	788
2	Phần mềm máy tính	385	196	404	199	409	196	460	243
Tổng cộng		**2.103**	**1.534**	**2.221**	**1.579**	**2.235**	**1.556**	**2.306**	**1.614**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

Bảng 22: Giá trị Tài sản cố định (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**Tài sản hữu hình**	**908**	**565**	**986**	**589**	**995**	**571**	**1.015**	**583**
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	339	302	389	342	389	338	389	335
2	Máy móc và thiết bị	298	132	319	130	319	118	335	136
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	200	91	206	79	210	74	210	70
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	7	3	8	3	13	8	16	10
5	Tài sản cố	64	37	64	35	64	33	65	32

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	định hữu hình								
II	**Tài sản vô hình**	**1.195**	**969**	**1.235**	**990**	**1.240**	**985**	**1.291**	**1.031**
1	Quyền sử dụng đất	810	773	831	791	831	789	831	788
2	Phần mềm máy tính	385	196	404	199	409	196	460	243
Tổng cộng		**2.103**	**1.534**	**2.221**	**1.579**	**2.235**	**1.556**	**2.306**	**1.614**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (riêng lẻ) của BVBank

Bảng 23: Chi tiết các tài sản lớn thuộc sở hữu của BVBank tại 30/09/2026

Đvt: tỷ đồng

Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
Bất động sản số 240 Thống Nhất, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa (địa chỉ cũ: 240 Thống nhất, Phường Phương Sơn, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa)	163,746	0,900	162,846	99,45%
Bất động sản số 316 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Lợi, TP. HCM (địa chỉ cũ: 316 Đại lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương)	147,477	36,335	111,142	75,36%
Bất động sản số 52 Trần Não, Phường An Khánh, TP. HCM (địa chỉ cũ: thửa đất số 554, tờ bản đồ số 3, Phường Bình An, Q.2 (TP. Thủ Đức), TP. HCM	132,542	-	132,542	100%
Bất động sản số 267 - 269 Nguyễn Văn Linh, Phường Thanh Khê, TP.	100,025	1,195	98,830	98,81%

Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
Đà Nẵng (địa chỉ cũ: 267 - 269 Nguyễn Văn Linh, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng)				
Bất động sản tầng 1 đến tầng 7 tòa nhà silver Sea Tower tại số 47 Ba Cu, Phường Vũng Tàu. TP. HCM (địa chỉ cũ: Bất động sản tầng 1 đến tầng 7 tòa nhà silver Sea Tower tại 47 Ba Cu, P1, TP. Vũng Tàu)	79,883	14,466	65,417	81,89%
Bất động sản số 66A Trần Hưng Đạo, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: thửa đất số 322, tờ bản đồ số 22, P.5, TP. Cà mau, TP. Cà mau)	78,042	1,203	76,839	98,46%
Bất động sản số 75 Lê Hồng Phong, Phường Vũng Tàu, TP. HCM (địa chỉ cũ: số 75 Lê Hồng Phong, phường 07, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)	77,374	3,352	74,022	95,67%
Bất động sản số 143 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Đạo Thạnh, Tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ cũ: 143 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P4, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang)	67,022	0,853	66,169	98,73%
Bất động sản số 1219 Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang (địa chỉ cũ: số 1219 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang)	62,448	1,495	60,953	97,61%
Bất động sản số 504 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh	59,662	1,537	58,125	97,42%

Nguồn: BVBank

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

Hoạt động Quản trị rủi ro và bảo toàn vốn là một trong các vấn đề cốt lõi được BVBank đặc biệt quan tâm, mang tính trọng yếu và xuyên suốt trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Hệ thống quản lý rủi ro được BVBank chú trọng xây dựng, phát triển hướng đến các chuẩn mực quốc tế. Nhằm hạn chế tối thiểu các rủi ro và bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban điều hành Ngân hàng cùng với HĐQT xây dựng hệ thống quản lý, phân định rõ các loại rủi ro nhằm theo dõi, quản lý theo hướng chuyên môn hóa từng loại rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và thanh khoản để nắm bắt kịp thời những rủi ro có khả năng phát sinh, có biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp. Bằng việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các dữ liệu báo cáo quá khứ từ những năm trước, Ban Điều hành Ngân hàng cùng các Phòng ban liên quan đã chủ động được trong các tình huống rủi ro và hạn chế những rủi ro phát sinh.

Một số các giải pháp áp dụng để tăng cường phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro của BVBank đã triển khai như sau:

- Cơ cấu lại mô hình tổ chức theo hướng hiện đại để bảo đảm kiểm soát và quản lý rủi ro; thành lập các phòng quản lý rủi ro chuyên biệt bao gồm Phòng Quản lý rủi ro Tín dụng, Phòng Quản lý rủi ro Vận hành & Phòng Quản lý rủi ro Thị trường, Phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng số, chọn lựa cán bộ có đủ năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, có cơ chế phân quyền, quy định trách nhiệm đối với cán bộ phụ trách và tác nghiệp, phù hợp với năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ đã được đào tạo thử thách và cơ sở vật chất hiện có, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn một cách tương xứng cho đội ngũ cán bộ.
- Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Phân tích các rủi ro có thể xảy ra trong từng quy trình nghiệp vụ để triển khai ngay các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro;
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong bất kỳ hoàn cảnh và môi trường công tác nào cũng không buông lỏng công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ mới trong công tác này để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa sai phạm, rủi ro;
- Đầu tư thích đáng về đào tạo nghiệp vụ kinh doanh phù hợp với chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế; trang thiết bị tin học viễn thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật và có tính mở; chỉ ra các lĩnh vực kinh doanh mới (tiền tệ tín dụng, ngoại hối, thanh toán chuyển tiền ...) khi có khả năng phân tích và kiểm soát được rủi ro; Ngân hàng có chính sách, cơ chế, quy trình tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, đào tạo cán bộ phù hợp với từng chức năng công việc, việc không ngừng bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng phải được quán triệt và quan tâm thỏa đáng ở mọi cấp quản lý;
- Triển khai, áp dụng các chuẩn mực và công cụ mới trong quản lý rủi ro;

- Thực hiện việc phân loại nợ thông qua hệ thống tự động hóa, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro theo đúng quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước; nâng cấp hệ thống, đảm bảo việc thực hiện được chính xác và kịp thời, cải tiến hệ thống thông tin báo cáo và quản trị rủi ro;
- Ban điều hành BVBank luôn khuyến khích cán bộ ngân hàng chủ động báo cáo các tình huống phát sinh rủi ro hoặc tiềm ẩn rủi ro của Ngân hàng; sẵn sàng đối phó với những vấn đề nảy sinh; kiểm soát những thua lỗ; cố gắng củng cố hệ thống khi có rủi ro xảy ra. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa Ban điều hành và lãnh đạo các đơn vị để rà soát công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng.

Năm 2026, BVBank tiếp tục đẩy mạnh triển khai quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II nâng cao kết hợp với một số quy định Basel III nhằm tăng cường năng lực quản trị rủi ro:

- Nâng cao quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc tập trung hóa công tác thẩm định tín dụng, quản lý tín dụng nhằm gia tăng kiểm soát chặt chẽ ở khâu giải ngân vốn tín dụng, thẩm định giá tài sản để tăng cường quản lý chất lượng tài sản bảo đảm, triển khai nâng cấp hệ thống xếp hạng tín dụng theo đối tượng khách hàng mục tiêu;
- Xây dựng danh mục ngành nghề định hướng hoạt động tín dụng trong năm, quản lý rủi ro theo cây sản phẩm để nâng cao chất lượng tín dụng. Hạn chế cho vay đối với những lĩnh vực, ngành nghề rủi ro cao, cân bằng giữa yếu tố rủi ro và lợi nhuận để giảm tổng tài sản có rủi ro, góp phần tăng tỷ lệ an toàn vốn CAR.
- Thiết lập cơ chế giám sát nợ từ xa thông qua hệ thống cảnh báo sớm nhằm theo dõi đảm bảo việc quản lý nợ được tốt hơn, hạn chế phát sinh nợ xấu; Dựa trên các mô hình dữ liệu và môi trường số thay vì chỉ phụ thuộc nhân lực để phòng tránh gian lận, ra quyết định tín dụng nhỏ lẻ;
- Xác lập các hạn mức rủi ro cho các sản phẩm tín dụng (tỷ lệ nợ quá hạn, tỷ lệ nợ xấu ...), xây dựng các hạn mức phân quyền phê duyệt cho hoạt động kinh doanh;
- Triển khai mô hình giám sát, xử lý nợ bán lẻ để đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh; Định kỳ đánh giá chất lượng và khả năng thu hồi của các khoản nợ để có biện pháp xử lý thích hợp, thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng theo quy định của pháp luật; Thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu theo đúng quy định, đối với khách hàng có nợ xấu, BVBank đánh giá cụ thể khả năng tài chính, nguồn trả nợ để đưa ra kế hoạch, giải pháp thu hồi nợ cụ thể cho từng khách hàng;
- Đối với hoạt động rủi ro vận hành, thị trường và thanh khoản, được chú trọng nhiều hơn thông qua thiết lập cơ chế cảnh báo rủi ro thị trường, xây dựng các kịch bản tình huống để kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản, xây dựng hệ thống & quy trình tự đánh giá rủi ro chốt kiểm soát (RCSA).

Vốn của BVBank được phân bổ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh, luôn đáp ứng tỷ lệ vốn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; để tối ưu hệ số an toàn vốn hơn nữa, BVBank

cũng đang thực hiện:

- Cấu trúc lại danh mục tài sản tối ưu nhằm định hướng kinh doanh vào các lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp.
- Xây dựng các chính sách lãi suất cho vay dựa trên rủi ro đối tượng khách hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh đủ bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng;
- Phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ, bù đắp rủi ro mà vẫn cạnh tranh được với thị trường.

8.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế:

BVBank đã triển khai khung quản trị rủi ro hoạt động theo chuẩn Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thông lệ tiên tiến một cách thường xuyên và thành thục. Tuy nhiên, các rủi ro như các kẻ gian bên ngoài, không gian mạng... vẫn luôn tồn tại và ngày càng tinh vi, dẫn đến việc quản trị rủi ro sẽ gặp nhiều khó khăn. Do đó, BVBank luôn rà soát thường xuyên và cập nhật thường xuyên các xu hướng rủi ro mới để có cơ chế phòng ngừa nhằm giảm thiểu rủi ro (nếu có).

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, Phòng giao dịch và Văn phòng đại diện

Mạng lưới hoạt động của BVBank hiện nay bao gồm: 01 Hội sở, 41 chi nhánh và 84 phòng giao dịch tại các tỉnh thành phố trong cả nước. BVBank đang từng bước củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, phát triển thêm các điểm giao dịch mới để mở rộng mạng lưới phục vụ.



Nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu hội nhập trên thị trường quốc tế, BVBank luôn đề ra mục tiêu và chiến lược phấn đấu nhằm duy trì và phát triển thị phần khách hàng. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động của BVBank nhằm tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm của Ngân hàng đến đủ các đối tượng khách hàng trên địa bàn và khắp nơi trên cả nước.

8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

a) Mạng lưới khách hàng

Địa bàn hoạt động chính của BVBank hiện tại tập trung các trung tâm tài chính tại các tỉnh, thành phố lớn có nhu cầu về các dịch vụ của Ngân hàng. Các khách hàng chính của BVBank là các khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức tín dụng.

Sau hơn 30 năm hoạt động, BVBank đã từng bước tích lũy lợi nhuận, nâng dần chất lượng của các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tìm kiếm và phát triển số lượng khách hàng của Ngân hàng. Từ đối tượng khách hàng chính của Ngân hàng là các cá nhân, tiểu thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, BVBank còn quan tâm và mở rộng các hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các công ty liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong các khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.

BVBank kế hoạch triển khai thêm nhiều loại hình sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến các sản phẩm dịch vụ hiện có, đem đến nhiều sự lựa chọn cho khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, có chính sách ưu đãi các khách hàng giao dịch thường xuyên, khách hàng truyền thống, khách hàng có số dư tiền gửi lớn, mở rộng mạng lưới hoạt động trên khắp cả nước, nhằm định hướng phát triển BVBank trở thành một thương hiệu mạnh trong chất lượng dịch vụ khách hàng.

b) Các loại dịch vụ cho khách hàng

Khách hàng cá nhân: Với sự chuyển mình không ngừng toàn ngành ngân hàng, đặc biệt tập trung hỗ trợ phân khúc kinh tế mới - Hộ kinh doanh, BVBank đã và đang triển khai dịch vụ tài chính phục vụ toàn trình nhu cầu của Hộ kinh doanh, từ việc mở TKTT trực tuyến nhanh chóng, tiện lợi đến quản lý dòng tiền thông minh, hỗ trợ dữ liệu tin cậy phục vụ nhu cầu kê khai thuế, đồng thời, đóng gói các sản phẩm dịch vụ như cấp vốn linh hoạt, tiền gửi tích lũy thông minh, dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước, tính năng liên kết đầu tư nhằm tối ưu hóa dòng tiền KH... với nhiều chính sách khuyến mãi, tạo nền tảng hỗ trợ KH tăng trưởng doanh thu, đóng góp tăng trưởng chung của đất nước.

Ngoài ra, dịch vụ hướng đến khách hàng đầu tư sang nước ngoài, các kiều bào luôn có sự đóng góp chặt chẽ với nền phát triển kinh tế đất nước, cũng được BVBank chú trọng triển khai trong giai đoạn mở cửa thu hút giao lưu kinh tế toàn cầu hiện nay. Kết quả doanh số chuyển tiền quốc tế, kiều hối tăng gấp 03 lần giai đoạn 2024-2026 là minh chứng cho sự đáp ứng mạnh mẽ nhu cầu của phân khúc KH này. BVBank giai đoạn tiếp theo, sẽ tập trung cải thiện sản phẩm theo hướng cá thể hóa từng nhu cầu, số hóa dịch vụ nhằm phục vụ tối ưu, hiệu quả chi phí và kịp thời, tăng trải nghiệm người dùng và chất lượng dịch vụ.

Khách hàng doanh nghiệp: BVBank định hướng phát triển và triển khai đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính toàn diện cho khách hàng, đặc biệt đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp,

thông qua việc cung cấp các giải pháp tích hợp bao gồm tài khoản, quản lý dòng tiền, tín dụng, thanh toán, tài trợ thương mại và ngân hàng số (DigiBiz); đồng thời tiếp tục rà soát, cải tiến các sản phẩm, dịch vụ hiện có nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; nâng cao chất lượng dịch vụ, triển khai chính sách ưu đãi phù hợp đối với các nhóm khách hàng trọng tâm (khách hàng thường xuyên, khách hàng truyền thống, khách hàng có số dư tiền gửi lớn), mở rộng mạng lưới hoạt động gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số, hướng tới mục tiêu xây dựng BVBank trở thành ngân hàng bán lẻ – SME hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả và lấy khách hàng làm trung tâm.

Thẻ - Ngân hàng số: Triển khai tính năng Google pay & Apple pay khi KH thanh toán bằng thẻ BVBank Visa Credit & Debit.

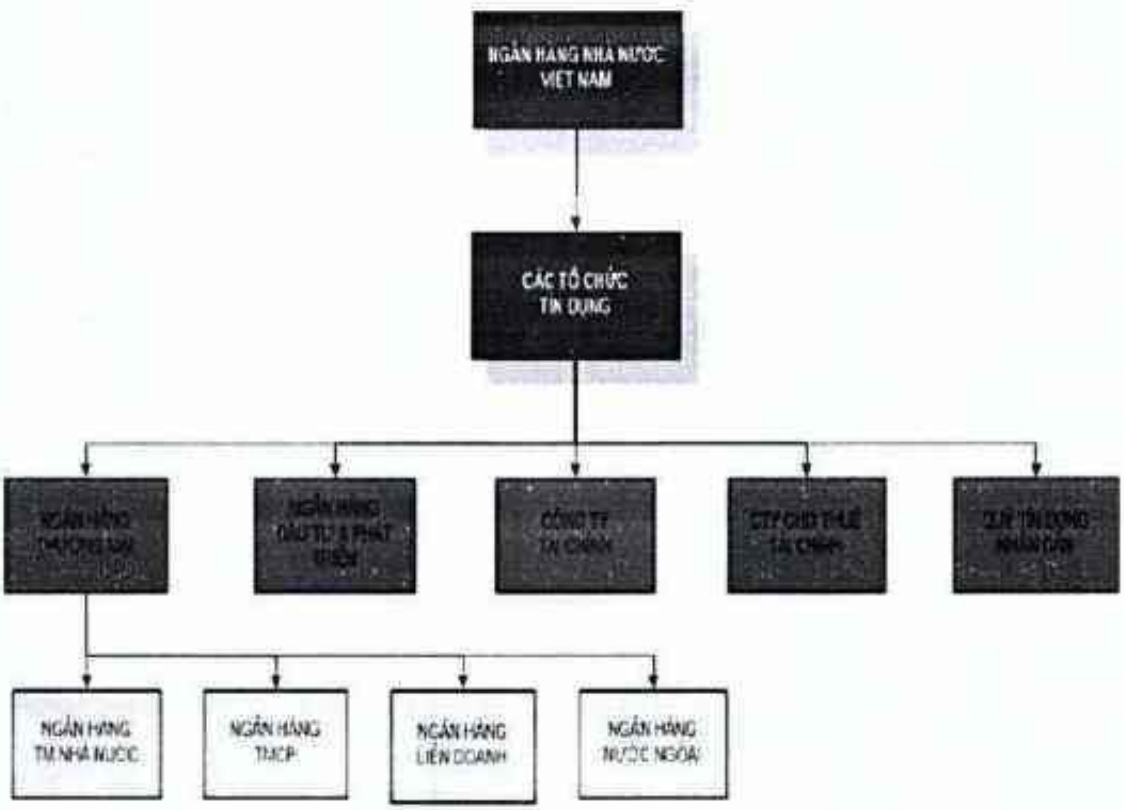
Triển khai các chương trình ưu đãi & trả góp gắn kết KH sử dụng thẻ BVBank Credit

Triển khai sản phẩm thẻ mới dành cho phân khúc KH cao cấp.

8.4.3. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

a) **Hệ thống Ngân hàng Việt Nam**

Bảng 24: Sơ đồ tổ chức của Hệ thống Ngân hàng Việt Nam



Nguồn: BVBank

Sau một thời gian chính thức trở thành thành viên WTO hệ thống Ngân hàng cũng ngày càng phát triển cả về quy mô, chất lượng hoạt động, làm tăng độ sâu tài chính, sức cạnh tranh trong hệ thống Ngân hàng và thị trường tài chính ngày càng đa dạng. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao cùng với làn sóng đầu tư nước ngoài lớn tạo ra cơ hội phát triển của ngành Ngân hàng.

Hệ thống Ngân hàng Việt Nam đã có nhiều đột phá về phát triển dịch vụ: Ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng đầu tư, dịch vụ thanh toán, Ngân hàng nhà, quản lý tài sản,... đã khởi đầu một giai đoạn thay đổi về chất của hoạt động Ngân hàng. Các ngân hàng đã áp dụng công nghệ vào các sản phẩm, dịch vụ một cách hiệu quả. Mảng dịch vụ của NHTM Việt Nam từng bước tiếp cận với tiêu chuẩn của dịch vụ ngân hàng quốc tế. Sức cạnh tranh của Ngân hàng được quyết định ở số lượng và chất lượng dịch vụ và vì thế có lẽ đây là bước tiến nổi bật nhất của ngành Ngân hàng.

b) Vị thế của BVBank so với các đơn vị khác trong cùng ngành

BVBank được định vị là ngân hàng thương mại cổ phần định hướng bán lẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), thuộc nhóm ngân hàng quy mô nhỏ - trung bình tại Việt Nam. Trong bối cảnh Ngân hàng đang bước vào giai đoạn cạnh tranh mạnh về năng lực số hóa, chất lượng dịch vụ và hiệu quả sử dụng vốn, BVBank tập trung xây dựng mô hình phát triển linh hoạt, hướng đến tăng trưởng bền vững thay vì cạnh tranh trực tiếp về quy mô với nhóm ngân hàng dẫn đầu thị trường.

BVBank duy trì định hướng chiến lược tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh và SME, phân khúc được đánh giá còn nhiều dư địa tăng trưởng nhờ tốc độ đô thị hóa và chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam. Với lợi thế về cơ cấu tổ chức tinh gọn và khả năng thích ứng nhanh, Ngân hàng có điều kiện triển khai các sản phẩm, chính sách kinh doanh và giải pháp số hóa phù hợp với từng phân khúc khách hàng mục tiêu.

Trải qua nhiều thăng trầm trong quá trình hình thành và phát triển, BVBank đến nay cũng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như về tốc độ tăng trưởng, về dư nợ tín dụng, vốn huy động, chỉ số lợi nhuận... Bên cạnh đó BVBank cũng có một số lợi thế nhất định so với các Ngân hàng khác trong cùng địa bàn.

- Về nguồn nhân lực: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành của BVBank là những cán bộ có năng lực và chuyên môn ngân hàng giỏi, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bên cạnh đó, đội ngũ CBCNV của BVBank trẻ, năng nổ, nhiệt tình, tận tâm, ham học hỏi, hầu hết được đào tạo chính quy về chuyên môn và nghiệp vụ.
- Hệ thống công nghệ thông tin: BVBank luôn chú trọng đầu tư triển khai hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc hỗ trợ công tác quản trị ngân hàng và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Trong thời gian tới, BVBank tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử, hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới. Hiện tại BVBank đã đưa vào sử dụng hệ thống thông tin cung cấp số liệu một cách chính xác và kịp thời đến từng cấp quản lý, phục vụ nhu cầu truy vấn số liệu trong nội bộ ngân hàng. Ngoài ra, BVBank đã triển khai hoạt động ngân hàng số Digimi cùng nhiều dự án nâng cấp hệ thống dữ liệu và

công nghệ như: Giải pháp xây dựng và nâng cấp hệ thống tính toán lợi nhuận đa chiều và lợi nhuận điều chỉnh rủi ro về vốn; Website với giao diện mới bvbank.net.vn; Hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới CRM.

- Hệ thống kiểm tra nội bộ: BVBank đã xây dựng được bộ phận kiểm tra nội bộ chuyên trách của Ngân hàng. Hệ thống kiểm tra nội bộ gồm các cán bộ có thâm niên trong ngành, kiểm tra việc thực hiện quy trình của Ngân hàng một các độc lập, khách quan nhằm hạn chế những rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- Nguồn khách hàng: Với quy chế quản lý quy trình cấp tín dụng thông thoáng và an toàn, đảm bảo hoàn tất hồ sơ trong thời gian nhanh nhất, BVBank đã thu hút được một lượng lớn khách hàng, do vậy tỷ lệ lợi nhuận từ lãi vay của BVBank cao, đảm bảo mức thu nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của BVBank đối với ngân hàng khác.

Trong quá trình phát triển BVBank vẫn đang thực hiện củng cố tổ chức hoạt động với nhiều cơ hội và thách thức từ thị trường và các quy định từ NHNN (về phân loại nợ, trích lập dự phòng ...) nhưng với định hướng bám sát chiến lược phát triển, mở rộng và đa dạng hóa cơ sở khách hàng, giảm lệ thuộc vào khách hàng lớn, chuyển dịch hệ khách hàng theo hướng tập trung vào các khách hàng nhỏ lẻ, có margin cao hơn và nỗ lực kiểm soát chi phí. Kết thúc năm tài chính 2025, hoạt động của BVBank đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, cụ thể:

- Tổng tài sản: Tại ngày 31/12/2024, tổng tài sản vượt mức 103.000 tỷ đồng, tăng 18% so với cuối năm 2023. Đến hết 31/12/2025, tổng tài sản đạt hơn 133.000 tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng với mức tăng 29% so với cuối năm 2024. Kết quả này phản ánh năng lực mở rộng hoạt động của Ngân hàng, đồng thời cho thấy hiệu quả của chiến lược khai thác đa kênh, đặc biệt là kênh số. Tính đến 30/09/2026, tổng tài sản đạt 145.222 tỷ đồng, tăng thêm 12.174 tỷ đồng, tương đương tăng 9,2% so với cuối năm 2025.
- Hoạt động huy động vốn: BVBank luôn duy trì tốc độ tăng trưởng nguồn vốn ổn định, từng bước cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng huy động trung dài hạn nhằm bảo đảm tính ổn định, an toàn thanh khoản, phù hợp với danh mục cho vay. Tính đến 31/12/2024, tổng nguồn vốn huy động đạt 95.417 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2023; trong đó, huy động thị trường 1 đạt mức 74.915 tỷ đồng, tăng 12% so với năm trước. Đến 31/12/2025, tổng nguồn vốn huy động đạt 123.253 tỷ đồng, tăng 29%, trong đó, huy động thị trường 1 đạt 98.107 tỷ đồng, tăng 31% so với đầu năm, là mức tăng cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Đến 30/09/2026, tổng nguồn vốn huy động đạt 133.976 tỷ đồng, tăng 8,7% so với cuối năm 2025.
- Hoạt động tín dụng: Phát triển theo phân khúc chiến lược, tập trung hướng đến tệp khách hàng cá nhân, SME và MSME theo định hướng bán lẻ hóa hoạt động doanh nghiệp; xây dựng giải pháp tín dụng theo ngành nghề, bám sát đặc thù dòng tiền và chu kỳ kinh doanh, qua đó mở rộng nền tảng khách hàng và nâng cao hiệu quả sinh lời. Việc mở rộng tín dụng được thực hiện theo hướng linh hoạt, có chọn lọc, nhằm đảm bảo tăng trưởng đi đôi với kiểm soát chất lượng tài sản. Dư nợ cho vay thị trường 1 năm 2024 đạt 68.142 tỷ đồng, tăng 18%

so với năm 2023 và đến 31/12/2025, dư nợ cho vay thị trường 1 đạt 78.240 tỷ đồng, tăng 15% so với cuối năm 2024. Đến 30/09/2026, dư nợ cho vay thị trường 1 đạt 85.540 tỷ đồng, tăng 9,3% so với cuối năm 2025. Bên cạnh đó, BVBank luôn trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định.

- Lợi nhuận trước thuế: Năm 2024, lợi nhuận trước thuế đạt gần 391 tỷ đồng, gấp 5,5 lần so với năm 2023. Kết thúc năm 2025, lợi nhuận trước thuế đạt gần 522 tỷ đồng, tăng 34% so với năm trước với động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ tổng thu nhập thuần, ghi nhận hơn 2.900 tỷ đồng, tăng 17%; trong đó, thu nhập lãi thuần tiếp tục là hoạt động cốt lõi, chiếm tới 92% tỷ trọng thu nhập thuần, phản ánh sự ổn định và bền vững của mô hình kinh doanh truyền thống, đồng thời tạo nền tảng cho chiến lược tăng trưởng bền vững trong các giai đoạn tiếp theo. Đến 30/09/2026, lợi nhuận trước thuế đạt 825 tỷ đồng, tương đương tăng 89% so với cùng kỳ.
- Trong các giai đoạn hoạt động, BVBank luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của NHNN, các chỉ số an toàn hoạt động của BVBank luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn xoay quanh mức 9% - 13%, cao hơn so với mức yêu cầu tối thiểu 8%.
- Trong giai đoạn sắp tới, BVBank tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở tăng trưởng bền vững, tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kiện toàn bộ máy hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, gia tăng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ngân hàng, mở rộng thêm mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần của Ngân hàng.

➢ Một số giải thưởng Ngân hàng được vinh danh từ các tổ chức trong và ngoài nước:

- ✓ Ngân hàng chuyển đổi số tốt nhất (do Global Banking & Finance Review bình chọn);
- ✓ Ngân hàng có giải pháp ngân hàng di động thân thiện với người dùng nhất (do tạp chí The Global Economics trao tặng);
- ✓ Ngân hàng có sáng kiến về giải pháp thanh toán và ngân hàng di động của năm tại Việt Nam (do Asia Banking & Finance – Retail Banking Awards trao tặng);
- ✓ Ngân hàng số sáng tạo nhất (do Global Business Outlook trao tặng);
- ✓ Ngân hàng có ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất (do tạp chí FinanceAsia Country Awards bình chọn);
- ✓ Trong năm 2025, BVBank vinh dự được đón nhận:
  - JCB Việt Nam trao tặng 4 giải thưởng lớn về thẻ bao gồm: Ngân hàng dẫn đầu về Tốc độ tăng trưởng Doanh số giao dịch thẻ 2024, Ngân hàng dẫn đầu về Tổng doanh số giao dịch thẻ 2024, Ngân hàng dẫn đầu về Tỷ lệ kích hoạt thẻ tín dụng 2024, Ngân hàng dẫn đầu về Tăng trưởng Thẻ tích lũy kích hoạt 2024.
  - Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (Napas) cũng ghi nhận những nỗ

lực của BVBank trong việc triển khai các giải pháp thanh toán có tính đột phá: Ngân hàng năng động trong việc hợp tác, triển khai các dự án với NAPAS; Ngân hàng dẫn đầu trong việc triển khai dự án mang tính đổi mới.

- BVBank được tổ chức thẻ quốc tế Visa vinh danh giải thưởng "Outstanding Payment Volume Growth – Tăng trưởng Doanh số Thanh toán Xuất sắc năm 2025.

✓ Đầu 2026, BVBank vinh dự được đón nhận thêm:

- JCB Việt Nam trao tặng 7 giải thưởng lớn về thẻ bao gồm: Ngân hàng dẫn đầu phát hành thẻ tín dụng 2025, gân hàng dẫn đầu hiệu quả thẻ đồng thương hiệu 2025, Ngân hàng có tỷ lệ kích hoạt thẻ xuất sắc 2025, Ngân hàng có tăng trưởng thẻ kích hoạt xuất sắc 2025, Ngân hàng có tăng trưởng chi tiêu thẻ xuất sắc 2025, Ngân hàng dẫn đầu chi tiêu quốc tế 2025, Ngân hàng dẫn đầu chi tiêu thẻ 2025.
- BVBank đạt giải "Sáng tạo số" tại Hội thi Chuyển đổi số ngành Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức.

➢ Một số dự án tiêu biểu:

✓ Ngân hàng Bản Việt là một trong những ngân hàng đầu tiên hoàn thành sớm cả 3 trụ cột của Basel II.

✓ Triển khai thành công dự án "Mô hình phân tích lợi nhuận đa chiều".

✓ Dự án "xây dựng hệ thống báo cáo quản trị - Mis" phục vụ quản lý kinh doanh và tài chính.

✓ Dự án "Lợi nhuận điều chỉnh rủi ro trên vốn RAROC".

✓ Ngân hàng Bản Việt tiên phong áp dụng eKYC toàn diện (trên ứng dụng di động và tại quầy).

✓ Dự án Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS9.

✓ Dự án xây dựng hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng CRM.

✓ Triển khai thành công DigiStore, DigiEdu và DigiHotel, góp phần mở rộng hệ sinh thái thanh toán số của BVBank.

Bên cạnh các yếu tố tăng trưởng, BVBank vẫn đối mặt với một số thách thức đặc thù của nhóm ngân hàng quy mô trung bình như áp lực tăng vốn để đáp ứng yêu cầu an toàn vốn theo chuẩn Basel, chi phí huy động vốn tương đối cao và mức độ cạnh tranh gay gắt từ các ngân hàng thương mại có lợi thế về quy mô, tiền gửi không kỳ hạn và hệ sinh thái khách hàng. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Ngân hàng đánh giá việc tập trung vào các phân khúc mục tiêu, thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro là nền tảng để BVBank tiếp tục cải thiện vị thế cạnh tranh và phát triển bền vững trong trung và dài hạn.

Bảng 25: Thị phần của BVBank so với toàn ngành tại thời điểm 31/12/2025

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu hợp nhất	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tổng huy động
BVBank	133.048	78.240	123.253
Thị phần BVBank so với toàn ngành	0,54%	0,47%	0,8%

Nguồn: BVBank tổng hợp, số liệu được tính toán dựa trên BCTC hợp nhất năm 2025 của 27 ngân hàng niêm yết

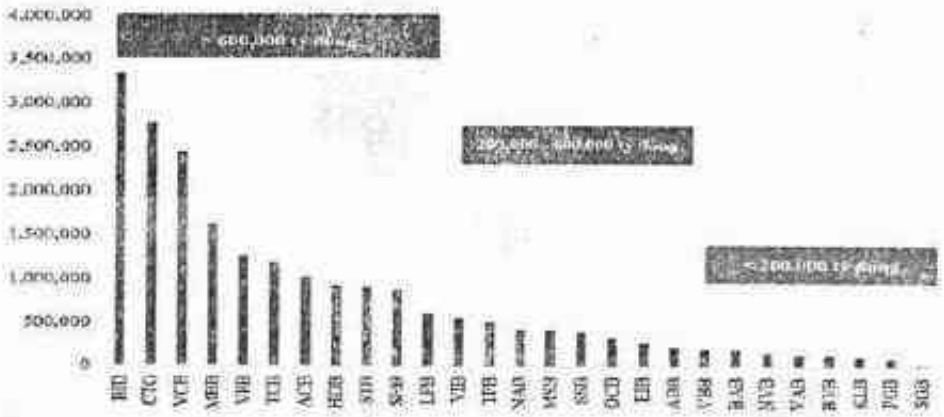
Xét về mặt quy mô:

Tính đến 31/12/2025, tổng tài sản hợp nhất của BVBank đạt xấp xỉ 133.047,7 tỷ đồng, đứng thứ 5 trong số 8 ngân hàng có quy mô tổng tài sản dưới 200.000 tỷ đồng ("Nhóm ngân hàng quy mô nhỏ). Vốn chủ sở hữu của BVBank đạt 7.460 tỷ đồng, đứng thứ 5 trong Nhóm ngân hàng quy mô nhỏ.

Xét về hiệu quả hoạt động:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của BVBank năm 2025 đạt xấp xỉ 416,7 tỷ đồng, đứng thứ 6 trong Nhóm ngân hàng quy mô nhỏ. Thu nhập lãi cận biên (NIM) của BVBank đứng đứng thứ 4 trong Nhóm ngân hàng quy mô nhỏ, ở mức 2,42%. Trong khi đó, tỷ lệ nợ xấu (NPL) tại 31/12/2025 đạt 2,17%, đứng thứ 6 trong Nhóm ngân hàng quy mô nhỏ có tỷ lệ NPL thấp nhất.

Tổng tài sản của 27 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên Upcom



Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 của các Ngân hàng

Lưu ý: Tên của các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch của các ngân hàng đó.

Bảng 26: Vị thế của BVBank trong nhóm các ngân hàng có quy mô nhỏ tại thời điểm 31/12/2025

Đvt: tỷ đồng

STT	Ngân hàng	Tổng tài sản 2025	Vốn chủ sở hữu 2025	LNST 2025	NIM 2025	NPL 2025	CAR 2025
1	VBB	196.771	12.432	1.210	1,91%	1,76%	13,42%
2	BAB	195.820	13.309	1.120	2,28%	0,83%	10,10%
3	NVB	163.615	13.593	78	1,78%	8,63%	N/A
4	VAB	140.486	10.155	1.320	2,83%	1,31%	9,37%
5	BVB	133.048	7.460	417	2,42%	2,17%	13,27%
6	KLB	103.303	8.417	1.856	4,17%	1,57%	14,38%
7	PGB	88.840	6.545	581	2,47%	2,36%	10,60%
8	SGB	31.183	4.194	122	2,21%	1,71%	15,55%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 của các ngân hàng, BVBank tổng hợp

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Thông tin về một số dự án đã và đang được BVBank triển khai từ năm 2024, năm 2025 và đến thời điểm hiện tại để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

Bảng 27: Thông tin về các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đã và đang triển khai

Dưới đây là các dự án đã và đang triển khai từ năm 2024 đến hiện tại:

STT	Tên Dự án	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của BVBank
1	Chấp nhận thanh toán với tổ chức thẻ MasterCard	Dự án đã hoàn thành và chính thức mở rộng triển khai trên mạng lưới chấp nhận thanh toán từ tháng 10/2026.	Dự án góp phần mở rộng năng lực chấp nhận thanh toán thẻ quốc tế của BVBank, đặc biệt đối với hệ sinh thái MasterCard: đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ thanh toán và mở rộng mạng lưới đơn vị chấp nhận thanh toán. Qua đó, BVBank có điều kiện gia tăng doanh số thanh toán không dùng tiền mặt, nâng cao năng lực cạnh tranh trong hoạt động acquiring, đồng thời tạo nền tảng mở rộng hợp tác với các trung gian thanh toán, đơn vị chấp nhận thanh toán, đối tác thương mại điện tử và các nhóm khách hàng có nhu cầu giao dịch quốc tế.

STT	Tên Dự án	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của BVBank
2	Cổng thanh toán quốc tế	Dự án đã hoàn thành và chính thức mở rộng triển khai trên mạng lưới chấp nhận thanh toán từ tháng 10/2026 thông qua các ngân hàng thanh toán.	Dự án bổ sung năng lực cung cấp dịch vụ cổng thanh toán quốc tế của BVBank, phục vụ khách hàng doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các đơn vị kinh doanh trực tuyến. Việc triển khai góp phần mở rộng hệ sinh thái thanh toán số và thương mại điện tử, nâng cao tiện ích cho khách hàng, đồng thời tạo điều kiện mở rộng tệp khách hàng có nhu cầu thanh toán trực tuyến và xuyên biên giới. Qua đó, Dự án góp phần gia tăng nguồn thu phí dịch vụ và củng cố năng lực cạnh tranh của BVBank trong lĩnh vực thanh toán số.
3	Hệ sinh thái giải pháp số DigiStore, DigiEdu, DigiHotel và DigiCare	DigiStore đã được triển khai và đưa vào vận hành chính thức từ tháng 01/2025 và hiện đang được nâng cấp lên DigiStore 2.0, hướng tới cung cấp giải pháp quản lý kinh doanh và thanh toán toàn diện hơn cho hộ kinh doanh và nhà bán hàng. DigiStore 2.0 tập trung tích hợp các tiện ích thiết yếu phục vụ hoạt động kinh doanh hằng ngày, từ quản lý bán hàng, thanh toán, theo dõi dòng tiền đến hỗ trợ thông tin phục vụ nghĩa vụ thuế. Trên nền tảng đó, BVBank tiếp tục phát triển các giải pháp chuyên biệt theo từng lĩnh vực, gồm DigiEdu cho giáo dục, DigiHotel cho	Hệ sinh thái DigiStore, DigiEdu, DigiHotel và DigiCare giúp BVBank mở rộng các giải pháp số theo từng ngành, kết hợp giữa quản lý hoạt động, thanh toán và các dịch vụ tài chính. Việc triển khai các giải pháp chuyên biệt cho lĩnh vực bán lẻ, giáo dục, lưu trú và y tế tạo điều kiện để BVBank mở rộng tệp khách hàng, gia tăng mức độ gắn kết và hiện diện trong các giao dịch hằng ngày của khách hàng. Đồng thời, hệ sinh thái này tạo nền tảng thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, gia tăng CASA và doanh thu phí dịch vụ, đồng thời mở rộng cơ hội cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp với từng nhóm khách hàng.

STT	Tên Dự án	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của BVBank
		lưu trú và DigiCare cho y tế. Trong đó, DigiCare đang được triển khai nhằm số hóa quy trình khám, chữa bệnh và tích hợp các tiện ích thanh toán trong lĩnh vực y tế.	
4	Giải pháp thanh toán xuyên biên giới (Cross-border Payment Solution)	BVBank đã hoàn thành triển khai dịch vụ thanh toán xuyên biên giới qua QR kết nối NAPAS tại một số thị trường như Lào, Thái Lan, Campuchia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore...và đang thúc đẩy phát triển kinh doanh. Hiện BVBank đang tiếp tục mở rộng năng lực thanh toán xuyên biên giới thông qua hợp tác với Visa và triển khai giải pháp Cross-border Payment Solution.	Dự án góp phần mở rộng hệ sinh thái thanh toán quốc tế của BVBank, gia tăng phạm vi cung cấp dịch vụ và khả năng đáp ứng nhu cầu giao dịch xuyên biên giới của khách hàng. Qua đó, BVBank có điều kiện mở rộng tệp khách hàng, thúc đẩy doanh số thanh toán, đa dạng hóa nguồn thu phí dịch vụ, nguồn thu từ ngoại tệ và nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực thanh toán quốc tế.
5	Giải pháp cho vay và tín dụng số	Dự án đã được triển khai và đưa vào vận hành chính thức từ tháng 05/2026. BVBank tiếp tục hoàn thiện quy trình, mô hình phê duyệt và kiểm soát rủi ro, đồng thời mở rộng kênh	Dự án góp phần số hóa toàn diện quy trình cấp tín dụng, từ tiếp nhận nhu cầu, thu thập và đánh giá thông tin, phê duyệt, giải ngân đến quản lý khoản vay. Việc mở rộng hợp tác với các nền tảng và đối tác số như Timo, Tala và NPV tạo điều kiện để

STT	Tên Dự án	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của BVBank
		phân phối tín dụng trên các nền tảng và hệ sinh thái đối tác số. Hiện BVBank đang triển khai sản phẩm cho vay tín dụng tiêu dùng trên nền tảng Timo, đang mở rộng hợp tác thêm với Tala nhằm phát triển kênh tiếp cận và cung cấp sản phẩm tín dụng trên nền tảng số; đồng thời triển khai GoTest thí điểm phát hành thẻ tín dụng nội địa BVBank NAPAS PayLater – AFTEE PayLater với đối tác NPV trong giai đoạn 10/2026 – 04/2027.	BVBank đa dạng hóa kênh phân phối, mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng và phát triển các sản phẩm tín dụng phù hợp với nhu cầu trên môi trường số. Đồng thời, Dự án tạo nền tảng để BVBank tăng cường ứng dụng dữ liệu trong hoạt động tín dụng, nâng cao hiệu quả vận hành và kiểm soát rủi ro, qua đó hỗ trợ mở rộng hoạt động tín dụng số theo hướng hiệu quả và bền vững.
6	Triển khai công nghệ thanh toán không tiếp xúc Google Pay & Apple Pay	Dự án đã hoàn thành giai đoạn triển khai các hạng mục kỹ thuật, chứng nhận, kiểm thử và phối hợp với các đối tác liên quan và chính thức triển khai đến Khách hàng từ tháng 06/2026 đối với dịch vụ Google Pay và từ tháng 10/2026 đối với dịch vụ Apple Pay.	Việc triển khai Google Pay và Apple Pay giúp BVBank bổ sung phương thức thanh toán hiện đại, an toàn và thuận tiện cho khách hàng sử dụng thẻ. Dự án góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng, thúc đẩy tần suất sử dụng thẻ, gia tăng doanh số giao dịch thanh toán và cải thiện mức độ gắn bó của khách hàng với sản phẩm thẻ của Ngân hàng. Đồng thời, dự án cũng có ý nghĩa tích cực về mặt hình ảnh thương hiệu, thể hiện định hướng hiện đại hóa dịch vụ ngân hàng số, bắt kịp xu hướng thanh toán không tiếp xúc và nâng cao năng lực cạnh tranh của BVBank trên thị trường.
7	Giải pháp Tài	Dịch vụ đã được triển khai	Dự án giúp BVBank tiếp cận sâu hơn

STT	Tên Dự án	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của BVBank
	khoản Hộ kinh doanh	trên ứng dụng Digimi từ ngày 09/05/2026. Theo đó, hộ kinh doanh có thể mở tài khoản phục vụ hoạt động kinh doanh trên kênh số mà không cần đến quầy giao dịch, phù hợp với định hướng số hóa dịch vụ và tuân thủ quy định hiện hành.	phân khúc hộ kinh doanh, một nhóm khách hàng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế và có nhu cầu ngày càng cao về thanh toán, quản lý dòng tiền và tiếp cận vốn. Việc cung cấp tài khoản chuyên biệt cho hộ kinh doanh không chỉ tạo thêm công cụ thanh toán thuận tiện, mà còn là nền tảng để Ngân hàng phát triển hệ sinh thái giải pháp tài chính toàn diện, bao gồm quản lý giao dịch, thu hộ, chi hộ, QR, DigiStore, cho vay hộ kinh doanh và các dịch vụ bảo vệ tài sản. Dự án góp phần mở rộng tệp khách hàng, tăng CASA, gia tăng giao dịch trên kênh số và hỗ trợ BVBank nâng cao năng lực phục vụ nhóm khách hàng kinh doanh cá thể.
8	Dự án CRM (Quản lý khách hàng)	-Dự án bắt đầu triển khai từ năm 2025 - Tháng 04/2026: Ra mắt, đào tạo và triển khai mẫu dự án trên ĐVKD chọn lọc - Tháng 06 - 07/2026: Hoàn thiện dữ liệu và triển khai toàn hàng	Chuẩn hóa và tập trung hóa quy trình quản lý thông tin khách hàng toàn hàng, giúp lực lượng bán hàng (Front-office) thấu hiểu 360 độ chân dung khách hàng. Tăng năng suất lao động, tối ưu hiệu quả phễu chuyển đổi chiến dịch bán hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng sau bán.
9	Dự án Customer Data Flatform	Dự án được triển khai từ tháng 10/2024 và đã đưa vào vận hành chính thức từ tháng 5/2025	Hợp nhất dữ liệu khách hàng từ mọi điểm chạm (Digital và Vật lý) nhằm xây dựng nền tảng tiếp thị tự động hóa (Marketing Automation) dựa trên hành vi thời gian thực. Giảm chi phí vận hành chiến dịch Marketing, gia tăng tỷ lệ kích hoạt (Activation rate) và thúc đẩy tính gắn kết của khách hàng trên kênh số.

STT	Tên Dự án	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của BVBank
10	Dự án nâng cấp Core Banking	Dự án chính thức được triển khai từ 01/06/2026 và dự kiến sẽ hoàn thành vào quý II/2027	Xây dựng nền tảng công nghệ vững chắc: Thiết lập trục xương sống công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật, làm bệ đỡ vững chắc cho toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ và vận hành kinh doanh của ngân hàng. Tăng tốc độ cạnh tranh và trải nghiệm số: Rút ngắn tối đa thời gian đóng gói và đưa sản phẩm, dịch vụ mới ra thị trường (Time-to-market); tối ưu hóa hành trình trải nghiệm của khách hàng. Đảm bảo năng lực mở rộng dài hạn: Sẵn sàng kiến trúc hệ thống mở (Open API), nâng cao năng lực xử lý giao dịch (TPS) vượt trội để đáp ứng linh hoạt định hướng tăng trưởng quy mô kinh doanh và mở rộng hệ sinh thái đối tác trong vòng 5–10 năm tới. Tối ưu hóa hiệu năng vận hành: Giảm thiểu chi phí vận hành hệ thống, tự động hóa các quy trình xử lý nội bộ và tối ưu hóa hiệu suất khai thác tài nguyên CNTT toàn hàng.

Nguồn: BVBank

8.6. Chiến lược kinh doanh

Trong năm 2026 này, BVBank tiếp tục thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại.

Các sản phẩm huy động, tín dụng sẽ tiếp tục phát triển theo định hướng phân khúc khách hàng nhỏ lẻ, doanh nghiệp SMEs, tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ kênh ngân hàng điện tử với chiến lược chi tiết như sau:

- Phát triển mạng lưới: tiếp tục đầu tư, thực hiện mở rộng mạng lưới và phát triển thương hiệu. Trong đó, sẽ mở rộng mạng lưới kinh doanh theo hướng thận trọng và cân đối, ưu tiên việc mở các chi nhánh mới và chỉ mở các phòng giao dịch tại các địa bàn thật cần thiết.

- Khách hàng cá nhân

  ✓ Đặt khách hàng là trọng tâm, phát triển khách hàng tại kênh truyền thống đồng thời tăng cường phát triển hệ khách hàng mới qua các kênh đối tác Fintech, Momo, ...;

  ✓ Huy động vốn tập trung đến trải nghiệm khách hàng lên trên hết. Từ đó, ưu tiên các sản phẩm dịch vụ, tính năng trên thiết bị di động.

  ✓ Cơ cấu kỳ hạn để cải thiện nguồn vốn giá rẻ.

  ✓ Mở rộng hợp tác, thúc đẩy bán các sản phẩm tín dụng trên nền tảng số với các đối tác trên cơ sở hệ thống các bộ chấm điểm tín dụng mới.

  ✓ Mở rộng hợp tác với các đối tác để phát triển các dịch vụ thanh toán.

- Khách hàng doanh nghiệp:

  ✓ Ngân hàng tiếp tục triển khai chiến lược phát triển khách hàng doanh nghiệp theo định hướng lấy dòng tiền làm trọng tâm, ưu tiên cấp tín dụng đối với các khách hàng có hoạt động sản xuất – kinh doanh hiệu quả, dòng tiền ổn định và minh bạch. Trên cơ sở các kết quả đã đạt được trong thời gian qua, đặc biệt trong lĩnh vực tài trợ các dự án đầu tư công, cùng với định hướng của Chính phủ về thúc đẩy đầu tư công, Ngân hàng dự kiến đẩy mạnh hoạt động này trong năm 2026 nhằm gia tăng quy mô tín dụng gắn với dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

  ✓ Đồng thời, hoạt động tài trợ thương mại và phát triển khách hàng Xuất nhập khẩu tiếp tục được mở rộng trên cơ sở tăng cường hợp tác với các định chế tài chính quốc tế, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng CASA theo hướng bền vững, đồng thời gia tăng tính liên kết giữa hoạt động tín dụng, thanh toán và các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng.

  Trọng tâm bao gồm:

  - Định hướng cấp tín dụng có chọn lọc, tập trung vào các doanh nghiệp có dòng tiền tốt, khả năng quay vòng vốn cao, đặc biệt là khách hàng Xuất nhập khẩu, doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng và các dự án đầu tư công, nhằm gia tăng quy mô dư nợ gắn với dòng tiền thực, đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác CASA thông qua các dịch vụ thanh toán, quản lý dòng tiền và tài trợ thương mại.
  - Tái phân đoạn và mở rộng tệp khách hàng mục tiêu, trong đó chú trọng phân khúc SME, doanh nghiệp Xuất nhập khẩu và các đơn vị tham gia dự án đầu tư công, xây dựng các gói sản phẩm tín dụng – dịch vụ tích hợp (cho vay, bảo lãnh, LC, thanh toán trong nước và quốc tế...) phù hợp với từng địa phương, từng ngành nghề và đặc thù dòng tiền của khách hàng.
  - Đa dạng hóa sản phẩm và thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng Mobile Banking, Internet Banking và các giải pháp trên nền tảng Open Banking trong quản lý dòng tiền, thanh toán và tài trợ thương mại; qua đó số hóa hành trình khách hàng,

nâng cao trải nghiệm, tăng tần suất giao dịch, đồng thời tối ưu quy trình nội bộ và nâng cao hiệu quả vận hành.

- Ngân hàng số: BVBank định hướng lấy ngân hàng số làm động lực tăng trưởng chính, từng bước chuyển dịch nguồn thu từ kênh truyền thống sang kênh số, tập trung nâng cao tỷ trọng thu nhập lãi ngoài (NFI)
  - ✓ Phát triển mạnh các dịch vụ thu – chi hộ và ngân hàng giao dịch số, mở rộng hợp tác với Fintech, doanh nghiệp thương mại – dịch vụ để gia tăng quy mô giao dịch, doanh thu phí và khai thác dữ liệu dòng tiền.
  - ✓ Đẩy mạnh mảng thanh toán số (eCommerce, POS, QR) cho khách hàng cá nhân, SMEs và hộ kinh doanh; gia tăng thu nhập từ phí MDR, phí dịch vụ giá trị gia tăng và kết hợp cung cấp các sản phẩm tài trợ dựa trên doanh thu thanh toán.
  - ✓ Phát triển tín dụng số thông qua hợp tác Fintech, triển khai mô hình mua trước trả sau BNPL trên nền tảng số, ứng dụng chấm điểm tín dụng thay thế nhằm mở rộng tệp khách hàng, tăng thu nhập lãi và phí trả góp.
  - ✓ Lấy khách hàng số làm trung tâm, ưu tiên phát triển các sản phẩm huy động, thanh toán và tín dụng trên Mobile/Internet Banking, gia tăng CASA và tần suất sử dụng dịch vụ.
  - ✓ Đẩy mạnh số hóa phân khúc SMEs và khách hàng siêu nhỏ, cung cấp trọn bộ giải pháp ngân hàng số gồm mở tài khoản trực tuyến, thu – chi hộ, quản trị dòng tiền và tín dụng linh hoạt dựa trên dữ liệu giao dịch thực tế.
  - ✓ Xây dựng hệ sinh thái ngân hàng số và Open Banking, tích hợp sâu với các nền tảng đối tác nhằm mở rộng thị trường, gia tăng tỷ trọng thu nhập từ kênh số và cải thiện hiệu quả sinh lời bền vững.

Bảng 28: Các chỉ tiêu kinh doanh chính trong năm 2026

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Thực hiện Năm 2025	% Tăng trưởng thực hiện 2025/2024	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ tăng trưởng
Tổng tài sản	103.536	133.048	28,50%	155.000	16%
Huy động khách hàng	74.915	98.107	30,96%	111.686	14%
Dư nợ cấp tín dụng	67.190	78.240	14,82%	92.552	18%
Lợi nhuận trước thuế	391	522	33,62%	700	34%
Tỷ lệ nợ xấu	2.59%	2,13%	n/a	<3%	-
Phát triển mạng lưới	126	126	-	136	8%

Nguồn: BVBank

Nguồn vốn và nguồn lực của BVBank đều được triển khai đồng bộ nhằm tăng cường tối đa trên cả 2 khía cạnh như sau:

- **Đối với nguồn vốn**: với mục tiêu nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn hoạt động và tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững, trong năm 2025 Ngân hàng đã thực hiện thành công 02 đợt tăng vốn theo hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng và tăng vốn theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), theo đó nâng vốn điều lệ Ngân hàng từ 5.518 tỷ đồng lên 6.408,2 tỷ đồng.
- **Đối với nguồn lực nhân sự**: BVBank xây dựng chiến lược nhân sự và hoàn thiện mô hình tổ chức nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực cả về số lượng và chất lượng để thực hiện chiến lược và mục tiêu kinh doanh của BVBank, đảm bảo hiệu quả hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như thông lệ quốc tế. Số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2025 là 2.888 nhân viên, tăng tương ứng 1,4% so với cùng kỳ năm 2024 (2.849 nhân viên).

9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên

Không có.

10. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

10.1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị

Bảng 29: Danh sách thành viên HĐQT

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Lê Anh Tài	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lý Hoài Văn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Nhất Nam	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT
6	Ông Phạm Thanh Sơn	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Lê Minh Huấn	Thành viên HĐQT độc lập

10.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Lê Anh Tài

Họ và tên:	**LÊ ANH TÀI**
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	1972

Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM.
Kinh nghiệm công tác:	
• 1991 – 04/1995	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.
• 04/1995 – 10/1996	Nhân viên kế toán, kế toán trưởng Công ty Lê Nhân.
• 11/1996 – 03/2001	Chuyên viên tín dụng, tổ trưởng tổ tiếp thị kiêm Tổ trưởng tổ định giá tài sản Ngân hàng TMCP Tân Việt.
• 04/2001 – 06/2002	Chuyên viên Phòng KSNB Hội sở chính Ngân hàng TMCP Á Châu.
• 07/2002 – 05/2003	Chuyên viên Phòng tín dụng doanh nghiệp Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – CN TP.HCM.
• 06/2003 – 02/2007	Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Hội sở, Giám đốc CN Tân Bình, Bến Thành và Tân Định Ngân hàng TMCP Nam Á.
• 03/2007 – 04/2010	Giám đốc Khối kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (Thái Bình Dương).
• 05/2010 – 10/2011	Phó Ban Tái cơ cấu Ban Tái cơ cấu Ngân hàng TMCP Việt Hoa.
• 05/2012 – 08/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long.
• 08/2012 – 04/2013	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 05/2013 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ:	17.785.719 cổ phần, chiếm 2,78% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Sở hữu cá nhân:	17.785.719 cổ phần, chiếm 2,78% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Đại diện sở hữu	Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Bà Huỳnh Thanh Phương (Vợ) nắm giữ 253 cổ phần, chiếm 0,000039% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Anh Tài	Chủ tịch HĐQT	Tiền gửi/Tiết kiệm	225	2024		Số dư tại 31/12/2024
			215	2025		Số dư tại 31/12/2025
			250	2026		Số dư tại 30/06/2026
			127	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản thù lao và lợi ích khác của ông Lê Anh Tài được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCD và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	2.403	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2025	3.224	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	3.374	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là

người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

10.1.2. Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Ông Lý Hoài Văn

Họ và tên:	**LÝ HOÀI VĂN**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	1979
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kinh tế - Trường đại học Kinh tế TP.HCM
Kinh nghiệm công tác:	
• 09/2001 - 08/2005:	Nhân viên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
• 09/2005 - 04/2008:	Giám đốc Kinh doanh Tiền tệ Ngân hàng Citibank Việt Nam – TP.HCM
• 02/2008 - 08/2010:	Giám đốc khối Tiền tệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
• 09/2010 - 10/2017:	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
• 11/2017 - 05/2022:	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông – Hội sở, TP.HCM
• 05/2022 - 04/2025:	Đầu tư tự do
• 05/2025 - 09/2025:	Chuyên gia cao cấp – Thành viên Ủy ban Chiến lược và đổi mới Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 10/2025 – 12/2025:	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 12/2025 – nay:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Đại diện sở hữu:	Không có
Sở hữu của người có liên quan:	Không có.
Lợi ích liên quan đối với	

BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lý Hoài Văn	Tổng Giám đốc	Tiền gửi/ Tiết kiệm	0	2024		Số dư tại 31/12/2024
			563	2025		Số dư tại 31/12/2025
			564	2026		Số dư tại 30/06/2026
			64	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản tiền lương và lợi ích khác của ông Lý Hoài Văn được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Tiền lương và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	Không có	Không có	Không có
2025	1.304	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	4.980	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

10.1.3. Thành viên HĐQT – Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Họ và tên:	**NGUYỄN THỊ THU HÀ**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	1968
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kinh tế - Trường đại học Ngân hàng TP.HCM
Kinh nghiệm công tác:	
• 10/1992 – 12/2001	Chuyên viên Phòng Thanh tra Ngân hàng nhà nước Việt nam, chi nhánh TP.HCM
• 12/2001 – 03/2003	Thanh tra viên Phòng Thanh tra Ngân hàng nhà nước Việt nam, chi nhánh TP.HCM
• 04/2003 – 12/2007	Phó chánh Thanh tra Ngân hàng nhà nước Việt nam, chi nhánh TP.HCM
• 01/2008 - 04/2008	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 05/2008 - 9/2022	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 04/2016 - 04/2017	Thành viên chuyên trách Ủy ban nhân sự Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 10/2022 - 12/2025	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Sở hữu của người có liên quan:	Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 12.683.645 cổ phần, chiếm 1,98% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

- Sở hữu cá nhân: 12.683.645 cổ phần, chiếm 1,98% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Đại diện sở hữu: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT

và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	302	2024		Số dư tại 31/12/2024
			289	2025		Số dư tại 31/12/2025
			286	2026		Số dư tại 30/06/2026
			113	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản tiền lương, thù lao và lợi ích khác của bà Nguyễn Thị Thu Hà được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	895	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2025	752	Mua 800.000 cổ phiếu	Không có
09 tháng đầu năm 2026	680	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

10.1.4. Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Nhất Nam

Họ và tên: **NGUYỄN NHẤT NAM.**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh:	26/09/1981.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân công nghệ thông tin, Cử nhân kinh tế.
Kinh nghiệm công tác:	
• 09/1999 – 09/2011	Sinh viên Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM, chuyên ngành Công nghệ thông tin.
• 09/2001 – 09/2005	Sinh viên Trường Đại Học Kinh Tế TPHCM, chuyên ngành Quản trị kinh doanh (Thương mại).
• 09/2005 – 12/2006	Nhân viên Cty Bia Rượu NGK Sài Gòn - CN Cà Mau.
• 12/2006 – 09/2009	Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.
• 09/2009 – 07/2010	Tổ trưởng tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.
• 07/2010 – 10/2011	Quản lý điều hành Quỹ tiết kiệm Lũ Gia - CN Thống Nhất – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.
• 11/2011 – 12/2011	Phó phòng phụ trách tín dụng - Ngân hàng TMCP Gia Định.
• 12/2011 – 05/2012	Giám đốc Quản lý điều hành Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 05/2012 – 07/2015	Giám đốc Khối phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 07/2015 – 06/2020	Giám đốc Khối thẩm định tín dụng Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 06/2020 – nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có.
Sở hữu cổ phần nắm giữ:	6.191.008 cổ phần, chiếm 0,97% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Sở hữu cá nhân:	6.191.008 cổ phần, chiếm 0,97% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Bà Trần Thị Đăng Ngọc (Vợ) nắm giữ 6.512.913 cổ phần, chiếm 1,02% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Nguyễn Nhất Nam	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	587	2024		Số dư tại 31/12/2024
			738	2025		Số dư tại 31/12/2025
			1.472	2026		Số dư tại 30/06/2026
			3	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản thù lao và lợi ích khác của ông Nguyễn Nhất Nam được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	1.389	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2025	1.494	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	1.431	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có.
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành:	Không có.

10.1.5. Thành viên HĐQT – Ông Phạm Quang Khánh

Họ và tên:	**PHẠM QUANG KHÁNH.**
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	20/05/1985.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Bedfordshire (UK).

Kinh nghiệm công tác:

• 04/2003 đến 02/2007	Sinh viên Trường Bách Khoa Singapore.
• 02/2007 đến 03/2009	Chuyên viên kỹ thuật Cty Trans Infotech Việt Nam.
• 04/2009 đến 12/2010	Chuyên viên kỹ thuật Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
• 12/2010 đến 07/2011	Chuyên viên Phòng kinh doanh Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
• 07/2011 đến 04/2012	Chuyên viên Văn phòng đại diện Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
• 05/2012 đến 03/2015	Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
• 04/2015 đến 05/2015	Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc Gia Việt Nam(Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink sáp nhập vào).
• 06/2015 đến 06/2016	Học Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Bedfordshire (UK).
• 07/2016 đến 12/2016	Chuyên viên Văn phòng Đại diện TPHCM (Quay lại làm việc sau 01 năm học Thạc sỹ.
• 01/2017 đến nay	Thành viên độc lập HĐQT - Ngân hàng TMCP Bản Việt.

	Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM - Cty CP Thanh toán Quốc gia Việt Nam.
• 08/2020 đến 12/2025	Thành viên HĐQT độc lập - Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 12/2025 đến nay	Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM - Cty CP Thanh toán Quốc gia Việt Nam.
Số cổ phần nắm giữ:	Không có.
Sở hữu của người có liên quan:	Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	59	2024		Số dư tại 31/12/2024
			8	2025		Số dư tại 31/12/2025
			18	2026		Số dư tại 30/06/2026
			18	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản thù lao và lợi ích khác của ông Phạm Quang Khánh được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	296	Không có	Không có

2025	315	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	329	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank	Không.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có.
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành:	Không có.

10.1.6. Thành viên HĐQT độc lập – Ông Phạm Thanh Sơn

Họ và tên:	**PHẠM THANH SƠN**
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	1988
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế học Đại học Tổng Hợp Luân Đôn (University College London), Thạc sỹ Tài chính và kinh tế Đại học Cambridge (University of Cambridge).
Kinh nghiệm công tác:	
• 7/2013 - 9/2015	Chuyên viên Ngân Hàng HSBC tại Anh – Khối Ngân Hàng Toàn Cầu
• 10/2015 -10/2018	Chuyên Viên Đầu Tư Công ty Quản lý Quỹ HSBC tại Anh
• 11/2018 - 10/2021	Phó Giám đốc Đầu Tư Công ty Quản Lý Quỹ Smith và Williamson
• 12/2021 – 02/2022	Chuyên gia chiến lược đầu tư Evelyn Partners Services Limited
• 08/2021 – nay	Giám đốc Đầu Tư CTCP Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt
• 12/2025 – nay	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Bản Việt.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Đầu Tư CTCP Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Phạm Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	5	2024		Số dư tại 31/12/2024
			5	2025		Số dư tại 31/12/2025
			115	2026		Số dư tại 30/06/2026
			1	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản thù lao và lợi ích khác của ông Phạm Thanh Sơn được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	Không có	Không có	Không có
2025	Không có	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	250	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có.
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành:	Không có.

10.1.7. Thành viên HĐQT độc lập – Ông Lê Minh Huấn

Họ và tên:	**LÊ MINH HUẤN**
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	1971
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Kỹ sư khai thác hàng hải Trường Đại học Thủy sản Nha Trang, Kỹ sư máy tính Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM
Kinh nghiệm công tác:	
• 07/1996 - 01/2000	Nhân viên XNK Công ty vật tư Khánh Hòa
• 10/2001 - 06/2006	Lập trình viên, Phó phòng lập trình, Trưởng phòng lập trình, Trưởng phòng phân tích & thiết kế hệ thống thông tin, Trợ lý Tổng giám đốc tại Trung tâm công nghệ phần mềm Tp.HCM
• 04/2009 đến 12/2010	Chuyên viên kỹ thuật Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
• 07/2006 - 07/2010	Phó phòng CNTT, Giám đốc ban triển khai các dự án CNTT, Quyền giám đốc Trung tâm Thẻ tại Ngân hàng TMCP HDBank
• 07/2010 – 12/2011	Trưởng phòng CNTT, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng CNTT tại Ngân hàng TMCP Đệ Nhất.
• 01/2012 – 05/2019	Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối CNTT tại Ngân hàng TMCP SCB
• 12/2019 – 08/2022	Phó Tổng Giám đốc – phụ trách Khối công nghệ ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Việt Á
• 10/2022 - nay	Giám đốc công nghệ tại Công ty phần mềm và tư vấn Kim tự tháp (PSC)
• 16/04/2026 - nay	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Chức Phát Hành:

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc công nghệ tại Công ty phần mềm và tư vấn Kim tự tháp (PSC).

Số cổ phần nắm giữ: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Minh Huấn	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	Không có	2024		Số dư tại 31/12/2024
			Không có	2025		Số dư tại 31/12/2025
			39	2026		Số dư tại 30/06/2026
			18	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản thù lao và lợi ích khác của ông Lê Minh Huấn được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	Không có	Không có	Không có
2025	Không có	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	124	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

10.2. Thông tin Ban Tổng Giám đốc

Bảng 45. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Lý Hoài Văn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Bà Văn Thành Khánh Linh	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phan Việt Hải	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Lê Văn Bé Mười	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc

10.2.1. Tổng Giám đốc – Ông Lý Hoài Văn

Thông tin chi tiết đã được trình bày tại phần IV.10.1.2. ở trên.

10.2.2. Phó Tổng Giám đốc – Bà Văn Thành Khánh Linh

Họ và tên:	**VĂN THÀNH KHÁNH LINH**
Giới tính:	Nữ.
Ngày tháng năm sinh:	1979.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - trường đại học Thương mại quốc tế tại Geneva, Thụy Sĩ
Kinh nghiệm công tác:	
• 04/2002 - 09/2004:	Chuyên viên Pháp lý Tổng Công ty XDCTGT 5 – Chi nhánh Miền Nam.
• 09/2004 - 03/2007:	Chuyên viên Pháp lý Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.
• 03/2007 - 10/2008:	Chuyên viên Pháp lý Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- 10/2008 - 07/2009: Trưởng Bộ phận Pháp chế Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- 07/2009 - 06/2010: Phó Phòng Pháp lý và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- 07/2010 - 02/2013: Trưởng phòng Pháp lý và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- 03/2013 - 12/2013: Trưởng phòng Pháp chế - Tuân thủ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 01/2014 - 07/2015: Giám đốc Khối Quản lý rủi ro & Kiểm soát tuân thủ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 08/2015 - 14/06/2023: Giám đốc Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 15/06/2023 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 8.115.036 cổ phần, chiếm 1,27% số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Sở hữu cá nhân: 8.115.036 cổ phần, chiếm 1,27% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Văn Thành Khánh	Phó Tổng	Tiền gửi/ Tiết kiệm	2.930	2024		Số dư tại 31/12/2024

Linh	Giám Đốc		1.535	2025		Số dư tại 31/12/2025
			4.419	2026		Số dư tại 30/06/2026
			4.014	2026		Số dư tại 30/09/2026
Bà Văn Thành Khánh Linh	Phó Tổng Giám Đốc	Mua giấy tờ có giá	1.800	2024		Số dư tại 31/12/2024
			1.800	2025		Số dư tại 31/12/2025
			1.800	2026		Số dư tại 30/06/2026
			50	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản tiền lương và lợi ích khác của bà Văn Thành Khánh Linh được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Tiền lương và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau.

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	1.571	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2025	2.155	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	1.908	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

10.2.3. Phó Tổng Giám đốc – Ông Phan Việt Hải

Họ và tên: **PHAN VIỆT HẢI.**

Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	1979.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Kỹ thuật điện và máy tính, đại học RMIT – Úc.
Kinh nghiệm công tác:	
• 12/2001 – 02/2004:	Phó Phòng CNTT Sở Khoa học Công nghệ Tp. HCM.
• 02/2004 – 06/2005:	Quyền Trưởng Phòng CNTT Sở Thông tin và Truyền thông Tp. HCM.
• 03/2007 – 06/2010:	Trưởng Phòng Tư vấn CNTT KPMG Việt Nam.
• 06/2010 – 11/2012:	Trưởng Phòng cao cấp Kiểm soát CNTT và Quản lý tài sản CNTT Bảo hiểm Prudential Việt Nam.
• 11/2012 - 12/2013:	Trưởng Phòng Quản lý dự án Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 01/2014 - 07/2016:	Trưởng Phòng Hạ tầng Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 07/2016 - 14/06/2023:	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 15/06/2023 - Nay:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ:	9.283.861 cổ phần, chiếm 1,45% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Sở hữu cá nhân:	9.283.861 cổ phần, chiếm 1,45% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Đại diện sở hữu:	Không có.
Sở hữu của người có liên quan:	Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm

2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Phan Việt Hải	Phó Tổng Giám Đốc	Tiền gửi/ Tiết kiệm	1.440	2024		Số dư tại 31/12/2024
			123	2025		Số dư tại 31/12/2025
			1.140	2026		Số dư tại 30/06/2026
			321	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản tiền lương và lợi ích khác của ông Phan Việt Hải được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Tiền lương và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	2.100	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2025	2.447	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	2.107	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

10.2.4. Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Thanh Tú

Họ và tên: **NGUYỄN THANH TÚ**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 1983.

Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Tài Chính Quốc Tế, đại học Leeds Beckett - Vương Quốc Anh.
Kinh nghiệm công tác:	
• 05/2007 - 04/2009:	Nhân viên Văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định.
• 04/2009 – 01/2012:	Trưởng Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định.
• 01/2012 - 04/2016:	Trưởng Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 04/2016 - 06/2019:	Trưởng văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 06/2019 - 14/06/2023:	Giám đốc Khối Hỗ trợ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 15/06/2023 - Nay:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 01/11/2024 - Nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Bản Việt
Số cổ phần nắm giữ (đến hiện tại):	9.341.984 cổ phần, chiếm 1,46% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Sở hữu cá nhân:	9.341.984 cổ phần, chiếm 1,46% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Đại diện sở hữu:	Không có
Sở hữu của người có liên quan:	Bà Nguyễn Trần Thanh Trúc (chị ruột) sở hữu 4.743.748 cổ phần, chiếm 0,74% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
Lợi ích liên quan với BVBank:	

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

STT	Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Tú	Phó Tổng Giám Đốc	Tiền gửi/ Tiết kiệm	3.074	2024		Số dư tại 31/12/2024
				2.170	2025		Số dư tại 31/12/2025
				2.277	2026		Số dư tại 30/06/2026
				2.530	2026		Số dư tại 30/09/2026
			Mua giấy tờ có giá	120	2026		Số dư tại 30/09/2026
2	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - BVBank	Ông Nguyễn Thanh Tú là Chủ tịch công ty	Tiền gửi/tiết kiệm	134.880	2024		Số dư tại 31/12/2024
				135.187	2025		Số dư tại 31/12/2025
				114.948	2026		Số dư tại 30/06/2026
				136.114	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản tiền lương và lợi ích khác của ông Nguyễn Thanh Tú được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCD và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Tiền lương và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	1.541	Không có	10% bằng cổ phiếu

			cho CĐHH
2025	2.101	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	1.883	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

10.2.5. Phó Tổng Giám đốc – Ông Lê Văn Bé Mười

Họ và tên: **LÊ VĂN BÉ MƯỜI.**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 10/03/1972.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính trường Đại học Cần Thơ.

Kinh nghiệm công tác:

- 09/2006 – 10/2012: Phó Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – CN An Giang.
- 11/2012 – 10/2013: Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Kỹ thương – CN An Giang.
- 11/2013 – 04/2017: Giám đốc khu vực Tây Nam Bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 05/2017 – Đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

Sở cổ phần nắm giữ: 7.327.829 cổ phần, chiếm 1,14% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

- Sở hữu cá nhân: 7.327.829 cổ phần, chiếm 1,14% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Văn Bé Mười	Phó Tổng Giám Đốc	Tiền gửi/ Tiết kiệm	119	2024		Số dư tại 31/12/2024
			27	2025		Số dư tại 31/12/2025
			26	2026		Số dư tại 30/06/2026
			44	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản tiền lương và lợi ích khác của ông Lê Văn Bé Mười được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Tiền lương và lợi ích khác tại trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	2.153	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2025	2.302	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	1.874	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành:	Không có.

10.2.6. Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Hoàng Sơn

Họ và tên:	**NGUYỄN HOÀNG SƠN**
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	1972.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kinh tế Trường ĐH Kinh tế TP.HCM.
Kinh nghiệm công tác:	
• 10/1995 - 12/1997	Giám đốc kinh doanh và Marketing Công ty TNHH Sanyo Trading Việt Nam
• 08/2000 - 06/2008	Giám đốc phụ trách Deutsche Bank AG – CN TP.HCM
• 07/2008 - 02/2018	Giám đốc Phòng tự doanh Ngân hàng Citibank Vietnam, TP.HCM
• 01/2019 - 07/2021	Cố vấn Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Hội sở - TP.HCM
• 01/2026 - nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có
Số cổ phần nắm giữ (đến hiện tại):	0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Đại diện sở hữu:	Không có
Sở hữu của người có liên quan:	Không có
Lợi ích liên quan với BVBank:	

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

STT	Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám Đốc	Tiền gửi/ Tiết kiệm	0	2024		Số dư tại 31/12/2024
				137	2025		Số dư tại 31/12/2025
				2.062	2026		Số dư tại 30/06/2026
				2.229	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản tiền lương và lợi ích khác của ông Nguyễn Hoàng Sơn được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Tiền lương và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	Không có	Không có	Không có
2025	Không có	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	1.479	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

10.3. Thông tin Ban Kiểm soát

10.3.1. Trưởng Ban kiểm soát – Ông Lý Công Nha

Họ và tên:	**LÝ CÔNG NHA**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	07/11/1967.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
Kinh nghiệm công tác:	
• 04/1994 – 07/2006	Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau
• 08/2006 – 08/2009	Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ
• 09/2009 – 03/2010	Trưởng Phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định
• 03/2010 – 03/2011	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Gia Định
• 04/2011 – 03/2017	Phó Giám đốc Công nghệ Ngân hàng Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Chợ Lớn
• 03/2017 – 03/2021	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 03/2021 – 12/2025	Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 12/2025 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ:	7.705.414 cổ phần, chiếm 1,2% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Sở hữu cá nhân:	7.705.414 cổ phần, chiếm 1,2% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Đại diện sở hữu:	Không có
Sở hữu của người có liên quan:	Không có.
Lợi ích liên quan đối với BVBank	

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lý Công Nha	Trưởng Ban Kiểm soát	Tiền gửi/ Tiết kiệm	1.524	2024		Số dư tại 31/12/2024
			596	2025		Số dư tại 31/12/2025
			900	2026		Số dư tại 30/06/2026
			1	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản tiền lương và lợi ích khác của ông Lý Công Nha được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHDCD và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Tiền lương và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Tiền lương/Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	1.510	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2025	1.726	Mua 1.000.000 cổ phiếu	Không có
09 tháng đầu năm 2026	1.452	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

10.3.2. Thành viên Ban kiểm soát – Ông Lê Hoàng Nam

Họ và tên:	**LÊ HOÀNG NAM.**
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	07/10/1974.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng. Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.
Kinh nghiệm công tác:	
• 1992 – 1995	Sinh viên Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng.
• 4/1996 - 6/2009	Chuyên viên Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh TP. HCM.
• 7/2009 - 7/2012	Kiểm toán nội bộ Cty tài chính dầu khí Việt Nam – CN TP. HCM.
• 8/2012 - 01/2013	Chuyên viên Phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 01/2013 - 3/2014	Phó phụ trách kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 04/2014 – đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ:	Không có.
Sở hữu của người có liên quan:	Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Hoàng Nam	Thành viên BKS	Tiền gửi/ Tiết kiệm	24	2024		Số dư tại 31/12/2024
			38	2025		Số dư tại 31/12/2025
			73	2026		Số dư tại 30/06/2026
			35	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản thù lao và lợi ích khác của ông Lê Hoàng Nam được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	367	Không có	Không có
2025	411	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	395	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

10.3.3. Thành viên Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THANH THỦY.**

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 31/01/1973.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TPHCM.

Kinh nghiệm công tác:

- 10/1992-12/1996 Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TPHCM.
- 12/1996-07/2004 Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định.
- 07/2004-07/2006 Phụ trách Kế toán Phó CN Đa Kao -Ngân hàng TMCP Gia Định.
- 03/2012-12/2013 Phó giám đốc CN Hàng Xanh- Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 12/2013-10/2014 Trưởng phòng kế toán Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 10/2014-10/2015 Phó giám đốc phụ trách Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 10/2015- 08/2020 Giám đốc Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 08/2020- đến nay Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

Tổng số cổ phần nắm giữ: 80.000 cổ phần, chiếm 0,0125%% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

- Sở hữu cá nhân: 80.000 cổ phần, chiếm 0,0125%% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Đại diện sở hữu: Không có

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Nguyễn	Thành	Tiền gửi/	990	2024		Số dư tại

Thị Thanh Thuý	viên BKS	Tiết kiệm				31/12/2024
			2	2025		Số dư tại 31/12/2025
			9	2026		Số dư tại 30/06/2026
			9	2026		Số dư tại 30/09/2026
		Mua giấy tờ có giá	450	2025		Số dư tại 31/12/2025
			450	2026		Số dư tại 30/06/2026
			450	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản thù lao và lợi ích khác của bà Nguyễn Thị Thanh Thuý được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	560	Không có	Không có
2025	667	Mua 80.000 cổ phiếu	Không có
09 tháng đầu năm 2026	555	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành:	Không có.

10.3.4. Thành viên Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Họ và tên:	**NGUYỄN THỊ THANH TÂM.**
Giới tính:	Nữ.
Ngày tháng năm sinh:	31/01/1973.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Tài chính – tín dụng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, Cử nhân luật Trường Đại học Luật TP.HCM.
Kinh nghiệm công tác:	
• 10/1993-10/2006	Nhân viên Phòng Quản lý các Tổ chức tín dụng, Chuyên viên thanh tra-Phòng thanh tra NHNN CN TP.HCM
• 11/2006-07/2013	Phó phòng/ Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Nam Việt
• 08/2013-06/2015	Trưởng Phòng Kiểm tra, kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt – Hội sở TP.HCM
• 07/2015-09/2016	Giám đốc Khối Vận Hành Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở TP.HCM
• 10/2016-05/2019	Giám đốc Khối Hỗ trợ Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở TP.HCM
• 06/2019 – 12/2025	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở TP.HCM
• 12/2025 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành:	Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ:	140.000 cổ phần, chiếm 0,02% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Sở hữu cá nhân:	140.000 cổ phần, chiếm 0,02% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Đại diện sở hữu:	Không có
Sở hữu của người có liên quan:	Không có.
Lợi ích liên quan đối với BVBank:	

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	Tiền gửi/ Tiết kiệm	148	2024		Số dư tại 31/12/2024
			3.582	2025		Số dư tại 31/12/2025
			3.825	2026		Số dư tại 30/06/2026
			4.142	2026		Số dư tại 30/09/2026
		Mua giấy tờ có giá	3.000	2024		Số dư tại 31/12/2024
			3.000	2025		Số dư tại 31/12/2025
			3.000	2026		Số dư tại 30/06/2026
			0	2026		Số dư tại 30/09/2026
		Cho vay	3.690*	2024		Số dư tại 31/12/2024
			0	2025		Số dư tại 31/12/2025
			0	2026		Số dư tại 30/06/2026
			0	2026		Số dư tại 30/09/2026

** Ghi chú: khoản cho vay phát sinh và đã được tất toán trước thời điểm Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm được bổ nhiệm làm Thành viên Ban kiểm soát.*

- Các khoản thù lao và lợi ích khác của bà Nguyễn Thị Thanh Tâm được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	948	Không có	Không có
2025	985	Mua 140.000 cổ phiếu	Không có
09 tháng đầu năm 2026	784	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành:	Không có.

10.3.5. Thành viên Ban kiểm soát – Bà Bùi Thị Quanh

Họ và tên:	**BÙI THỊ QUANH**
Giới tính:	Nữ.
Ngày tháng năm sinh:	1986
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kế toán Trường ĐH Văn Lang.
Kinh nghiệm công tác:	
• 04/2008 - 08/2009	Nhân viên Công ty TNHH SX TM XNK Viễn Thông A
• 09/2009 - 07/2024	Nhân viên, Chuyên viên kế toán, Trưởng bộ phận kế toán tổng hợp, Phó Phòng kế toán Ngân hàng TMCP Bản Việt – Hội sở, TP.HCM
• 07/2024 - 08/2025	Phó phòng kế toán Công ty cổ phần chứng khoán SSI
• 12/2025 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức	Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Phát Hành:

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Bùi Thị Quanh	Thành viên BKS	Tiền gửi/ Tiết kiệm	3	2024		Số dư tại 31/12/2024
			5	2025		Số dư tại 31/12/2025
			2	2026		Số dư tại 30/06/2026
			1	2026		Số dư tại 30/09/2026
		Mua giấy tờ có giá	200	2025		Số dư tại 31/12/2025
			200	2026		Số dư tại 30/06/2026
			200	2026		Số dư tại 30/09/2026

- Các khoản Lương/thù lao và lợi ích khác của bà Bùi Thị Quanh được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương/Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng có

			phiếu
2024	315	Không có	Không có
2025	Không có	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	445	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

10.4. Kế toán trưởng

Họ và tên: **TRẦN THỊ KIM THU**

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán – kiểm toán, Thạc sỹ tài chính ngân hàng tại Trường đại học ngân hàng TP.HCM.

Kinh nghiệm công tác:

- 2009 – 2012: Trưởng phòng kế toán tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn
- 2012 – 2016: Phó Phòng Tài chính kế hoạch Hội sở tại Ngân hàng TMCP Phương Đông
- 2016 – 2020: Trưởng Phòng Tài chính kế hoạch Hội sở tại Ngân hàng TMCP Phương Đông
- 2023 – 2024: Phó Phòng Tài chính Hội sở tại Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 2024 – 2025: Trưởng phòng Tài chính Hội sở tại Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 01/2026 - nay: Phó Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Phó Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Ông Nguyễn Phúc Sang (chồng) sở hữu 50 cổ phần, chiếm 0,0000078% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Trần Thị Kim Thu	Kế toán trưởng	Tiền gửi/ Tiết kiệm	161	2024		Số dư tại 31/12/2024
			59	2025		Số dư tại 31/12/2025
			807	2026		Số dư tại 30/06/2026
			609	2026		Số dư tại 30/09/2026
		Cho vay*	5.440	2024		Số dư tại 31/12/2024
			5.207	2025		Số dư tại 31/12/2025
			0	2026		Số dư tại 30/06/2026
			0	2026		Số dư tại 30/09/2026

** Ghi chú: khoản cho vay này được cấp đúng theo quy định pháp luật và phát sinh trước thời điểm Bà Trần Thị Kim Thu được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng, hiện tại khoản vay đã được tất toán.*

- Các khoản tiền lương và lợi ích khác của bà Trần Thị Kim Thu được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Tiền lương và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	583	Không có	Không có
2025	782	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	740	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức

- Ngân hàng sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.
- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đề xuất của HĐQT, căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 30: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	0%	0%
Phương thức thanh toán	-	-	-

Nguồn: BVBank

Trong giai đoạn 2023 - 2025, với chiến lược tích lũy nguồn lực để tạo nền tảng phát triển ổn định phục vụ các định hướng kinh doanh lớn trong các năm sắp tới, Ngân hàng không thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông.

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Các trái phiếu do BVBank phát hành trong 03 năm liên tục (từ năm 2023 đến năm 2025) và đến thời điểm 30/09/2026, BVBank luôn thực hiện thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn (bao gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu đến hạn); đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của trái phiếu, cụ thể như sau:

STT	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá trị phát hành theo mệnh giá	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá	Trả lãi/ Trả gốc	Số tiền phải thanh toán				Số tiền đã thanh toán				Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu
								2023	2024	2025	2026	2023	2024	2025	2026	
1	BVB123025	6	22/08/2023	22/08/2029	384,38	0	Lãi	-	43,41	-		-	43,41	-		Đầy đủ, đúng hạn
							Gốc	-	384,38	-		-	384,38	-		
2	BVB124020	6	10/09/2024	10/09/2030	1.468,55	0	Lãi	-	-	116,02	105,44	-	-	116,02	105,44	Đầy đủ, đúng hạn
							Gốc	-	-	-	1.468,55	-	-	-	1.468,55	
3	BVB125003	6	06/01/2025	06/01/2031	1.254,38	1.254,38	Lãi	-	-	-	102,86	-	-	-	102,86	Đầy đủ, đúng hạn
							Gốc									

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 31: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Đvt: tỷ đồng

STT	Nội dung	30/06/2026 (tỷ đồng)	30/09/2026 (tỷ đồng)
1	Tổng giá trị hợp đồng (*)	Không xác định	Không xác định
2	Lũy kế tiền thuê tài sản đã phân bổ vào chi phí	81,52	121,34
3	Chi phí chờ phân bổ còn lại (đối với tài sản thuê trả trước)	25,67	18,86
4	Số tiền thuê nhà, đất cần tiếp tục giải ngân	75,51	46,35

Nguồn: BVBank

(*) Các hợp đồng thuê đất thể hiện giá trị thuê hàng năm, không thể hiện tổng giá trị hợp đồng.

13.2. Thông tin về các khoản cam kết thuê hoạt động

Các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang Ngân hàng đã ký hợp đồng thuê như sau:

Đvt: triệu đồng

	Ngày 30/09/2026	Ngày 30/06/2026	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Đến hạn trong 1 năm	95.633	160.157	104.682	136.713
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	224.995	425.470	242.487	232.582
Đến hạn sau 5 năm	28.570	42.150	57.823	77.381
	349.198	**622.777**	**404.992**	**446.676**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 của BVBank

13.3. Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn của Tổ Chức Phát Hành

Tính đến thời điểm hiện tại, số dư trái phiếu BVBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 1.254,38 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng:

Bảng 32. Thông tin về các trái phiếu chưa đáo hạn

Đvt: tỷ đồng

Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Kỳ hạn
BVB125003	06/01/2025	1.254,38	6 năm
Tổng cộng		**1.254,38**	

Nguồn: BVBank

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: Không có

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, BVBank đã và đang thực hiện đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

Phương án sử dụng vốn: BVBank sử dụng toàn bộ vốn huy động từ các mã trái phiếu nêu trên để bổ sung vốn cho vay trung dài hạn dành cho khách hàng.

13.4. Các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi

Không có.

13.5. Các cam kết chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra của BVBank như sau:

Bảng 33. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Riêng lẻ			
	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
1. Bảo lãnh vay vốn	3	2	1	1	3	2	1	1
2. Cam kết giao dịch hối đoái	23.959	39.408	18.085	31.742	23.959	39.408	18.085	31.742
- Cam kết mua ngoại tệ	*4.886*	*7.561*	*737*	705	*4.886*	*7.561*	*737*	705
- Cam kết bán ngoại tệ	*4.882*	*3.730*	*736*	704	*4.882*	*3.730*	*736*	704
- Cam kết giao dịch hoán đổi	*14.191*	*28.118*	*16.612*	30.333	*14.191*	*28.118*	*16.612*	30.333
3. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	19	7	4	415	22	9	4	415
4. Bảo lãnh khác	766	1.711	1.249	2.761	874	1.801	1.249	2.761

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Riêng lẻ			
	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
3. Cam kết khác	33	568	451	435	33	568	451	435

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất và riêng lẻ) của BVBank

Các khoản cam kết ngoại bảng phản ánh nghĩa vụ tiềm tàng và các giao dịch chưa được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán nhưng có thể phát sinh tài sản hoặc nghĩa vụ trong tương lai. Trong giai đoạn 2024 – 09 tháng đầu năm 2026, BVBank tăng đáng kể hoạt động kinh doanh ngoại hối và các cam kết bảo lãnh, qua đó hỗ trợ tăng trưởng hoạt động dịch vụ và khách hàng doanh nghiệp.

Cam kết giao dịch hối đoái tăng từ 23.959 tỷ đồng năm 2024 lên 39.408 tỷ đồng năm 2025, tương ứng tăng 64,5% và chiếm trên 90% tổng giá trị cam kết ngoại bảng, chủ yếu đến từ cam kết giao dịch hoán đổi (tăng từ 14.191 tỷ đồng lên 28.118 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với năm 2024). Sự gia tăng mạnh trong năm 2025 đến từ: (i) nhu cầu phòng ngừa rủi ro tỷ giá tăng mạnh – giai đoạn 2025 thị trường ngoại hối chịu nhiều biến động do tỷ giá USD/VND tăng mạnh hơn giai đoạn trước, biến động chính sách lãi suất toàn cầu, do đó doanh nghiệp có xu hướng ký hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ để khóa tỷ giá phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; (ii) Ngân hàng đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm ngoại hối cho khách hàng SME xuất nhập khẩu, phù hợp với chiến lược phát triển khách hàng SME của BVBank. Tại thời điểm 30/09/2026, giá trị cam kết giao dịch hoán đổi tiếp tục tăng lên 30.333 tỷ đồng và giá trị cam kết giao dịch hối đoái đạt 31.742 tỷ đồng tiếp tục phản ánh chính sách từ năm 2025 của BVBank.

Hoạt động bảo lãnh tăng trưởng mạnh từ 766 tỷ đồng năm 2024 lên 1.711 tỷ đồng năm 2025, tương ứng gấp 2,2 lần, chủ yếu đến từ hoạt động bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Trong đó: (i) Cam kết bảo lãnh thanh toán là 886 tỷ đồng, gấp 3,4 lần so với năm 2024, tương đương tăng 632 tỷ đồng; (ii) Cam kết bảo lãnh hợp đồng đạt 383 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với năm trước, tương đương tăng 238 tỷ đồng. Kết thúc 09 tháng đầu năm 2026, hoạt động bảo lãnh tiếp tục tăng mạnh lên 2.761 tỷ đồng phản ánh chính sách của BVBank khi tiếp tục mở rộng hoạt động cấp bảo lãnh cho khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tham gia các dự án xây dựng, thương mại và cung ứng dịch vụ so với năm 2025. Hoạt động bảo lãnh giúp Ngân hàng gia tăng nguồn thu phí dịch vụ mà không làm tăng ngay dư nợ tín dụng trên bảng cân đối kế toán. Đồng thời, sự gia tăng của bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh thực hiện hợp đồng cũng phản ánh mức độ gắn kết sâu hơn với khách hàng doanh nghiệp và mở rộng hệ sinh thái dịch vụ tài chính.

Cam kết khác trong năm 2025 tăng mạnh so với năm 2024 chủ yếu đến từ việc BVBank triển khai mới sản phẩm hoán đổi lãi suất (giá trị 526 tỷ đồng), trong khi năm 2024 chưa phát sinh khoản mục này. Tại thời điểm 30/09/2026, giá trị cam kết khác đạt 435 tỷ đồng và không có quá nhiều thay đổi so với thời điểm cuối năm 2025. Việc triển khai sản phẩm hoán đổi lãi suất giúp Ngân hàng đa dạng hóa danh mục sản phẩm phái sinh và cung cấp các giải pháp quản trị rủi ro

lãi suất cho khách hàng.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngoài các thông tin về các cam kết và nghĩa vụ nợ nêu tại Mục IV.13 ở trên, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có phát sinh vụ việc tranh chấp, kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán và dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết về việc không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH:

1. Kết quả kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:

1.1.1. Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Bảng 34. Một số chỉ tiêu cơ bản về hoạt động kinh doanh của BVBank (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm 2025/2024	30/06/2026	30/09/2026
Tổng giá trị tài sản	103.536	133.048	28,50%	141.974	145.222
Thu nhập lãi thuần	2.306	2.680	16,21%	1.680	2.614
Tổng thu nhập hoạt động	2.478	2.910	17,44%	1.841	2.841
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.002	1.202	19,92%	920	1.340
Lợi nhuận trước thuế	391	522	33,62%	547	825
Lợi nhuận sau thuế	311	417	33,87%	437	659
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ	-	-	-	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm 2025/2024	30/06/2026	30/09/2026
tức					
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

Bảng 35: Một số chỉ tiêu cơ bản về hoạt động kinh doanh của BVBank (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm 2025/2024	30/06/2026	30/09/2026
Tổng giá trị tài sản	103.637	133.148	28,48%	142.054	145.322
Thu nhập lãi thuần	2.303	2.677	16,22%	1.678	2.610
Tổng thu nhập hoạt động	2.475	2.907	17,45%	1.838	2.838
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.002	1.202	19,92%	919	1.337
Lợi nhuận trước thuế	390	521	33,64%	546	822
Lợi nhuận sau thuế	311	416	33,87%	436	657
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	-	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (riêng lẻ) của BVBank

Kết thúc năm 2024, BVBank đã đạt nhiều kết quả kinh doanh rất tích cực, vượt hầu hết tất cả các mục tiêu tài chính quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó, cụ thể ghi nhận quy mô tổng tài sản đạt hơn 103.536 tỷ đồng, tăng 18% so với kết quả thực hiện năm trước, đồng thời vượt 3,5% kế hoạch. Tổng thu nhập của BVBank trong năm đạt 2.478 tỷ đồng, tăng mạnh 41% so với năm trước, trong đó thu nhập từ hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng 56%, đạt 2.306 tỷ đồng.

Năm 2025, tổng tài sản của Ngân hàng tiếp tục tăng trưởng tích cực, đạt 133.048 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng cũng ghi nhận kết quả tích cực, đạt 417 tỷ đồng, tăng 34% so với năm 2024. Động lực tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu đến từ thu nhập lãi thuần, đạt 2.680 tỷ đồng, tăng 16% so với năm trước nhờ điều hành tối ưu chi phí nguồn vốn

đầu vào kết hợp đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng ngay từ đầu năm nhằm đảm bảo nguồn thu lãi ổn định. Bên cạnh đó, Ngân hàng đã tích cực trong việc kiểm soát nợ xấu, tăng cường hoạt động thu hồi nợ trong các tháng cuối năm. Theo đó, chi phí dự phòng tín dụng chỉ tăng 11% so với năm 2024.

Tính đến 30/09/2026, hoạt động kinh doanh của BVBank khả quan khi các chỉ số tài chính đều ghi nhận tăng trưởng, theo đó độ tổng tài sản đạt 145.222 tỷ đồng, tăng 9,2% so với cuối năm trước. Ngân hàng ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong 09 tháng đầu năm 2026 khi lợi nhuận sau thuế đạt 659 tỷ đồng đạt 177% kế hoạch năm.

1.1.2. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

➢ **Những nhân tố chính tác động đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:**

- Trong năm 2024 và 2025, kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn. Lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn.

- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Cùng với đó, các công ty công nghệ tài chính (Fin-Tech) xuất hiện, ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay … tương tự như các dịch vụ ngân hàng.

- Thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp mặc dù có sự cải thiện nhờ điều hành của Chính phủ nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc nên vẫn tạo áp lực đối với nhu cầu vốn từ hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, dư âm của sự cố rút tiền hàng loạt tại SCB vào cuối năm 2022 tác động lớn tới thanh khoản, tâm lý thị trường, khiến các tổ chức tín dụng thận trọng hơn trong việc quản trị và cân đối nguồn vốn tín dụng.

- Kết thúc Quý 3/2026, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với trạng thái bất định cao. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) trong tháng 07/2026 dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 3,0% trong năm 2026 và 3,4% trong năm 2027; các dự báo này nhìn chung không thay đổi đáng kể so với dự báo tháng 4/2026 xét trên tổng thể. Triển vọng tăng trưởng chịu tác động từ xung đột địa chính trị, biến động giá năng lượng và chi phí vận tải; đồng thời, xu hướng bảo hộ thương mại và bất định thuế quan tiếp tục gây khó khăn cho thương mại và đầu tư quốc tế, làm gia tăng nguy cơ tăng trưởng giảm tốc trong khi lạm phát tăng trở lại. IMF cũng nhận định xu hướng giảm lạm phát toàn cầu đã chững lại, trong khi rủi ro từ khả năng xung đột tiếp diễn và những biến động trên thị trường tài chính vẫn hiện hữu. Các yếu tố như dòng vốn dịch chuyển giữa các nhóm tài sản, áp lực lạm phát, mặt bằng lãi suất, biến động tỷ giá, rủi ro an

ninh năng lượng, lương thực, chuỗi cung ứng, an ninh mạng và thiên tai, khí hậu cực đoan tiếp tục là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến triển vọng kinh tế toàn cầu. Đối mặt với những biến động trên thế giới, kinh tế Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2026 vẫn ghi nhận nhiều điểm sáng. Tăng trưởng GDP đạt 8,01% so với cùng kỳ năm trước; riêng quý 3/2026 tăng 9,95%, cao hơn mức tăng của hai quý đầu năm. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 9 tháng đầu năm tăng 4,52% so với cùng kỳ năm trước, tiệm cận mức mục tiêu kiểm soát lạm phát khoảng 4,5% của Chính phủ. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư và xuất nhập khẩu tiếp tục đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của nền kinh tế. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký trong 9 tháng đạt khoảng 50,4 tỷ USD, tăng 76,4% so với cùng kỳ; vốn FDI thực hiện đạt khoảng 21,1 tỷ USD, tăng 12,1%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt khoảng 888 tỷ USD, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm 2025. Những kết quả này góp phần củng cố động lực tăng trưởng, hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh và nhu cầu vốn của doanh nghiệp.

Mặc dù vậy, kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt với những rủi ro, thách thức trong việc duy trì đà tăng trưởng cao và thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026. Những biến động của kinh tế thế giới, bất định trong chính sách thương mại, áp lực giá năng lượng và chi phí đầu vào có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu, thu hút đầu tư và khả năng phục hồi của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, áp lực lạm phát, biến động lãi suất và tỷ giá, cũng như yêu cầu cân đối giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn tiếp tục đặt ra thách thức đối với công tác điều hành chính sách tiền tệ. Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, phối hợp với các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối, đồng thời hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, những biến động nêu trên vẫn có thể tác động đến chi phí huy động vốn, chất lượng tín dụng, khả năng trả nợ của khách hàng và hiệu quả hoạt động kinh doanh của BVBank.

- **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

- Trong bối cảnh kinh tế còn tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường, chất lượng tín dụng của ngành ngân hàng nói chung và BVBank nói riêng có thể chịu ảnh hưởng nhất định do hoạt động sản xuất kinh doanh và dòng tiền của một số nhóm khách hàng còn gặp khó khăn. Theo đó, tỷ lệ nợ xấu có thể biến động tăng hoặc giảm tùy thuộc vào diễn biến kinh tế vĩ mô, khả năng phục hồi của khách hàng và hiệu quả công tác quản trị rủi ro tín dụng của BVBank.

- Đối với BVBank, Ngân hàng luôn chủ trọng kiểm soát chất lượng tín dụng, tăng cường công tác giám sát sau vay, chủ động rà soát danh mục cho vay và thực hiện các biện pháp xử lý và thu hồi nợ phù hợp nhằm hạn chế tác động bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó để đáp ứng được nhu cầu kinh doanh trong thời gian tới, BVBank vẫn tiếp tục củng cố tổ chức hoạt động, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao hệ thống đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu thị trường và hoạt động kinh doanh

trong thời gian tới.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ:

Hoạt động ngành nghề đặc thù, ngoài các khoản vay tín dụng và tiền gửi của các bên liên quan (NHNN, TCTD khác và tiền gửi của khách hàng) thì Ngân hàng còn có một số công nợ phải thu và phải trả khác, chi tiết như sau:

Bảng 36: Tình hình công nợ (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Tổng giá trị tài sản có	103.536	133.048	141.974	145.222
Tổng nợ phải trả	97.381	125.587	134.053	137.081

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

Tình hình công nợ (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Tổng giá trị tài sản có	103.637	133.148	142.054	145.322
Tổng nợ phải trả	97.516	125.722	134.167	137.216

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (riêng lẻ) của BVBank

Đến thời điểm hiện tại, BVBank không có các khoản nợ quá hạn trên 1 năm.

Tình hình thanh toán các khoản nợ: BVBank luôn thanh toán đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ phải trả theo quy định.

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 37. Trái phiếu chưa đáo hạn tại 30/09/2026

Đvt: tỷ đồng

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Kỳ trả lãi
Trái phiếu chào bán ra công chúng						
1	BVB125003	1.254,38	Cố định	6 năm	06/01/2025	Định kỳ

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Kỳ trả lãi
			kết hợp thả nổi (*)			12 tháng

Nguồn: BVBank

(*) Lưu ý: Trái phiếu BVB125003 *có lãi suất năm đầu tiên là 8,2%/năm. Lãi suất từ năm thứ 02 trở đi là lãi suất thả nổi được xác định bằng Lãi suất tham chiếu + Biên độ lãi suất 2,5%/năm.*

Thời hạn chuyển đổi của Trái phiếu chưa đáo hạn: Không có

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 38. Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024				Năm 2025				30/06/2026				30/09/2026			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2	79	(40)	42	42	105	(130)	17	17	110	(60)	67	17	166	(127)	55
Thuế giá trị gia tăng	2	26	(25)	3	3	30	(30)	3	3	17	(17)	3	3	25	(26)	3
Thuế thu nhập cá nhân	2	45	(44)	3	3	67	(66)	4	4	28	(26)	6	4	41	(42)	3
Thuế nhà thầu nước ngoài	1	8	(8)	1	1	13	(11)	3	3	7	(8)	2	3	12	(13)	2
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1	(1)	-	-	1	(1)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	**7**	**160**	**(118)**	**49**	**49**	**216**	**(238)**	**27**	**27**	**162**	**(121)**	**68**	**27**	**244**	**(208)**	**64**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

Bảng 39. Các khoản phải nộp theo luật định (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024				Năm 2025				30/06/2026				30/09/2026			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2	79	(39)	42	42	105	(130)	17	17	110	(60)	67	17	165	(127)	55
Thuế giá trị gia tăng	2	26	(25)	3	3	30	(30)	3	3	17	(17)	3	3	25	(25)	3
Thuế thu nhập cá nhân	2	45	(44)	3	3	67	(66)	4	4	28	(36)	(4)	4	41	(42)	3
Thuế nhà thầu nước ngoài	1	8	(8)	1	1	13	(11)	3	3	7	(8)	2	3	12	(13)	2
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1	(1)	-	-	1	(1)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	7	159	(118)	49	49	216	(238)	27	27	162	(121)	68	27	244	(209)	63

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (riêng lẻ) của BVBank

2.1.4. Trích lập các quỹ

Ngân hàng Bản Việt thực hiện trích lập các Quỹ đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật, theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, theo quy chế quản trị tài chính và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Theo quyết định của ĐHĐCĐ, tình hình trích lập các quỹ từ LNST của BVBank như sau:

Bảng 40: Trích lập các quỹ theo luật định (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,56	1,56	1,56	1,56
2	Quỹ dự phòng tài chính	197,59	228,46	265,95	265,95
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	57,52	88,74	130,38	130,38
4	Quỹ khác	1,29	1,29	1,29	1,29
Tổng cộng		**257,96**	**320,05**	**399,18**	**399,18**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (hợp nhất) của BVBank

Bảng 41: Trích lập các quỹ theo luật định (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,56	1,56	1,56	1,56
2	Quỹ dự phòng tài chính	175,18	205,96	243,45	243,45
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	46,32	77,43	119,08	119,08
4	Quỹ khác	1,29	1,29	1,29	1,29
Tổng cộng		**224,35**	**286,24**	**365,38**	**365,38**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC Quý III năm 2026 (riêng lẻ) của BVBank

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Trong thời gian tới, song hành với những thuận lợi và tiềm năng đã được các tổ chức quốc tế thừa nhận, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiếp tục tiềm ẩn nhiều thách thức và rủi ro do ảnh hưởng của tình hình lạm phát và căng thẳng chính trị, thương mại giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới, trực tiếp ảnh hưởng tới tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân Hàng. Tuy nhiên, BVBank đang tích cực thực hiện các biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro đồng thời nỗ lực tối đa để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được thông qua.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Bảng 42: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2024	Năm 2025	30/09/2026	Năm 2024	Năm 2025	30/09/2026
1. Vốn tự có						
Vốn điều lệ	5.518	6.408	6.408	5.518	6.408	6.408
Vốn tự có	8.024	10.349	9.651	7.990	10.340	9.645
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	11,90%	13,27%	10,03%	11,85%	13,24%	10,01%
2. Chất lượng tài sản						
Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ (theo TT31)	3,68%	2,86%	3,00%	3,68%	2,86%	3,00%
Tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ (theo TT31)	2,69%	2,13%	2,04%	2,69%	2,13%	2,04%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các TCTD khác)/ Tổng tài sản	79,56%	85,01%	84,47%	79,41%	84,94%	84,41%
Tài sản có sinh lời/ Tổng tài sản có nội bảng	95,09%	94,60%	95,59%	94,92%	95,59%	95,52%
3. Khả năng thanh khoản						
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/ Tổng tài sản bình quân	12,40%	12,16%	13,35%	12,39%	12,15%	13,34%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	24,86%	27,52%	25,13%	23,98%	27,48%	25,10%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi	76,78%	67,64%	67,28%	76,66%	67,56%	67,20%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh						
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	6,51%	7,64%	11,80%	6,54%	7,68%	11,83%

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2024	Năm 2025	30/09/2026	Năm 2024	Năm 2025	30/09/2026
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản bình quân	0,42%	0,45%	0,67%	0,42%	0,45%	0,67%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	2,63%	2,42%	2,64%	2,63%	2,42%	2,63%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	0,33%	0,36%	0,53%	0,33%	0,36%	0,53%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	5,19%	6,10%	9,43%	5,21%	6,13%	9,45%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	564	650	1.028	564	650	1.025
Thu nhập dịch vụ/ Tổng thu nhập	11,13%	11,90%	-9,92%	11,14%	11,91%	-9,93%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/ Lợi nhuận trước thuế	9,61%	0,32%	1,37%	9,62%	0,32%	1,38%

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2024, 2025 và Quý 3 năm 2026 của BVBank

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính:** Không có.

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

3.1. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ban hành

- Đối với Báo cáo kiểm toán độc lập số 61938007/67868012-R ngày 31/03/2025 về Báo cáo tài chính riêng năm 2024, ý kiến của đơn vị kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần, cụ thể như sau:

  "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng".

- Đối với Báo cáo kiểm toán độc lập số 61938007/67868012-HN ngày 31/03/2025 về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, ý kiến của đơn vị kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần, cụ thể như sau:

  "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý,

trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất".

3.2. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2025 do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ban hành

- Đối với Báo cáo kiểm toán độc lập số 61938007/E-69122191-R ngày 12/03/2026 về Báo cáo tài chính riêng năm 2025, ý kiến của đơn vị kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần, cụ thể như sau:

  "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng".

- Đối với Báo cáo kiểm toán độc lập số 61938007/E-69122191-HN ngày 12/03/2026 về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025, ý kiến của đơn vị kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần, cụ thể như sau:

  "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất".

3.3. Báo cáo soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2026 do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ban hành

- Đối với Báo cáo kiểm toán độc lập số 13393990/E-69711283/LR-R ngày 11/08/2026 về Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2026, ý kiến của đơn vị kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần, cụ thể như sau:

  "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa

niên độ.".

- Đối với Báo cáo kiểm toán độc lập số 13393990/E-69711283/LR-HN ngày 11/08/2026 về Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2026, ý kiến của đơn vị kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần, cụ thể như sau:

  "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi thấy không có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độcủa Ngân hàng và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ".

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

Không áp dụng.

Theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán: *"Tổ Chức Phát Hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập, ngoại trừ trường hợp trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng"* (Căn cứ Điểm a, Khoản 8, Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP).

Như vậy, theo quy định nêu trên, BVBank và trái phiếu đăng ký chào bán ra công chúng của BVBank không thuộc trường hợp phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm.

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Bảng 43: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2026

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	% tăng trưởng KH 2026/ TH 2025
1	Thu nhập lãi thuần	2.680	3.092	15,36%
2	Lợi nhuận sau thuế	417	560	34,44%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	15,55%	18,12%	2,57%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,10%	6,33%	0,23%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	% tăng trưởng KH 2026/ TH 2025
5	Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

Nguồn: BVBank

❖ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2026:**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của BVBank thông qua tại Nghị quyết số 01/26/BVBank/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2026.

❖ **Cơ sở để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên:**

Để đạt được kế hoạch kinh doanh nêu trên, BVBank tiếp tục thực hiện mục tiêu chiến lược là trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại. Các sản phẩm huy động, tín dụng sẽ tiếp tục được phát triển theo định hướng phân khúc khách hàng nhỏ lẻ, doanh nghiệp SMEs, tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ trên kênh ngân hàng điện tử. Kế hoạch hành động cụ thể như sau:

- Tài chính:
  - ✓ Với mục tiêu phát triển bền vững, BVBank tiếp tục xác định chiến lược tăng trưởng tín dụng trong trung dài hạn ở mức 16%-18%/năm, bám sát định hướng điều hành của NHNN, tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ và các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ, trên cơ sở cho vay có chọn lọc đảm bảo kiểm soát chất lượng tín dụng và tuân thủ theo quy định của NHNN
  - ✓ Thực hiện chủ trương NHNN, tối ưu hóa chi phí vốn để giảm lãi suất cho vay khách hàng, BVbank tiếp tục điều hành chính sách huy động vốn linh hoạt, thận trọng, bám sát diễn biến thị trường, cân đối phù hợp nhu cầu vốn, cấu trúc nguồn vốn theo hướng an toàn hợp lý thông qua việc tập trung vào phân khúc khách hàng nhỏ lẻ, ít chịu tác động bởi yếu tố lãi suất. Xây dựng và cung cấp giải pháp thanh toán toàn diện cho khách hàng, đặc biệt là phân khúc hộ kinh doanh, đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ để gia tăng trải nghiệm khách hàng hướng đến tăng tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn CASA (xấp xỉ 10% trong tổng tiền gửi khách hàng), góp phần tối ưu hóa chi phí vốn.
  - ✓ Tập trung quản lý, nâng cao chất lượng tín dụng, nhận diện nợ quá hạn sớm, tăng cường công tác thu hồi nợ và cải thiện cơ cấu khách hàng sẽ là yếu tố quan trọng giúp Ngân hàng nâng cao chất lượng tài sản và cải thiện hiệu quả sinh lời. Tích cực thu hồi nợ quá hạn nhằm tăng thu từ các khoản lãi treo ngoại bảng và hoàn nhập dự phòng tương ứng.
  - ✓ Đa dạng hóa nguồn thu dịch vụ, cải thiện thu nhập từ dịch vụ dự kiến tăng 30% - 40% thông qua các hoạt động chính:

- Đẩy mạnh hoạt động thẻ và thanh toán Digistore, đây là nền tảng hỗ trợ nhà bán hàng, cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng.
- Đẩy mạnh hoạt động bảo hiểm thông qua việc củng cố hợp tác với đối tác bảo hiểm, nâng cao hiệu quả bán hàng của cán bộ bán, tăng cường sản phẩm phù hợp phân khúc khách hàng.
- Tăng cường hoạt động kinh doanh ngoại hối (dự kiến tăng 20%). Theo đó, Ngân hàng đẩy mạnh hoạt động kinh doanh ngoại hối nhằm khai thác nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng doanh nghiệp và SME, đặc biệt trong các hoạt động/dịch vụ sau: (i) Thanh toán xuất nhập khẩu, (ii) Dịch vụ thanh toán xuyên biên giới, (iii) Sản phẩm phòng ngừa rủi ro tỷ giá.

✓ Đẩy mạnh quy trình số hóa, nâng cao năng suất lao động giúp tối ưu chi phí hoạt động hiệu quả, kiểm soát tỷ lệ Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập (CIR) khoảng 55%, dự kiến giảm 3% so với năm trước.

- Phát triển mạng lưới: BVBank tập trung nâng cao chất lượng tại các điểm giao dịch hiện hữu nhằm đem đến sự phục vụ, trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng hiện hữu cũng như phát triển nhóm khách hàng mới đem lại hiệu quả kinh doanh cao hơn cho Ngân hàng.
- Khách hàng Cá nhân:
  - ✓ Đặt khách hàng là trọng tâm: đẩy mạnh phát triển hệ khách hàng qua các kênh số hóa; tăng cường phát triển hệ khách hàng qua các kênh đối tác Fintech, ...
  - ✓ Huy động vốn: Cơ cấu kỳ hạn để cải thiện nguồn vốn giá rẻ; phát triển các sản phẩm đặc thù theo phân khúc khách hàng, ưu tiên cải tiến vận hành nhanh gọn và trải nghiệm khách hàng lên trên hết. Từ đó, ưu tiên cải tiến các sản phẩm, dịch vụ trên các kênh số hóa.
  - ✓ Quản lý danh mục: Ban hành chính sách/lãi suất linh hoạt theo danh mục sản phẩm, kỳ hạn gửi, địa bàn phù hợp định hướng phân tán rủi ro.
- Khách hàng doanh nghiệp:
  - ✓ Xây dựng lại định hướng kinh doanh hướng đến việc xác định rõ phân khúc khách hàng mục tiêu, phân nhóm khách hàng và chính sách tín dụng đối với từng phân khúc/phân nhóm khách hàng.
  - ✓ Phân đoạn nhỏ, định vị lại khách hàng SME thông qua các sản phẩm/chương trình phù hợp với từng địa phương/ngành.
  - ✓ Am hiểu sâu hơn đến ngành/tiểu ngành các nhóm khách hàng để phân nhóm khách hàng, điều kiện tín dụng, điều kiện vận hành và giám sát sau phù hợp hướng đến sự chuẩn hóa và tinh gọn công tác vận hành tín dụng.
  - ✓ Phát triển khách hàng mới qua kênh số/kênh đối tác đang có quan hệ với BVBank nhằm tăng thu nhập thông qua tăng trưởng tiền gửi không kỳ hạn và tiết giảm chi phí giá vốn.

- ✓ Tăng trưởng thu nhập thông qua các sản phẩm dịch vụ, bán thêm cho khách hàng hiện hữu, bán chéo sản phẩm khách hàng cá nhân.
- ✓ Tối ưu hóa mô hình bán theo hướng tập trung hóa/chuyên môn hóa tại địa bàn các đô thị lớn như: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng dưới sự dẫn dắt của đội ngũ quản lý có năng lực tốt nhằm cải thiện năng suất và quy mô trên từng đơn vị kinh doanh, giảm thiểu chi phí hoạt động.
- ✓ Xây dựng khung năng lực, lộ trình nghề nghiệp, lộ trình đào tạo để cải thiện năng suất của lực lượng bán.
- ✓ Vận hành hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM) để quản lý toàn diện mối quan hệ khách hàng nhằm khai thác tối đa tiềm năng, thu nhập khách hàng mang lại cho BVBank.
- ✓ Tối ưu hóa công tác quản trị nợ; Linh hoạt áp dụng các biện pháp như cơ cấu lại nợ, tiếp tục cho vay ... để đồng hành cùng khách hàng qua giai đoạn khó khăn hiện nay.
- ✓ Ứng dụng công nghệ trực tuyến Mobile Banking, Internet Banking và cung cấp các dịch vụ trên nền tảng Open Banking để thay đổi trải nghiệm thực tế, nâng cao sự thuận tiện cho khách hàng.

- Ngân hàng số: Tiếp tục phối hợp với các đối tác Fintech lớn để khai thác thị trường:
  - ✓ Dịch vụ thu hộ/chi hộ Open API.
  - ✓ Dịch vụ gửi tiết kiệm Online, vay, thẻ tín dụng trên kênh của đối tác.
  - ✓ Phát triển ngân hàng số Timo.
- Công tác đào tạo và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng: Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, nghiệp vụ kết hợp với các chính sách tạo động lực để phát huy hơn nữa tính chuyên nghiệp của CBCNV, xem công tác quản lý, phục vụ khách hàng ở tất cả các bước, không chỉ ở khâu dịch vụ khách hàng, mà kể cả ở những bước thẩm định khách hàng, kiểm tra sau cho vay, tác nghiệp tín dụng ... cũng giống như đang chăm sóc, tư vấn khách hàng nhằm mang lại cho khách hàng những trải nghiệm tốt, xây dựng văn hóa phục vụ và tính chuyên nghiệp của CBCNV như là một thế mạnh trong kinh doanh của BVBank.
- Kế hoạch tăng vốn năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua tăng thêm 3.504,1 tỷ đồng, gồm 2 phương án:
  - Phát hành cổ phiếu ra công chúng theo tỷ lệ 2:1, tổng vốn tăng thêm: 3.204,1 tỷ đồng. Đến thời điểm lập bản cáo bạch này, BVBank đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 430/GCN-UBCK ngày 11/09/2026 và BVBank đang triển khai thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 số 01/26/BVBank/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2026.
  - Phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động ESOP, tổng vốn tăng thêm: 300 tỷ đồng. Đến thời điểm lập bản cáo bạch này, BVBank đã nhận được văn bản số

9947/UBCL-QLCB ngày 07/10/2026 của UBCKNN về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP của BVB và BVBank đang triển khai thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 số 01/26/BVBank/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2026.

- Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau tăng vốn là 9.912,3 tỷ đồng.

❖ **Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) đã tiến hành khảo sát, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của BVBank.

BVBank đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho ACBS và cung cấp trong Bản Cáo Bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình kinh doanh của Ngân hàng. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của BVBank, thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2026 mà BVBank đưa ra là có thể thực hiện được và có tính khả thi.

Chúng tôi cũng đặc biệt lưu ý trong trường hợp diễn biến phức tạp hơn của tình trạng toàn cầu, suy giảm tăng trưởng kinh tế thế giới, chiến tranh giữa các nước trên thế giới diễn biến phức tạp, khủng hoảng năng lượng, lương thực và nguyên vật liệu sản xuất trên thế giới có thể ảnh hưởng sâu rộng lên nền kinh tế toàn cầu. Những rủi ro nêu trên có thể trực tiếp/gián tiếp ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng, do đó các nhà đầu tư cần tự nghiên cứu một cách cẩn trọng và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định đầu tư của mình.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

Ngoài các trái phiếu dự kiến đăng ký chào bán theo Bản Cáo Bạch này, BVBank chưa có kế hoạch cụ thể về việc chào bán trái phiếu trong 03 (ba) năm tới. Các đợt chào bán trái phiếu cụ thể trong các năm tiếp theo sẽ được HĐQT Ngân hàng thông qua trên cơ sở kế hoạch kinh doanh từng năm.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Các nội dung được trình bày dưới đây là các thông tin, các điều khoản và điều kiện về trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVBank (sau đây gọi chung là **"Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu"**). Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung, quy định và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan tại Bản Cáo Bạch này và phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVBank.

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây gọi là "Luật Doanh Nghiệp");
- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 (sau đây gọi tắt là "Luật Các Tổ Chức Tín Dụng") và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng Khoán");
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi tắt là "Luật số 56");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là "Nghị định 155");
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (sau đây gọi tắt là "Thông tư 118");
- Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là "Thông tư 115");
- Quyết định số 121/26/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 22/09/2026 của Hội đồng quản trị BVBank về việc thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng của BVBank năm 2026;
- Quyết định số 139/26/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 14/10/2026 của Hội đồng quản trị BVBank về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng của BVBank năm 2026;

- Văn bản số 122/26/BVBank/CV-HĐQT ngày 23/09/2026 của Hội đồng quản trị BVBank về việc cam kết triển khai niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Quyết định số 584/26/BVBank/QĐ-TGĐ ngày 23/09/2026 của Tổng Giám Đốc về việc triển khai chào bán và phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2026;
- Quyết định số 637/26/BVBank/QĐ-TGĐ ngày 14/10/2026 của Tổng Giám đốc BVBank về việc cập nhật, bổ sung nội dung Quyết định số 584/26/BVBank/QĐ-TGĐ ngày 23/09/2026 của Tổng Giám đốc BVBank triển khai kế hoạch chào bán và phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2026;
- Điều lệ Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt;
- Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác.

2. Tên trái phiếu

Trái phiếu BVBank phát hành ra công chúng năm 2026 ("**Trái Phiếu**").

3. Loại trái phiếu

Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của BVBank theo các quy định pháp luật hiện hành.

Đặc điểm pháp lý của trái phiếu:

- Các Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam;
- Tại bất cứ thời điểm nào, ngay sau khi được phát hành thành công, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo bằng tài sản của BVBank. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải chủ nợ thứ cấp).
- Các Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

4. Mệnh giá

Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.

5. Tổng số lượng trái phiếu phát hành và tổng giá trị Trái Phiếu phát hành theo mệnh giá dự kiến

- Tổng số lượng Trái Phiếu phát hành: Tối đa 13.000.000 (mười ba triệu) Trái Phiếu.
- Tổng giá trị Trái Phiếu phát hành (theo mệnh giá): Tối đa 1.300.000.000.000 (một nghìn ba trăm) tỷ VND.
- Thời điểm chào bán dự kiến: Quý IV/2026 – Quý I/2027.

6. Kỳ hạn trái phiếu

Trái Phiếu có kỳ hạn 07 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành.

7. Lãi suất và nguyên tắc xác định Lãi suất

7.1. Nguyên tắc xác định lãi suất

Lãi suất của Trái Phiếu ("**Lãi Suất**") là lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh theo định kỳ), tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm).

Nguyên tắc xác định Lãi Suất:

$$Lãi\ Suất = Lãi\ Suất\ Tham\ Chiếu + Biên\ Độ$$

Trong đó:

- **"Lãi Suất Tham Chiếu"** là bình quân Lãi Suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), trả lãi cuối kỳ, được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam, tương ứng theo các tên viết tắt như sau: Ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank (mỗi ngân hàng này được gọi là "Ngân hàng Tham Chiếu") tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy Lãi Suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đặt hội sở chính.
- **"Biên Độ"** là phần cộng thêm cố định (%/năm) vào Lãi Suất Tham Chiếu và **cố định là 3,6%/năm**.
- **"Kỳ Tính Lãi"** là khoảng thời gian định kỳ 01 (một) năm/lần kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu. Tiền lãi được tính trên số ngày thực tế trên cơ sở một năm có 365 ngày.
- **"Ngày Xác Định Lãi Suất"** được thông báo chính thức khi thực hiện công bố thông tin trước mỗi Kỳ Tính Lãi .

  Lãi suất của Kỳ Tính Lãi đầu tiên là 9,5%/năm (Lãi Suất này được tính theo nguyên tắc xác định Lãi Suất nêu trên, trong đó Ngày Xác Định Lãi Suất là ngày 13/10/2026 và Lãi Suất Tham Chiếu là 5,9%/năm).

  Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi và được thông báo trên website của BVBank trong vòng

02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp pháp luật quy định áp dụng trần Lãi Suất có hiệu lực bắt buộc đối với Trái Phiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi bất kỳ thì Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đó là mức Lãi Suất được xác định theo công thức trên, nếu mức Lãi Suất áp dụng theo công thức này chưa vượt quá mức trần Lãi Suất do pháp luật quy định, hoặc là mức Lãi Suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật, nếu mức Lãi Suất được xác định theo công thức trên vượt quá mức trần Lãi Suất do pháp luật quy định.

Để làm rõ, các số liệu về Lãi Suất sẽ được làm tròn theo nguyên tắc như sau:

- Lãi Suất Tham Chiếu: sẽ được làm tròn đến 02 (hai) chữ số ở phần thập phân (nếu có).
- Nguyên tắc làm tròn đến 02 (hai) chữ số ở phần thập phân như sau: nếu chữ số thứ 03 (ba) ở phần thập phân lớn hơn hoặc bằng 5 thì làm tròn lên, nếu chữ số thứ 03 (ba) ở phần thập phân nhỏ hơn 5 thì làm tròn xuống.

7.2. Nguyên tắc xác định tiền lãi Trái Phiếu

Mỗi Trái Phiếu sẽ được tính lãi kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng bao gồm Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu, hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác phù hợp với quy định của pháp luật và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng trong Kỳ Tính Lãi} = \text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ trong Kỳ Tính Lãi} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày thực tế nắm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Tính Lãi}}{365}$$

Trong trường hợp tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì khi đó, Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi với mức Lãi Suất bằng Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng c ho Kỳ Tính Lãi ngay trước Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại (kể cả trước và sau khi có phán quyết) từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại cho đến nhưng không bao gồm, ngày mà vào ngày đó Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan nhận được tất cả các khoản tiền đến hạn liên quan đến Trái Phiếu. Tiền lãi trên các khoản phải trả (trừ các khoản lãi) chậm thanh toán sẽ được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng trong trường hợp chậm thanh toán các khoản phải trả} = \text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu đang nắm giữ hoặc giá trị các khoản phải trả} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày thực tế bị chậm thanh toán}}{365}$$

Phạt chậm trả lãi Trái Phiếu: Trường hợp khoản tiền lãi Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho Người Sở Hữu

Trái Phiếu tiền phạt trên số dư lãi chậm trả của Trái Phiếu với số tiền phạt được tính theo công thức:

$$\text{Số tiền phạt} = \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \text{Số ngày quá hạn trả lãi Trái Phiếu/365} \times \text{Số dư lãi Trái Phiếu chậm trả}$$

Để tránh nhầm lẫn, sẽ không có bất kỳ khoản lãi nào phát sinh (và Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản lãi nào phát sinh) trên khoản phạt chậm trả lãi Trái Phiếu trong bất kỳ trường hợp nào.

Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc Gốc mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc các thành viên lưu ký thì số tiền thanh toán Lãi, Gốc đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc các thành viên lưu ký giữ hộ và không được hưởng lãi.

Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác không phải là Ngày Làm Việc, thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo và Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.

Đối với việc ngừng thanh toán tiền lãi trái phiếu:

- Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền Lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán"). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền lãi là "Kỳ Tạm Ngừng" thanh toán tiền lãi đó.
- Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào Gốc và sẽ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán) và được tính trên số ngày thực tế chậm trả trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh toán là Lãi Suất của Trái Phiếu tương ứng (mức Lãi Suất này được áp dụng trong suốt thời gian tạm ngừng thanh toán tiền lãi).

8. **Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu**

- Lãi được trả sau, định kỳ mỗi năm một lần.

Lãi được trả sau, định kỳ mỗi năm một lần vào ngày tròn (01) năm liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác.

- Gốc được trả một lần khi đến hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại theo quy định hoặc ngày đến hạn khác. Tiền Gốc sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá của Trái Phiếu tương ứng vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại phù hợp với Điều Khoản, Điều Kiện Trái Phiếu.

- Tổ Chức Phát Hành gửi hồ sơ thực hiện quyền đến VSDC và thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành để thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

9. **Giá chào bán:**

Trái Phiếu được chào bán với giá bằng 100% mệnh giá, cụ thể: 100.000 VND (một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.

10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo bằng Tài sản của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức Phát hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác. Các Trái Phiếu chào bán cùng một Đợt Phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

11. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

11.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hoặc trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu sẽ được xem là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và được hưởng các quyền liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm:

(a) Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền gốc và tiền lãi và các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này và quy định của pháp luật có liên quan (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi theo quy định tại *Khoản 7.2 Mục VI. Thông tin về đợt chào bán* ở trên);

(b) Được tự do chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của mình (bao gồm nhưng không giới hạn ở mua, bán, cho, tặng, để lại thừa kế và các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật) và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này và quy định của pháp luật có liên quan;

(c) Được cấp trích lục Sổ Đăng Ký và/hoặc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu nếu có yêu cầu, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung;

(d) Được yêu cầu xác nhận số dư Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký hoặc theo quy định của các thành viên lưu ký tại nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản chứng khoán;

(e) Được yêu cầu Tổ Chức Phát Hành giữ bí mật thông tin liên quan đến số dư Trái Phiếu và các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu trừ khi Tổ chức Phát Hành phải tiết lộ các thông tin đó theo quy định của pháp luật;

(f) Quyền khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây của Tổ Chức Phát Hành, gọi chung là một **"Sự Kiện Vi Phạm"**:

(i) ***Không thanh toán:*** Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu và vi phạm đó vẫn chưa được khắc phục trong thời gian 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền ngừng thanh toán lãi theo quy định tại *Khoản 7.2 Mục VI. Thông tin về đợt chào bán* ở trên). Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khởi kiện Tổ Chức Phát Hành theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác.

(ii) ***Phá sản, giải thể***: Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản (được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo) cho Tổ Chức Phát Hành và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.

(g) Được tham dự, lấy ý kiến biểu quyết và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này;

(h) Được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này;

(i) Các quyền khác theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này và quy định của pháp luật liên quan.

11.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Tuân thủ các quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu liên quan (nếu có)'

(b) Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của chính mình;

(c) Không được yêu cầu thanh toán Trái Phiếu không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm bất kỳ quy định nào tại các Văn Kiện Trái Phiếu sẽ phải bồi thường các thiệt hại thực tế cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

(d) Lập tức hoàn trả cho Tổ Chức Phát Hành bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Phát Hành hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó;

(e) Thông báo ngay cho Tổ Chức Phát Hành khi có sự thay đổi hoặc chấm dứt ủy quyền của đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định đại diện ủy quyền làm việc với Tổ Chức Phát Hành;

(f) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành;

(g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;

(h) Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế phát sinh từ thu nhập chịu thuế hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;

(i) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu;

(j) Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

11.3. Thay đổi quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có sự thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận bằng văn bản hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

12. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Tên Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

- Trách nhiệm cơ bản của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số 2309/ĐDNSHTP ngày 23/09/2026.

  ✓ Phối hợp với Tổ Chức Phát Hành để thực hiện các quyền lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

  ✓ Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan khác (nếu có).

  ✓ Nhận và nhanh chóng thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các tổ chức liên quan khác (nếu có) yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu và ngược lại trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được các văn bản đó.

  ✓ Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan (nếu có) thực hiện các Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu, phù hợp với Văn Kiện Trái Phiếu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được nhân danh làm đại diện.

  Để làm rõ, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu:

  • Không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước Tổ Chức Phát Hành/Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đã được quy định rõ ràng tại Văn Kiện Trái Phiếu;

  • Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là có thể trái với, bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nào hoặc quyết định, văn bản của cơ quan nhà nước, tổ chức quản lý có thẩm quyền hay quy chế của VSDC hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán. Trường hợp phát sinh bất kỳ công việc hay nhiệm vụ đó, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày phát sinh công việc hay nhiệm vụ, trong đó nêu rõ cơ sở và/hoặc quy định liên quan về việc không thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó.

  ✓ Giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu để đảm bảo các quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

  Để làm rõ, việc giám sát của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện trên cơ sở hồ sơ nhận được từ Tổ Chức Phát Hành, cơ quan có thẩm quyền và các tổ chức liên quan cung cấp (nếu có) và những thông tin trong các hồ sơ nêu trên sẽ mặc nhiên được coi là chính xác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có nghĩa vụ kiểm tra, xác minh về tính xác thực của những hồ sơ đó. Tổ Chức Phát Hành cam kết

bảo đảm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực đối với các thông tin do mình cung cấp cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và cam kết chịu trách nhiệm trong trường hợp có bất kì sai sót nào xảy ra đối với những hồ sơ do mình cung cấp, dù là vô ý hay cố ý.

- ✓ Thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- ✓ Tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Phụ Lục Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu hợp lệ của người có thẩm quyền triệu tập theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu (bao gồm cả việc quyết định hình thức lấy ý kiến của những Người Sở Hữu Trái Phiếu) ("Người Yêu Cầu") phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu, quy định của pháp luật; thay mặt và nhân danh những Người Sở Hữu Trái Phiếu ký các Biên bản họp/Biên bản kiểm phiếu, các Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- ✓ Hỗ trợ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu.
- ✓ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định pháp luật (nếu có).

13. Mua lại Trái Phiếu trước hạn

Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn đảm bảo an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) và sau khi Trái Phiếu đã chính thức được niêm yết, Tổ Chức Phát Hành có thể thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn và thông báo về việc mua lại cũng như công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Số tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi BVBank thực hiện mua lại bao gồm: tổng mệnh giá khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán (sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân – đối với cá nhân, và các chi phí liên quan (nếu có) theo biểu phí dịch vụ của BVBank từng thời kỳ). Bằng việc gửi thông báo (không hủy ngang) cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ hoặc một phần Trái Phiếu, cụ thể tại các trường hợp dưới đây:

13.1. Mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu: là ngày tròn 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) mua lại trước hạn toàn bộ khối lượng Trái Phiếu đã phát hành tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành, lúc này Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tương ứng sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành. Kể từ Ngày Chốt Danh Sách cho đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được chuyển nhượng, sử dụng Trái Phiếu để chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, tạo lập các nghĩa vụ hoặc biện pháp bảo đảm đối với Trái Phiếu mà dẫn đến hoặc có thể dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Tổ Chức Phát Hành ít nhất 15 (mười lăm) ngày nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc một thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật liên quan và quy chế của VSDC sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc không thực hiện đủ các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi nhận tại Tổ Chức Phát Hành hoặc thông qua các Thành viên lưu ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký.

Trong phạm vi các văn bản pháp luật liên quan có yêu cầu, Tổ Chức Phát Hành sẽ có quyền khấu trừ hoặc giữ lại các khoản thuế, nghĩa vụ thuế, phí và chi phí từ bất kỳ khoản nào phải thanh toán cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này để nộp cho Cơ quan Nhà nước nêu trên theo quy định.

13.2. Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận

Tại bất kỳ thời điểm nào, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào với bất cứ giá nào với điều kiện phải thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu trước tối thiểu 15 (mười lăm) ngày tính đến ngày dự kiến mua lại Trái Phiếu trước hạn. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu với cùng một điều kiện và theo tỷ lệ tương ứng với số tiền gốc của Trái Phiếu mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định việc có bán lại Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua các Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

13.3. Mua lại Trái Phiếu khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm

Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào trong các Sự Kiện Vi Phạm quy định tại Điều 11.1.(f) xảy ra thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ Chức Phát Hành bắt buộc phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu

14. Hoàn trả và hủy bỏ Trái Phiếu

14.1. Hoàn trả Trái Phiếu

Trừ khi Trái Phiếu được mua lại và hủy bỏ trước hạn theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này, vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán toàn bộ (i) khoản tiền gốc của Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó; (ii) bất kỳ khoản tiền lãi và các khoản tiền khác phải trả đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu tính đến nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn.

14.2. Hủy bỏ Trái Phiếu

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành hoàn trả và/hoặc mua lại trước hạn theo Điều 13. Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại (trừ trường hợp pháp luật có liên quan có hướng dẫn khác). Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi đến hạn theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này

15. Quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Quyết định của (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu có thể được thông qua dưới hình thức biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (như định nghĩa dưới đây) hoặc bằng cách lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản phù hợp với các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này, Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

15.1. Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

a. Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu là cuộc họp của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó (**"Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu"** hoặc **"Hội Nghị"**). Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức trực tiếp hoặc tổ chức dưới hình thức các phương tiện truyền thông điện tử như hội nghị qua điện thoại hoặc hội nghị trực tuyến.

b. Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập theo yêu cầu của người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị (Người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập là Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng nhau) sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành trở lên.

c. Việc triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu phải được thông báo bằng văn bản gửi tới tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành trước ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc (trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thì có thể gửi thông báo hoặc không cần gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành). Thông báo triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu phải ghi rõ thời gian, địa điểm, nội dung dự kiến của Hội Nghị;

d. Số đại biểu tham dự cần thiết để tiến hành:

(i) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ nhất để quyết định (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị; và để quyết định (các) Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành Hội Nghị; và

(ii) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ hai (do lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện số đại biểu cần thiết) để quyết định (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị; và để quyết định (các) Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành Hội Nghị.

e. Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập và tiến hành theo trình tự và thủ tục quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

15.2. Lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản

a. Quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu có thể được thông qua bằng cách lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản (**"Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản"**);

b. Việc Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản có thể được thực hiện theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng nhau) sở hữu ít nhất 20% (hai mươi phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm lấy ý kiến đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu.

c. Việc Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản sẽ được tiến hành theo trình tự và thủ tục quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

15.3. Thông qua Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu

a. Quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ vấn đề nào hoặc bất kỳ điều kiện, điều khoản của Trái Phiếu không phải là Vấn Đề Loại Trừ được thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất (i) 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành và được biểu quyết hợp lệ tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (ii) 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó nếu được biểu quyết bằng cách Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản.

b. Quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ Vấn Đề Loại Trừ nào được thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành và được biểu quyết hợp lệ

tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (ii) 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó nếu được biểu quyết bằng cách Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản.

c. Quyết định được số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu 100% (một trăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó chấp thuận (dù tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản) là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập hoặc lấy ý kiến không đáp ứng quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

d. Quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu được thông qua hợp lệ theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (cho dù Người Sở Hữu Trái Phiếu có tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hay đưa ra ý kiến bằng văn bản hay không) nhưng một quyết định có hiệu lực làm thay đổi Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu sẽ chỉ ràng buộc Tổ Chức Phát Hành nếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận rõ ràng bằng văn bản ("Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu").

e. Không phụ thuộc vào các quy định tại các Điều Kiện 15.3. a, 15.3. b, 15.3. c và 15.3. d nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% (một trăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hay tổ chức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản. Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó, và trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua.

16. Phương thức phân phối

Phương thức phân phối Trái Phiếu: chào bán và phát hành trực tiếp cho nhà đầu tư thông qua Trụ Sở chính, các Chi nhánh và/hoặc Phòng giao dịch của BVBank trên toàn hệ thống.

17. Đăng ký mua trái phiếu

17.1. Số lượng đăng ký mua tối thiểu và thời hạn đặt mua

- Đối tượng mua là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.
- Số lượng đăng ký mua tối thiểu:

+ Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Số lượng đặt mua tối thiểu 100 (một trăm) Trái Phiếu hoặc bội số của 100 (một trăm) Trái Phiếu.

+ Đối với nhà đầu tư là tổ chức kinh tế: Số lượng đặt mua tối thiểu 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu hoặc bội số của 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu.

17.2. Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua trái phiếu

- Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc công khai, công bằng.
- Nhà Đầu Tư sẽ đăng ký mua, thanh toán trực tiếp tại các Chi nhánh/ Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành.
- Thời hạn đăng ký mua và thanh toán tiền mua Trái Phiếu: theo công bố của Tổ Chức Phát Hành tại bản Thông báo phát hành.
- Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối số Trái Phiếu được phép chào bán cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà Đầu Tư. Số lượng Trái Phiếu phân bổ cho các nhà đầu tư theo tỷ lệ đăng ký mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm và/hoặc hàng nghìn, đồng thời tổng số lượng Trái Phiếu phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán, cụ thể như sau:
  - Số lượng Trái Phiếu phân bổ cho các nhà đầu tư cá nhân theo tỷ lệ đăng ký: sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm **(100 Trái Phiếu)**.
  - Số lượng Trái Phiếu phân bổ cho các nhà đầu tư tổ chức theo tỷ lệ đăng ký: sẽ được làm tròn xuống đến hàng nghìn **(1.000 Trái Phiếu)**.
- Trường hợp đối với số lượng Trái Phiếu còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống theo nguyên tắc trên (nếu có), số Trái Phiếu này sẽ được phân bổ đều cho các nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất bằng nhau (phân bổ theo tỷ lệ đăng ký của nhà đầu tư cá nhân và tổ chức so với tổng số lượng đăng ký). Nếu sau khi phân bổ đều theo nguyên tắc trên vẫn phát sinh số Trái Phiếu còn dư, thì số Trái Phiếu còn lại này sẽ được hủy bỏ và không thực hiện chào bán.
- Để tránh hiểu nhầm, việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi Nhà Đầu Tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

17.3. Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu

- Hình thức thực hiện: Chuyển trả các khoản tiền vào tài khoản của nhà đầu tư theo thông tin đã đăng ký, hoặc chuyển trả bằng tiền mặt tại địa điểm mà nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua (trường hợp nhà đầu tư không có tài khoản ngân hàng).
- Thời gian thực hiện: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày có văn bản của

UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu được giải tỏa.

18. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu

Thời gian chào bán và phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực. Trường hợp tổ chức phát hành không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu cụ thể như sau:

STT	Nội Dung	Thời Gian Dự Kiến
1	UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng	T
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về việc chào bán Trái Phiếu	Từ T → T+3
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu	T+3 đến T+23 (tối thiểu 20 ngày)
-	Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và thanh toán dự kiến	T+3
-	Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và thanh toán dự kiến	T+23
4	Ngày Phát Hành	T+23
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	UBCKNN có công văn về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo kết quả chào bán của BVBank	
7	Tổ Chức Phát Hành giải tỏa tiền từ Tài Khoản Phong Tỏa	
8	Cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu Cho Nhà Đầu Tư	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Trường hợp số lượng Trái Phiếu chào bán chưa chào bán hết theo dự kiến thì số lượng Trái Phiếu còn lại sẽ được hủy.

19. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu ("Tài Khoản Phong Tỏa")

- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM
- Số tài khoản: 1023752050
- Chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Bản Việt.

20. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại Ngày Phát Hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau Ngày Phát Hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu lý về thuế có thể có ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hóa) phải tuân theo các quy định riêng.

20.1. Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi trái phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

20.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/0214, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế Thu nhập Doanh Nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016.
- Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:

- ✓ Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ trái phiếu là 5%; và
- ✓ Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu: 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng trái phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

21. Thông tin về các cam kết

21.1. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện chào bán, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

- Chào bán Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư phù hợp với các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu;
- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán Trái Phiếu quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan tại Ngày Phát Hành;
- Tính toán tiền Lãi và/hoặc Gốc phải trả cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền Gốc, Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu thanh toán, chuyển nhượng, sử dụng làm tài sản đảm bảo hoặc chiết khấu Trái Phiếu;
- Đối với các Trái Phiếu chưa thực hiện lưu ký, nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc bị phá hủy thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan được Tổ Chức Phát Hành cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu;
- Giữ bí mật thông tin về số dư Trái Phiếu và các giao dịch về Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;
- Báo cáo NHNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giao dịch chào bán Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;
- Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong quá trình chào bán Trái Phiếu và khi thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chào bán Trái Phiếu. Nghĩa vụ này không áp dụng cho các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu giao dịch trên thị trường thứ cấp;
- Sử dụng nguồn vốn huy động được từ việc chào bán Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và quy định của pháp luật;
- Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật;

21.2. Cam kết về thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán

- Sau khi kết thúc đợt chào bán, BVBank sẽ thực hiện niêm yết các Trái Phiếu, hoàn thiện hồ

sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

- BVBank sẽ duy trì việc niêm yết trái phiếu chừng nào còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Quyết định số 121/26/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 22/09/2026 của Ngân hàng TMCP Bản Việt về việc thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng của BVBank năm 2026, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được các đợt chào bán và phát hành Trái Phiếu ra công chúng nhằm tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán và phát hành Trái Phiếu ra công chúng nhằm tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và để bổ sung vốn cho vay. Cụ thể:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
1	Bổ sung vốn cho vay	1.300.000.000.000
TỔNG CỘNG		**1.300.000.000.000**

Thời gian sử dụng vốn dự kiến: trong năm 2027 – 2028, tùy thuộc vào tình hình thực tế nhu cầu giải ngân vốn của khách hàng, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng tối đa mà Tổ Chức Phát Hành được Ngân hàng Nhà nước cấp tại thời điểm đó.

Số tiền và thời gian thực tế giải ngân cho khách hàng phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu phát hành thành công trong thực tế. Tổng Giám Đốc hoặc Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền triển khai kế hoạch giải ngân và điều chỉnh linh hoạt tùy theo nhu cầu vay vốn của khách hàng và tiến độ cho vay thực tế của Tổ Chức Phát Hành.

Trong trường hợp giải ngân theo tiến độ nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu, nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu tạm thời nhàn rỗi sẽ được Tổ Chức Phát hành giữ dưới dạng tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền hoặc tiền gửi tại các ngân hàng (bao gồm Ngân hàng Nhà nước và/hoặc các tổ chức tín dụng khác).

Trường hợp số tiền dự kiến thu được từ chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, Tổ Chức Phát Hành có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn thông qua các kênh huy động vốn khác như: huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành giấy tờ có giá khác... phù hợp với quy định pháp luật, nhằm đảm bảo và đáp ứng tối đa nhu cầu giải ngân/cho vay trên cơ sở đảm bảo mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của Tổ Chức Phát Hành.

2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu

2.1. Nguồn trả nợ của Tổ Chức Phát Hành

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn dòng tiền lãi và gốc thu được từ các khoản giải ngân/cho vay được tài trợ bởi nguồn vốn thu được từ việc phát hành Trái Phiếu để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu. Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh sau khi trừ đi các chi phí vẫn bảo đảm thanh toán đầy đủ các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu đang dự kiến chào bán.

Đối với trường hợp việc thanh toán lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó bị lỗ thì Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo.

Chi tiết dòng tiền thu được từ các khoản giải ngân/cho vay được tài trợ bởi nguồn vốn thu được đợt phát hành Trái Phiếu được xây dựng dựa trên giả định sau:

- Tổng giá trị phát hành thành công đạt 100% kế hoạch chào bán và tiến độ giải ngân, cho vay khách hàng thực tế đúng với kế hoạch tại Phương Án Phát Hành này;
- Lãi suất cho vay là 11% đối với tất cả các khoản vay, ở mọi thời điểm và sẽ không thay đổi cho đến khi khoản vay đáo hạn.

Với các giả định trên, nguồn trả nợ được tổng hợp thành bảng dưới đây như sau:

ĐVT: tỷ VND

Kỳ thu nợ	Lãi suất cho vay giả định (%/năm)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải thu dự kiến	Vốn gốc thu hồi trong kỳ	Gốc + Lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	11%	1.300	143	0	143	1.300
2	11%	1.300	143	0	143	1.300
3	11%	1.300	143	0	143	1.300
4	11%	1.300	143	0	143	1.300
5	11%	1.300	143	0	143	1.300
6	11%	1.300	143	0	143	1.300
7	11%	1.300	143	1.300	1.443	0
TỔNG			**1.001**	**1.300**	**2.301**	

Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản thanh toán lãi, gốc của các khoản cho vay dự kiến từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu chưa đủ để chi trả lãi, gốc Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự có lũy kế, lợi nhuận hoạt động kinh

doanh, các nguồn thu hợp pháp khác và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

2.2. Kế hoạch trả nợ của Tổ Chức Phát Hành

Tổ Chức Phát Hành dự kiến phát hành Trái Phiếu với tổng giá trị (tính theo mệnh giá) là 1.300.000.000.000 VND, chào bán trong 01 (một) đợt.

Kế hoạch trả nợ dự kiến của Tổ Chức Phát Hành được xây dựng dựa trên các giả định sau:

- Tổng giá trị phát hành thành công đạt 100% kế hoạch chào bán;
- Lãi suất Trái Phiếu thả nổi là 9,5%;
- Kỳ hạn trái phiếu chào bán là 07 năm và Kỳ thanh toán dự kiến tròn năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu.
- Trái Phiếu đã phát hành không phát sinh việc mua lại trước hạn trong suốt thời gian lưu hành, tương tự, các khoản cho vay khách hàng cũng không phát sinh việc trả nợ trước hạn.

Với các giả định trên, kế hoạch trả nợ của Tổ Chức Phát Hành được tổng hợp thành bảng dưới đây như sau:

ĐVT: Tỷ VND

Kỳ thanh toán (*)	Lãi suất Trái Phiếu giả định (%/năm)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải trả dự kiến	Gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải trả dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	9,5%	1.300	123,5	0	123,5	1.300
2	9,5%	1.300	123,5	0	123,5	1.300
3	9,5%	1.300	123,5	0	123,5	1.300
4	9,5%	1.300	123,5	0	123,5	1.300
5	9,5%	1.300	123,5	0	123,5	1.300
6	9,5%	1.300	123,5	0	123,5	1.300
7	9,5%	1.300	123,5	1.300	1.423,5	0
TỔNG			**864,5**	**1.300**	**2.164,5**	

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH ERNST& YOUNG VIỆT NAM

- Địa chỉ: Trung tâm Tài chính Bitexco, tầng 20, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250.

2. Tổ chức tư vấn và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028)7300 3751
- Website: www.acbs.com.vn

+ Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán:

Với vai trò là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, trên cơ sở những thông tin từ Tổ Chức Phát Hành, phương án phát hành và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) đã tiến hành khảo sát, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành. Ngoại trừ trường hợp không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến các đợt chào bán, thì kế hoạch chào bán Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành đưa ra là có thể thực hiện được và có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của kế hoạch chào bán. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành, do đó các nhà đầu tư cần tự nghiên cứu một cách cẩn trọng và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định đầu tư của mình.

+ Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán:

Không có.

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2026

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

LÊ ANH TÀI

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÝ HOÀI VĂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ KIM THU

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

ACBS

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB

Nguyễn Đức Hoàn
TỔNG GIÁM ĐỐC

XII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023;
- Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992 và các Quyết định sửa đổi;

2. Phụ lục II:

- Quyết định số 121/26/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 22/09/2026 của Hội đồng quản trị BVBank về việc thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ việc chào bán trái phiếu ra công chúng của BVBank năm 2026;
- Quyết định số 584/26/BVBank/QĐ-TGĐ ngày 23/09/2026 của Tổng Giám Đốc về việc triển khai kế hoạch chào bán và phát hành trái phiếu ra công chúng của BVBank năm 2026;
- Quyết định số 637/26/BVBank/QĐ-TGĐ ngày 14/10/2026 của Tổng Giám Đốc về việc cập nhật, bổ sung nội dung Quyết định số 584/26/BVBank/QĐ-TGĐ của Tổng Giám đốc BVBank triển khai kế hoạch chào bán và phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2026;
- Quyết định số 139/26/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 14/10/2026 của Hội đồng quản trị BVBank về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng của BVBank năm 2026;

3. Phụ lục III: Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt

4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2024, 2025 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ bán niên đã soát xét và Quý 3 năm 2026

5. Phụ lục V: Văn bản số 5786/26/BVBank/CV-TGĐ ngày 23/9/2026 của BVBank cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác

6. Phụ lục VI: Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu giữa Tổ Chức Phát Hành với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu